

NHỮNG NGÀY SÔI NỔI

**BAN NGHIÊN CỨU LỊCH SỬ ĐẢNG
TY VĂN HÓA THÔNG TIN BẮC THÁI XUẤT BẢN**

LỜI GIỚI THIỆU

Từ khi ra đời đến nay, Đảng bộ đã lãnh đạo nhân dân các dân tộc tỉnh ta viết nên những trang sử oanh liệt.

Tập sách này ra mắt bạn đọc, nhằm cung cấp thêm một số tư liệu về lịch sử cách mạng của Đảng và nhân dân ta.

Sự kiện lịch sử diễn ra muôn hình muôn vẻ, những cống hiến của mỗi cán bộ, đảng viên và quần chúng đối với cách mạng vô cùng phong phú. Trong khuôn khổ của một cuốn sách nhỏ, chắc chắn chưa thỏa mãn được yêu cầu của bạn đọc.

Chúng tôi mong nhận được nhiều ý kiến xây dựng của các đồng chí cán bộ hoạt động lâu năm và của bạn đọc.

**BAN NGHIÊN CỨU LỊCH SỬ ĐẢNG
BẮC THÁI**

THOÁT MỘT NGƯỜI LÀ CÓ LỢI CHO CÁCH MẠNG...

HÀ KHAI LẠC

Sau hội nghị Trung ương Đảng lần thứ tám (tháng 5-1941), đồng chí Chu Văn Tấn đưa một đoàn cán bộ từ Pắc bó (Cao bằng) về Bắc sơn để chuẩn bị về xuôi. Trong đoàn cán bộ có các anh Trường Chinh, Hoàng Quốc Việt...và còn một đồng chí có khuôn mặt hơi tròn, rất giống người trung Quốc. Anh Tấn giới thiệu đó là đồng chí Phùng mà sau này tôi mới biết đồng chí Phùng là Phùng Chí Kiên, người đã từng được bầu vào Ban Thường vụ Trung ương Đảng ta năm 1935, nay là ủy viên Trung ương, được Đảng cử về phụ trách khu di tích Bắc Sơn, Võ nhai. Anh rất giỏi về quân sự, đã tốt nghiệp trường Hoàng – phổ và làm cán bộ giảng dạy quân sự ở trường võ bị Hải lục - Phong ở Quảng Đông, Trung Quốc và cũng đã từng sát cánh với Hồng quân Trung - hoa, đánh Nhật ở Sán - đầu (Trung Quốc).

Cần nói thêm là đoàn cán bộ ta từ Pắc bó về Bắc sơn đã bị lộ tung tích, bọn địch truy lùng ráo riết, quyết bắt cho kỳ được những cán bộ quan trọng của Đảng ta. Địch khủng bố Bắc sơn và khủng bố cả Võ nhai nữa. Đến đâu, bọn Pháp cũng giở những thủ đoạn rất tàn ác như: đốt nhà, đồn làng, giết dân vô tội. Đội du kích chúng tôi hoạt động hết sức khó khăn và thường là phải thay đổi chỗ ở. Các lớp huấn luyện về quân sự do anh Phùng Chí Kiên mở, có khi vừa tập trung đã phải phân tán. Từng đoàn lính lê – dương liên tiếp càn rùng. Bọn mật thám thì giả dạng làm thường dân, thường đi sâu vào trong rùng để dò xét vết tích cán bộ hoạt động cách mạng. Tất cả các ngã đường rùng đều bị quân địch canh gác nghiêm ngặt; chúng rắc tro, buộc cỏ để phát hiện dấu vết du kích.

Trước tình hình hoạt động ngày càng khó khăn nguy hiểm, hai anh Phùng Chí Kiên và Lương Văn Chi (anh Chi là Xứ ủy viên, cũng ở trong Ban chỉ huy đội du kích Bắc sơn, Võ nhai), quyết định rút quân ra khỏi vòng vây địch để bảo tồn lực lượng. Các đồng chí chia lực lượng ra làm hai nhóm, đi làm hai đường về vùng biên giới, với ý định sẽ củng cố lại đội ngũ, rèn luyện

thêm cho đội viên về chính trị, quân sự và xây dựng cho mọi người một ý chí sắt đá, chờ dịp trở về đánh địch những đòn quyết liệt.

Một toán 7 người, gồm các đồng chí: Phùng Chí Kiên, Lương Văn Chi, Mã Thành Kính, Bế Sơn Cương, Lâm, Thành và tôi, đi về phía Cao bằng.

Sau mấy ngày len lỏi trong rừng, phải tránh các đường cái lớn, lội dọc theo nhiều con suối để không để lại các dấu vết trên đường mòn, ngày 14-8-1941, chúng tôi đến Yên hùng thuộc châu Bình gia, Lạng sơn, rồi đi qua Nà ban, Sắc sái thuộc Cư lễ, châu Na rì. Đến đây, chúng tôi phát hiện ra có một tên mật thám cứ lảng nhãng theo sau. Thấy rằng tung tích có thể bị lộ vì tên chó săn đó, chúng tôi buộc lòng phải thanh toán nó.

Chúng tôi lại phải đi ngoằn ngoèo vào rừng rậm, leo qua những đoạn đường rất hiểm trở để đánh lạc hướng đánh hơi của bọn tay sai Pháp.

Ngày 16 và 17-8-1941, chúng tôi đến được Pò kíp, xã Văn học thuộc châu Na rì. Đây là vùng khá quen thuộc vì tôi đã làm gạch,ngói mấy năm ở xã này. Hồi đó tôi lấy tên là Tảo. Xã này có tên chánh Thượng phản động, cần phải đề phòng. Riêng tôi thì hồi đó còn rất ngây thơ và kém cảnh giác về chính trị nên cho rằng hồi còn làm thợ đóng gạch ở đây, tôi đã làm không công cho bọn chúng hàng vạn gạch ngói, chắc chúng cũng phải nghĩ đến ơn xưa mà giành cho chúng tôi mọi sự dễ dàng. Tôi đã tính lầm! Đến trạm gác Pô kíp thì chúng tôi chạm trán chánh tổng Lương thượng và 5 tuần đinh. Tên chánh Thượng ngăn chúng tôi lại, đòi xét hỏi giấy tờ. Lúc đầu nói dối là bọn tôi đi buôn lậu ở biên giới, đề nghị nó cho đi rồi sau này sẽ hậu tạ.

Chánh Thượng, mặt đỏ gay, nó vung ba -toong một vòng rồi quát mắt quát: “Chúng mày có biết Thượng này làm gì ở đây không?” Tôi gãi tai, vờ nói nịnh cho qua chuyện: “Dạ, đất này ai mà không biết tiếng cụ Chánh!” Tên Thượng sùng sộ, nó hà cả hơi rượu vào mặt tôi: “Ở đâu cũng vậy “đất có thổ công, sông có hà bá”, sao chúng mày không đến trình tao trước? Tất cả phải đứng yên cho tao khám thể và khám người xem có đồ quốc cấm không đã”.

Chúng tôi ôn tồn nói chuyện và khuyên chúng nên để chúng tôi đi. Chánh Thượng không nghe. Nó chỉ ba – toong vào mặt tôi, giọng lè nhè:

“Thằng Tảo kia, mày cũng đi với lũ ăn mày này à? Ông thì bắt trời cả lũ xem chúng mày có phải là buôn lậu không?” Nói xong, nó hô tuần đình khám xét chúng tôi.

Đứng trước tình thế đó, anh Lâm đưa mắt dò hỏi anh Phùng Chí Kiên, còn tay thì luôn vào áo, rút ra khẩu súng ngắn. Anh Kiên sẽ gạt đầu. Thế là anh Lâm chĩa súng vào mặt chánh Thượng và bóp cò. Tiếc thay, đạn không nổ! Tên chánh Thượng hốt hoảng nhảy lùi về phía sau hai bước, nó quát tuần đình: “Cứ xông vào, súng giả đây!”. Ngay lúc đó, đồng chí Sơn Cương đã lia khẩu pạc – hooc khiến chánh Thượng ngã khụy xuống. Bọn tuần đình chạy rề ra hai bên. Anh Kiên hạ lệnh: “Chúng ta đi thôi!”.

Chúng tôi chạy vào rừng, sút sang lồi Pò mát. Tên chánh Thượng tuy bị thương nhưng vẫn cay cú, hô tuần đình đuổi theo chúng tôi. Bọn tuần đình trù trù không quyết tâm, nhưng có hai tên xách súng kíp, xông lên. Hai đứa bám rất sát chúng tôi. Cực chẳng đã, chúng tôi đành nổ súng trừng trị bọn chúng. Tên trưởng tuần Nông Văn Tạc bị thương ở cánh tay, còn tên tuần đình Bé Văn Lê đã bị viên đạn của anh Mã Thành Kính kết liễu cuộc đời. Thế là bọn chúng đành bỏ dở cuộc săn đuổi.

Chúng tôi tạm ngừng chân để hội ý. Đầu tiên, có một ý kiến nêu lên là rẽ qua đường khỏi lách, Khuổi cạn lên Nậm chảng (lạng sơn) rồi đi Pác bó (cao bằng), nhưng lại có vài ý kiến đề nghị anh Kiên cho đi lồi Ngân sơn. Anh em có một ý định hết sức táo bạo là phục kích ngang đường, chặn bắt một ô tô địch, phóng thẳng lên lồi Cao bằng. Đây là một việc làm mà kẻ địch không thể ngờ tới được. Ngồi ô tô vừa đỡ mệt vừa đánh lạc được hướng theo dõi của địch. Bọn tuần đình, lính canh sẽ không dám ngăn bắt một ô tô đương chạy vì không thể nào chúng đoán được ô tô đó có chúng tôi và người lái lại là anh Bé Sơn Cương.

Lúc đầu, anh Phùng Chí Kiên, trù trù, cho kế ấy phiêu lưu, nhưng rồi chúng tôi mỗi người nói một câu, phân tích thêm là ta chỉ cần vượt mấy chặng nguy hiểm rồi lao xe xuống vực, chúng ta lại đi bộ. Sau này khi bọn địch phát hiện ra thì chúng ta đã cao chạy, xa bay rồi. Cuối cùng, anh Kiên miễn cưỡng

tán thành. Thế là chúng tôi đi về phía Ngân sơn, định men theo đường cái lớn để chặn bắt ô – tô.

Buổi chiều 20-8, chúng tôi đến nhà một người Dao ở hẻo lánh trong rừng thuộc xóm Khâu long, châu Ngân sơn, định nấu cơm ăn rồi lại tiếp tục đi. Chúng tôi không ngờ tên chủ nhà đã đi báo cho chánh mục Bằng, chánh mục Bằng báo tên châu úy Bảo. Cơm chưa chín đã có tin quân địch bao vây. Ai nấy vội vã luôn rừng đi về Khau pàn, định vượt đường số 3 phụ. Lúc này khoảng bốn giờ chiều. xung quanh chúng tôi là quân lính của bọn khét tiếng gian ác vùng này như: châu úy Bảo, châu đoàn Phát, quản lợi và đội Quân. Bọn chúng đi dàn hàng ngang để lùng tìm. Khi phát hiện ra chúng tôi, bọn địch nổ súng liên. Chúng tôi nằm rạp xuống cỏ, tìm mô đất hay gốc cây để nổ súng bắn trả. Hai anh Phùng Chí Kiên và Lương Văn Chi đều đã bị thương. Chúng tôi vừa vẫn vừa lùi nhưng quân địch đã lộ chốt ở khắp nơi: ở trên đỉnh núi cao và ở ngay dưới khe suối. Mặt anh Kiên đầy máu me. Anh bị một vết thương khá nặng ở đầu. Đôi lúc anh như không còn bò đi được nữa. Tuy vậy, chúng tôi vẫn nghe được tiếng anh Kiên hạ lệnh: “Tập trung súng bắn một loạt rồi mở đường máu chạy đi”. Tôi ôm lấy vai anh Kiên, cố dìu anh đi, nhưng anh gạt tay ra và dặn nhỏ: “Phải chạy ngay, thoát một người là có lợi cho cách mạng, đừng dằng ở đây thì chết hết. Về Cao bằng nhớ báo cáo lại với cấp trên, tôi ở lại bắn bọn chúng để các đồng chí chạy”.

Thì giờ lúc này cấp bách quá! Làn đạn của địch cứ chiu chiu ở phía trên đầu, có viên cắm phập vào bụi cỏ ở trước mặt chúng tôi. Tôi xông lại cứ kéo anh Kiên đi. Một toán lính rời chỗ nấp, khom lưng lao đến định bắt sống chúng tôi. Anh Kiên quát lên: “Các đồng chí phải rút ngay!”. Nói xong, anh quay phắt người về phía bọn lính đang chạy tới và nổ súng. Tôi vừa chạy vừa ngoái lại, còn thấy tay anh Kiên vẫn chĩa súng về phía địch nhưng đầu anh đã ngã sang một bên.

Nhờ loạt đạn anh Kiên, chúng tôi thoát vòng vây giặc. Lúc này còn cái may nữa là trời đã xế chiều, lại có cơn mưa lớn ập tới, khiến bọn địch mất phương hướng lùng tìm.

Thấy rằng đã thoát khỏi vòng vây, chúng tôi lặng lẽ đi tìm nhau và rất hoảng sợ vì ngoài anh Phùng Chí Kiên, còn anh Lương Văn Chi cũng không thấy đâu nữa. Về sau này chúng tôi mới được đồng bào trong vùng kể lại là đồng chí Chi bị thương ở cánh tay, máu ra nhiều quá, anh đuối sức và ngã xuống ở một hồ làm vàng rồi không leo lên được. anh bị bắt và bị chết ở nhà giam Cao bằng.

Về anh Phùng Chí Kiên thì sau khi đã bắn đến viên đạn cuối cùng, anh bị quân địch bắt được. Bọn địch reo hò là bắt được giặc cỏ Cộng sản. Anh Kiên đã tập trung tất cả sức lực còn lại để nói với binh lính (đây là lời quân chúng nói lại), đại ý: “Chúng tôi là người yêu nước đi đánh Pháp đuổi Nhật chứ không phải là giặc cướp. Chúng ta là người Việt Nam, cần đoàn kết nhau lại, chống quân thù...”. Bọn Bảo, Phát rất sợ những lời chính nghĩa đó ảnh hưởng đến bọn tay chân, chúng đánh chết anh Kiên và sau đó, theo lệnh quan thầy Pháp, chúng cho chặt đầu anh, đem bêu ở đầu cầu Ngân sơn, hòng uy hiếp tinh thần quân chúng.

Làm cách mạng là không thể tránh khỏi sự gian khổ, hy sinh, tổn thất để đi đến thắng lợi cuối cùng. Sự hy sinh của các anh Lương Văn Chi, Phùng Chí Kiên là một tổn thất của Đảng ta. Nhưng qua sự hy sinh ấy, nhân dân Ngân sơn đã tận mắt thấy rõ tội ác của giặc, thấy được ý chí sắt đá của con người Cộng sản. Chính cái chết đó đã góp phần không nhỏ, thức tỉnh tinh thần giác ngộ của nhân dân. Vì vậy, chỉ một năm, sau khi các anh Chi và Kiên chết, cán bộ của Đảng đã gieo được hạt giống cách mạng vào đất Ngân sơn, nơi có phong trào sớm nhất của tỉnh Bắc cạn cũ.

**NÔNG THIÊM PHỤNG và
NGUYỄN THANH ghi**

CŨNG LÀ GÓP SỨC LÀM CÁCH MẠNG

HOÀNG THỊ TỶ

Vợ chồng tôi thuộc loại người nghèo khổ trong xã. Là người làm ruộng nhưng ruộng ít, lại xấu. Mỗi khi gặt lúa về, vợ chồng tôi phải nộp tô cho chủ ruộng. Có lần nộp tô xong cũng vừa hết thóc. Vợ chồng tôi phải làm thuê hoặc mò cua bắt ốc, bán lấy tiền đong gạo nuôi con.

Vì làm lụng quá sức, chồng tôi bị ốm. Ốm cũng phải gắng gượng đi làm để có gạo ăn. Do bệnh chưa khỏi vẫn phải dầm sương, dãi nắng, sức khỏe chồng tôi ngày càng cạn kiệt quệ, lại không có thuốc chạy chữa nên chồng tôi cứ thủ dần cho đến chết.

Từ đó, một mình tôi ra sức làm chăm lo mọi việc đồng áng, nhà cửa, suốt ngày không ngơi tay để bòn mót, cóp nhặt từ hạt lúa, củ khoai, nuôi ba con nhỏ. Có lúc nằm nghĩ, oán cho số phận mình sao mà vất vả: nhà nghèo, chồng chết, con bé...không còn biết làm cách nào để thoát khỏi cảnh nghèo hèn này.

Có một lần, anh Vân (tức Ngô Hải Long) đứng ở đầu nhà tôi, trông xuôi, gió ngược rồi lững thững vào nhà tôi uống nước. Vì gia đình anh Vân và tôi có họ nên cũng như thường ngày, anh hỏi qua về cách làm ăn sinh sống, về mấy đứa con tôi rồi ra về. Cho đó là việc bình thường, tôi không chú ý.

Một lần khác, tôi có việc đi tắt qua sân nhà anh Vân. Anh chạy ra gọi tôi và mời vào nhà. Bước qua ngưỡng cửa, tôi đã trông thấy một anh cũng trạc tuổi anh Vân, ngồi cạnh bàn nước. Anh lạ mặt đó niềm nở, kéo ghế mời tôi ngồi. (Mãi sau tôi mới biết tên anh là Lục Hải, được cấp trên cử về vùng Phổ yên hoạt động). Thấy các anh ân cần hỏi han về đời sống gia đình, tôi không còn giữ thái độ khép nép như lúc mới đến, tôi coi các anh như anh mình và thành thật nói về nỗi khổ của gia đình. Đột nhiên, anh lạ mặt (tức Lục Hải) hỏi tôi:

Chị có biết tại sao gia đình ta và một số bà con trong thôn, ấp lại nghèo túng như vậy ?

Bị hỏi bất chợt, tôi lúng túng nhưng rồi thuận mồm, nói ngay: “Cũng do cái số nó thế, các anh ạ !”

Anh Lục Hải trầm giọng, vẻ mặt anh đau sót, anh nói:

Không phải thế đâu! Nếu gia đình nhà ta có đủ ruộng cày cấy, bác trai được chữa bệnh chu đáo, các cháu được học hành, tất cả mọi người không ai bị áp bức, bóc lột thì nhất định không nghèo khổ được.

Tôi thấy anh nói rất có lý. Anh còn nói nhiều nữa nhưng tôi chỉ còn nhớ là: do nước ta bị Tây cướp, Tây dùng bọn quan lại làm tay sai, chúng bóc lột thậm tệ nên gia đình chúng thì giàu có, “tiền dư thóc mọc”, còn nhà ta thì nghèo xơ nghèo xác. Bây giờ muốn khởi khổ, muốn có cơm ăn, áo mặc, tất cả mọi người phải đánh đổ thằng Tây, đánh đổ bọn quan lại, bọn giàu có do bóc lột. Nhất định chỉ có cách ấy nhân dân ta mới hết khổ.

Nghe nói vậy, tôi sững sốt cả người. Tây nó có súng lớn, súng bé, mình thì hai tay trắng, làm gì được? Các anh còn sức dài vai rộng, chứ thân phận tôi, một người đàn bà nghèo khổ, đến kiếm ngày hai bữa còn không đủ, lấy gì để đánh Tây, đánh quan? Thú thực, tôi không tin làm mình có thể làm cách mạng được. Anh Lục Hải trầm ngâm suy nghĩ, anh Vân nói với tôi: Phải có nhiều người mới làm cách mạng được. Cả nước một lòng: người có sức góp sức, người có của góp của, có người chỉ đưa thư từ nơi này đến nơi khác, có người cho mượn nhà để anh em đến ở, đó cũng là làm cách mạng. Có nhiều cách giúp cách mạng, tôi tin rằng chị làm được, miễn là chị một lòng cùng chúng tôi làm cách mạng.

Tôi băn khoăn suy nghĩ rồi rụt rè nói:

- Nhưng gia đình tôi thiếu thốn mọi bề, làm gì được ?

Bây giờ hai anh mới nói: “Chúng tôi đã xem xét và định nhờ chị vào việc này: Nhà chị ở nơi vắng vẻ, xa đường cái, chị là hiền lành, thật thà, không có tính la cà “đầu làng cuối xóm”, lại là gái góa nên ít người chú ý, chúng tôi định nhờ một góc nhà của chị làm nơi in tài liệu, sách báo...”

Lúc ấy tôi cũng không hiểu in tài liệu sách báo như thế nào, in để làm gì nhưng vì tin hai anh, tôi nhận lời.

Một hôm vào tháng 5 năm 1941, anh Lục Hải dẫn hai anh đến nhà tôi ở nhờ.

Nhìn căn nhà chật chội, dột nát quá thể, tôi rất băn khoăn, chưa biết thu xếp sao cho ổn để vừa có chỗ cho các anh làm việc, vừa giữ được bí mật với thôn xóm.

Như đoán biết ý nghĩ tôi, một anh nói: “Chị đừng lo, chúng tôi đều là những người nghèo khổ như gia đình ta, không cần phải thêm bàn ghế, giường chiếu gì cả, chúng tôi chỉ cần một góc nhà kín đáo là có thể làm việc được.

Tôi nghĩ đến căn buồng hẹp mấy mẹ con tôi vẫn ngủ. Các anh ở đó kín đáo nhưng có nhiều thứ linh kinh: chổi cùn, rế rách; căn buồng vừa ẩm vừa tối, lại rất lấm muỗi. Để các anh sống ở đó thì khổ quá, nhưng cũng chẳng còn chỗ nào kín đáo hơn. Tôi bàn bạc với các anh là mẹ con tôi dọn ra gian ngoài như vậy, tuy có thêm người nhưng mọi đồ đạc vẫn để như cũ, nếu có ai đến nhà cũng không thấy có gì khả nghi.

Hai anh vào buồng thu xếp chỗ nghỉ và làm việc. Tôi chỉ thấy các anh thì thâm rất sẽ rồi có tiếng gì lịch kịch như chuột chạy, một lúc lại im lặng. Nếu không để ý kỹ, không ai có thể biết rằng trong nhà tôi có thêm người ở. Sau này tôi được biết một anh tên là Thom, một anh tên là Kim. Các anh còn trẻ lắm và cũng chỉ lúc thật yên ắng, mới ra ngoài ăn mấy củ khoai luộc hoặc uống nước.

Chẳng hiểu in sách báo thế nào, tôi tò mò muốn biết việc làm của các anh. Một hôm nhân buổi trưa rất nắng, thôn xóm vắng lặng, tôi đóng chặt cửa ngoài rồi lách vào buồng xem các anh làm việc. Một anh cầm củi viết chữ lên một hòn đá mỏng, mặt phẳng, tô bằng cái quạt nan. Viết xong, anh lấy múi chanh xoa lên chữ viết rồi lấy thứ mực đen nhánh như bồ hóng bôi lên cái trục nhỏ, lăn lên mặt đá. Anh đặt áp tờ giấy trắng lên đá, lấy một trục lăn khác không có mực, lăn đi lăn lại trên tờ giấy rồi bóc ra. Những chữ ở đá bắt vào giấy mà chữ trên đá vẫn không mất đi. Anh lại lăn mực, lại in tiếp ra các tờ giấy khác. Thực là tài tình như có phép tiên.

Từ hôm đó, khi nào tôi đi làm vắng, các anh bảo tôi cứ khóa cửa lại để các anh làm việc. Ban ngày, các anh lợi dụng các khe vách hở để viết. Buổi

tôi, các anh phải đốt đèn nhưng phải che chắn rất kỹ và nhờ tôi đi quanh nhà nhìn vào, nếu thấy không còn lọt tí ánh sáng nào ra ngoài, các anh mới bắt tay làm việc cho đến khuya.

Các anh sống như người cấm cung, không được lộ mặt ra ngoài; đã thế, việc ăn uống của các anh lại vô cùng thiếu thốn; hàng ngày chỉ bữa cơm, bữa cháo, có hôm các anh phải ăn khoai luộc trừ bữa. Vậy mà hai anh vẫn làm việc luôn tay, ngày này qua ngày khác, ít có thì giờ nghỉ ngơi.

Một hôm các anh nhờ tôi nghe ngóng động tĩnh để xuống bếp đun nấu. Tưởng các anh nấu gì ăn, tôi ghé xem. Thì ra các anh nấu thạch trắng. Nước thạch được đổ vào một mâm đồng nhỏ, các anh mang theo từ khi đến nhà tôi. Chờ thạch nguội và đông lại, một anh bê lên nhà. Một anh cầm tờ giấy có chữ, úp lên mặt thạch, lấy tay xoa nhẹ một lượt rồi bóc ra. Những chữ viết được in lên miếng thạch; anh kia lấy tờ giấy đã xén góc cạnh, còn hơi ẩm, đặt ngay ngắn lên mặt thạch, xoa nhẹ tay lên giấy. Khi bóc ra, chữ cũng được in trên giấy, còn chữ ở trên thạch vẫn y nguyên. Thấy việc làm này cũng dễ dàng và hay hay, tôi ngó ý, lần sau, nếu cần nấu thạch, các anh cứ giao tôi làm, để các anh khỏi phải đi lại, sợ lộ.

Qua vài lần nấu thạch, tôi rất phấn khởi và các anh cũng rất vui. Các anh bảo tôi: “Chị nấu thạch cũng là làm cách mạng đấy”. Tôi không tin vì chỉ làm công việc nấu nướng như thường ngày tôi vẫn nấu cơm, canh mà gọi là làm cách mạng thì có lẽ cả nước Nam này, ai cũng làm được cách mạng...

Một hôm, nhân nấu thạch, tôi ngó ý với hai anh là các con tôi còn nhỏ quá lại mãi chơi, nếu giao cho chúng canh gác để tôi nấu thạch tôi chưa yên tâm lắm, hay là tôi có người bạn thân, tôi rủ cô ấy đến để có người theo dõi bên ngoài. Nếu có ai hỏi, chúng tôi nói là định nấu thử xem có được thì chung vốn làm ăn. Nghe tôi nói, anh Kim và anh Thơm tròn mắt nhìn nhau. Hai anh ôm vai nhau cười thích thú. Các anh cố không dám cười to, rồi khen: “Thế mà chị nói không biết làm cách mạng? Kế hoạch của chị còn chu đáo hơn chúng tôi. Thế bạn chị là ai?” Tôi đáp đó là chị Dân, nhà cũng ở gần đây. Các anh bảo tôi nên hỏi ý kiến anh Vân, nếu anh ấy đồng ý thì cứ thế mà làm.

Từ sau đó, mỗi khi có việc phải nấu thạch thì cô Dần đến nhà tôi. Người nấu ở bếp, người ngồi vá quần áo ở hè. Không ai có thể ngờ rằng hai người đàn bà chúng tôi đương... làm cách mạng.

Hàng ngày, đi làm hoặc đi chợ, nghe bà con kháo nhau có truyền đơn Cộng sản ở Phú Bình, ở Bắc Giang, kêu gọi dân ta đánh Pháp, đuổi Nhật... ai cũng thích. Tôi về nói lại cho hai anh nghe. Các anh rất vui. Một anh buột miệng: “Truyền đơn ấy chính ở nhà này ra đấy”.

À, thì ra thế. Nhà in là làm ra các tờ giấy rải ở đường, ở chợ, khiến bọn Tây, bọn quan, bọn lính phải hoảng sợ. Bọn chúng sục sạo lung tung nhưng chúng làm sao biết được ở góc buồng nhà tôi và chính tôi cũng góp phần sản sinh ra truyền đơn.

Tháng 2 năm 1943, cả Phố Yên nhốn nháo vì có lính, mật thám về khám xét, bắt bớ. Bọn lính nói là bắt được Cộng sản ở Bắc Giang, nay lần sang Phố Yên để quét hết " giặc cỏ " Cộng sản. Thế nào là Cộng sản ? Tôi chỉ biết có mấy người ở bãi Soi bị lính bắt. Họ cũng làm ăn lam lũ như tôi. Chẳng lẽ đó là Cộng sản ?

Về đến nhà tôi nói đến việc địch canh phòng và bắt bớ ở bãi Soi, chúng đương bắt bớ Cộng sản, là mấy người cũng nghèo như tôi. Các anh cười giải thích: Cộng sản là những người nghèo, dám đứng lên chống Pháp, chống Nhật chứ không phải là bọn cướp như chúng nó nói đâu. Tôi định hỏi thêm nữa thì một anh nói khẽ với tôi là để tránh bọn địch lùng sục, cấp trên đã hạ lệnh cho các anh tạm lánh đi nơi khác và phải đi ngay.

Chiều hôm ấy, hai anh nhờ tôi mang hộ một gánh hàng. Tuy không giở ra xem nhưng tôi cũng đoán được trong đó có hòn đá, cái mâm đồng, mấy con lăn và vài thứ lặt vặt. Để che mắt người đi đường, tôi xếp lên miệng thúng ít rau khoai lang.

Trời chiều. Đường vắng. Hai anh đi trước một quãng, tôi gánh đôi thúng đi sau, làm như không quen biết nhau. Tuy không được bàn bạc kỹ cách đối phó với lính và mật thám nhưng nghĩ rằng nếu bị khám sẽ nói là quấy rau lang đi bán, đến quãng đường vòng, thấy có đôi thúng ở vệ đường mà chung quanh

không có ai, tôi bèn móc đôi thúng vào quang mình. Trong thúng có hòn đá để mài dao, có cái mâm thau tôi định bán để lấy tiền đóng gạo, còn các thứ khác cho trẻ con chơi.

Chúng tôi không gặp cản trở gì ở dọc đường. Khi đến gần làng Ca thuộc Phú Bình bỗng thấy một ông già từ một bụi tre thoăn thoắt đi ra. Cụ già đội nón che gần hết mặt. Cụ nói gì với hai anh đi trước và cả ba người đứng đợi tôi. Cụ cười chào tôi rồi giơ tay nhận đôi quang gánh và đi luôn. Hai anh bịn rịn chào tôi, các anh đi theo ông cụ, còn tôi trở về nhà.

Đã hơn ba mươi năm không được gặp lại các anh, nhưng tôi nghĩ rằng: nhờ có những người làm việc như các anh nên mọi người có đồng tâm hiệp lực, đứng lên làm cách mạng. Đúng là cách mạng đã cho gia đình tôi đủ cơm ăn, áo mặc. Phụ nữ như chúng tôi trước đây bị coi thường thì ngày nay đã có nhiều người làm cán bộ, có trình độ văn hóa cao. Cô Dần trước đây cùng nấu thạch với tôi đã từng là phó chủ tịch Ủy ban xã. Cách mạng đã đòi hỏi cho người nghèo mà trước đây tôi cứ tưởng không đời kiếp nào ngẩng đầu lên được.

DƯƠNG THANH BÌNH

Ghi

ĐI NAM TIẾN

NÔNG VĂN QUANG

Tháng 7 năm 1942 địch khủng bố phong trào cách mạng vùng quê tôi. Một trung đội lính Tây, có mật thám dẫn đường, kéo vào đóng ngay trong làng. Lính sục vào từng nhà, ra sức truy lùng những cán bộ cơ sở. Tuy vậy, hôm ấy anh Thạch có việc đi sang tổng Kim Mã, anh Hiếu đi chợ Nguyễn Bình, riêng tôi tuy ở nhà nhưng đã kịp thoát ra rừng.

Ở Gia Bằng không bắt được những đảng viên và cán bộ chủ chốt, bọn địch liền mở rộng diện khủng bố sang tổng Kim Mã. Tại đây, phong trào mới được gây dựng, anh Văn¹ và anh Lê Thiết Hùng mới về mở được một số lớp huấn luyện, cơ sở còn mỏng và quần chúng ít kinh nghiệm nên vấp phải cuộc khủng bố, tình hình có nhiều khó khăn.

Hiểu rõ hoàn cảnh các đồng chí trong ấy, châu ủy cử anh Hiếu vào đón anh Văn và anh Hùng ra. Tuy đang bị ốm và bị địch truy lùng ráo riết nhưng thấy bỏ đi lúc này tình hình sẽ còn khó khăn hơn nên các anh chỉ đề nghị cử thêm người vào.

Đáp ứng yêu cầu của anh Văn, châu ủy quyết định để tôi thoát ly gia đình vào giúp các anh vận động quần chúng chống địch khủng bố.

Tình hình Kim Mã những ngày ấy thật khó khăn. Nếu ở gia Bằng vì nhu cầu xây dựng con đường liên lạc giữa cơ sở Đảng ở Hòa An và mỏ thiếc Tĩnh Túc nên từ năm 1934 đã có đồng chí được kết nạp vào Đảng thì ở Kim Mã đến đầu năm 1941 vẫn còn là một vùng trắng, phong trào mới được nhen nhóm hồi cuối năm. Đạo ấy ở Kim Mã có một vụ kiện bọn kiểm lâm làm xôn xao dư luận địa phương. Châu ủy nhận định rằng trong số những anh em kéo nhau lên huyện kiện bọn kiểm lâm thế nào cũng có những người tích cực. Để đưa phong trào vào Kim Mã, các đồng chí cử anh Mỹ Lợi và tôi vào điều tra, bắt mối, tuyên truyền...Thông qua đường dây họ hàng, kết quả chúng tôi tuyên

¹ Đồng chí Võ Nguyên Giáp.

truyền được một nhóm, trong đó có anh Long, anh Sanh...Sau đó, từ xã Kim Mã phát triển sang xã Tam Lộng, chỗ anh Nông Văn Lạc.

Trước tết Nhâm Ngọ (1942), anh Văn và anh Hùng được chỉ bộ chúng tôi giúp, đã mở một lớp huấn luyện ở hang Kéo quảng, xã Gia Bằng. Các anh ở tổng Kim mã lên dự khá đông, anh nào cũng hăng hái. Thì ra, trước khi được kết nạp vào Hội, chính các anh cũng đã háo hức đi tìm cách mạng.

Sau lớp huấn luyện trên một thời gian, anh Lạc và anh Long lên đón anh Văn và anh Hùng xuống mở lớp huấn luyện ở Roòng bó, xã Tam Lộng. Học xong các lớp huấn luyện này, học viên tỏa đi các nơi, phong trào lan rộng ở tổng Kim mã và ảnh hưởng xuống các xã Thượng ân, Cốc đá thuộc Ngân Sơn (Bắc Cạn)

Phong trào ở các xã Kim mã và Tam lộng đang phát triển thuận lợi thì địch khủng bố. Anh Lạc và anh Long thuộc diện bị truy nã phải trốn tránh ra rừng. Quân chúng mới được tổ chức, thiếu kinh nghiệm đấu tranh nên tuy vẫn trung thành với Hội nhưng trước thảm cảnh bắt bớ, tù đầy, chết chóc đe dọa, một số hoang mang, có người xa lánh cán bộ mong được an phận.

Sau khi trao đổi tình hình, đêm đêm anh Lạc, anh Long và tôi rời cơ quan đi làm nhiệm vụ. Chúng tôi phân công nhau đến với từng hội viên ổn định tư tưởng, giao nhiệm vụ cho anh em, giúp họ phương hướng chống địch. Đối với những quần chúng giao động, chúng tôi tìm cách giáp mặt, nói cho họ nghe. Một lần đi gặp một anh đang hoang mang tên là M, biết anh ngại mời cán bộ vào nhà, chúng tôi mời anh ra ngoài rừng, nói cho anh nghe, chúng tôi nói đại ý: thằng địch lòng lộn khủng bố cách mạng không phải biểu hiện chúng mạnh, phong trào cách mạng đã lan rộng khắp nơi, cách mạng sắp sửa thành công, sau đó chúng tôi đem chương trình, điều lệ Việt Minh ra nói. Chừng như thấm thía lắm, anh ta mời chúng tôi lên nhà, hứa hẹn trung thành với Hội và xin được nhận nhiệm vụ.

Bọn khủng bố bên cạnh số lính Tây và mật thám đóng giữa làng, bộ máy tay sai ở địa phương cũng có nhiều tên trổ tài khuyển mã trước đây quan thầy, chúng thông thuộc đường đi lối lại nên gây cho chúng tôi không ít khó khăn.

Tuy vậy, chúng tôi vẫn bám cơ sở, anh Lạc và anh Long ngoài nhiệm vụ xuống làng gặp gỡ hội viên, còn liên hệ với gia đình đảm nhiệm việc cung cấp lương ăn cho năm chúng tôi. Nhiệm vụ khó khăn, nguy hiểm nhưng các anh hoạt động rất hăng hái, nhiệt tình. Qua nhiều lần thử thách thực tế, chúng tôi lần lượt kết nạp các anh vào Đảng. Đó là những đảng viên đầu tiên của tổng Kim mã.

Những ngày cuối tháng bảy, đầu tháng tám tình hình dịu dần. Quân địch bắt giữ một số hội viên nhưng không bắt được một đảng viên hoặc cán bộ chủ chốt nào nên lần lượt rút đi, bọn tay sai ở địa phương tuy vẫn nhòm ngó nhưng cũng bớt hung hăng. Ban đêm chúng tôi có thể họp với hội viên ngay giữa làng, các lớp huấn luyện lại được tiếp tục mở, phong trào ở tổng Kim mã dần dần hồi phục và phát triển.

Khoảng trung tuần tháng tám, anh Văn và anh Hùng lên đường đi công tác. Sau này được biết, lần ấy các anh đi gặp Bác và Bác đã giao nhiệm vụ mở đường Nam tiến. Đầu tháng chín, các anh vừa từ chỗ Bác về thì triệu tập chúng tôi họp ngay. Cuộc họp được tổ chức ở rừng phía trước nhà anh Lạc. Sau khi điếm qua tình hình, anh Văn phổ biến nhiệm vụ Nam tiến. Hồi đó, ở Cao Bằng và Thái Nguyên phong trào đã phát triển khá, riêng Bắc Cạn sau sự kiện đồng chí Phùng Chí Kiên hy sinh¹, địch tăng cường o ép, khống chế nên hầu như chưa có phong trào. Việc liên lạc giữa Cao Bằng và Thái Nguyên, giữa Cao Bằng với Trung ương ở miền xuôi gặp nhiều khó khăn. Yêu cầu bước đầu của công tác Nam tiến là xây dựng vùng tổng Kim mã thành chỗ đứng chân, mở con đường quần chúng qua Bắc Cạn, đánh thông đường liên lạc với Cứu quốc quân ở Thái Nguyên. Cuộc họp quyết định thành lập chi bộ Nam tiến (đồng thời là chi bộ tổng Kim mã). Theo đề nghị của anh Văn, các đồng chí cử tôi làm bí thư (lúc ấy gọi là thư ký chi bộ). Chi bộ phân công anh Văn chỉ đạo chung và mở lớp huấn luyện chính trị; anh Hùng phụ trách huấn luyện quân sự; anh Lạc là người địa phương tiếp tục xây dựng phong trào

¹ Xem hồi ký "Thoát một người là có lợi cho cách mạng"

Kim mã, tức là nhiệm vụ mà lúc ấy gọi là xây dựng hậu phương. Anh Long và tôi được phân công xuống Ngân sơn móc nối cơ sở mở đường Nam tiến.

Phía Ngân sơn, hồi đầu năm 1942 các anh đã xây dựng được một số cơ sở ở Thượng Ân và Cốc đán. Đạo tháng bảy tôi được biết có một số hội viên lên, nhưng khi ấy địch đang khùng bố Gia Bằng và Kim mã, các anh về, liên hệ với Ngân sơn mất từ đó.

Thực hiện nhiệm vụ được giao, việc đầu tiên nghĩ đến là công tác điều tra xem qua khùng bố ở Nguyên bình các cơ sở cũ dưới Ngân sơn ra sao. Tam Lộng và Cốc đán, Thượng ân tuy ở về hai bên đường địa giới nhưng cùng dựa lưng vào Khau Dáng. Đường địa giới có từ lâu nhưng mối quan hệ của con người ở hai nơi còn có từ lâu nhưng mối quan hệ của con người ở hai nơi còn có từ trước đó. Dưới danh nghĩa đi thăm viếng, một nhóm được giao làm nhiệm vụ điều tra mang mật hiệu đoàn Minh Khai do chị Hựu phụ trách. Kết quả thật đáng mừng, các cơ sở cũ vẫn tốt. Từ ngày mất liên lạc, các anh dưới đó vẫn ngày đêm mong ngóng cán bộ về.

Sau khi nghe chị Hựu báo cáo, vào một đêm không trăng, anh Long và tôi lên đường. Chập tối hai chúng tôi từ vùng Phai khát ra đi; sang Cốc đán gặp gỡ cơ sở, tuyên truyền chương trình, điều lệ Việt Minh, nửa đêm lại vượt Khau Dáng về Phai khát. Đường đi và về trong đêm quăng bốn mươi cây số, trong đó có mười hai cây số đường rừng băng qua đỉnh Khau Dáng. Bà con quanh vùng cho biết gần đây ở Khau Dáng tuy không còn cướp nhưng hồ thì còn nhiều, đi lại như vậy kể cũng nguy hiểm, vả lại đường phải qua làng người Dao, nếu không tổ chức anh em vào hội thì dễ bị lộ. Sau nhiều đêm đi, về vất vả, chúng tôi bàn bạc rồi đi đến quyết định trước hết xây dựng phong trào vùng đồng bào Dao xung quanh Khau Dáng. Đồng bào ở đây khổ lắm, sống nhờ nương rẫy, tay làm thường không đủ nuôi miệng, đã thế lại bị khinh rẻ và bóc lột thậm tệ. Theo bộ máy thống trị, riêng đối với người Dao, bọn thực dân bắt đồng bào phải đóng thuế thân, thuế thóc ngựa và đặc biệt vô lý là thuế chuôi dao, nghĩa là ai cầm dao phát nương được thì đều tính để thu thuế. Ngoài ra, vì đồng bào Dao cư trú xen kẽ với đồng bào Tày, Nùng nên lý

trưởng vùng Tày bắt đồng bào phải đóng phụ thu một lần nữa. Do đói khổ vì bị nhiều tầng áp bức bóc lột nên khi được tuyên truyền chương trình, điều lệ Việt Minh ai cũng hưởng ứng rất nhiệt tình. Duy có một điều làm chúng tôi băn khoăn nhiều, đó là vấn đề giữ bí mật. Do cuộc sống du canh du cư, đồng bào ở thành các xóm nhỏ dăm, ba nhà và thường chỉ gồm bà con anh em ruột thịt. Vì vậy, khi bắt mỗi vào một người dù nhắc nhở nguyên tắc bí mật thế nào đi nữa cũng chỉ hôm trước hôm sau là cả xóm biết. Tình trạng này nếu không có phương hướng khắc phục thì thật là nguy hiểm. Một hôm chúng tôi đem điều băn khoăn này trao đổi với đồng chí hội viên trung kiên là người Dao. Anh ta trầm ngâm một lúc rồi nói:

- Ta tổ chức ăn thề cán bộ ạ.

Hình thức ăn thề chứa đựng nội dung mê tín, nhưng do yêu cầu của tình hình và trình độ của đồng bào, chúng tôi đã vận dụng hình thức này vào việc đưa người nhập Hội. Sau này kinh qua thực tế chúng tôi có sự phân biệt đối tượng để vận dụng cho phù hợp; đối với quần chúng nghèo khổ vốn vẫn biết trong lời hứa và lòng trung thành thì cố gắng làm nhẹ bớt nội dung mê tín, chỉ cần nén hương bay hòn than đổ bỏ vào bát nước, hứa hẹn trung thành rồi cùng nhau uống; ngược lại, đối với tầng lớp trên và những người nghi vấn về lòng trung thành thì tổ chức ăn thề như tục lệ, cố gắng làm cho nghi lễ gây ấn tượng mạnh mẽ.

Do tích cực hoạt động, rất chú trọng công tác tuyên truyền, giáo dục, vận dụng những hình thức có thể vận dụng để xây dựng lòng tin nên chỉ sau một thời gian ngắn hầu hết người Dao ở tổng Kim mã và vùng rừng núi bắc Ngân Sơn đều vào Hội. Sau này, khi phong trào phát triển rộng ra ở lớp quần chúng cơ bản khắp Bắc Kạn, chúng tôi kết nạp vào Hội cả những người thuộc tầng lớp trên như quản chiểu, phó quản chiểu, chánh mán, động trưởng, có quần chúng kiểm chế, hầu hết anh em đều tốt.

Phong trào vùng cao phát triển nhanh, phong trào vùng thấp ở các xã Thượng ân, Cốc đán cũng phát triển rầm rộ. Nhiều hội viên như các đồng chí Bằng, Hằng, Bích, Tú, Văn, Quốc Toàn, Mai, Nhất Thống..., là những người

rất hăng hái, nhiệt tình. Cùng với cán bộ ở trên xuống, các anh có nhiều đóng góp trong việc đẩy mạnh phong trào chung cả ở vùng đồng bào Tày và vùng đồng bào Dao.

Khoảng tháng hai năm 1943, một số cán bộ, chiến sĩ Cứu quốc quân (lúc ấy chúng tôi quen gọi là du kích Bắc Sơn) như các đồng chí Hoàng Thịnh, Hiền, Thơ, Từ, từ nơi cư trú chân ở vùng biên giới Việt - Trung về tăng cường cho công tác Nam tiến. Có thêm người lực lượng Nam tiến chia làm nhiều mũi bám theo quốc lộ số ba, tiến xuống phía nam. Mỗi mũi do một đội phụ trách.

Đội của chúng tôi lấy biệt hiệu là đội Trần Phú, gồm anh Thơ, anh Hiền và tôi. Các anh chỉ định tôi làm đội trưởng. Hướng đi của đội Trần Phú được qui định là xây dựng một hành lang từ đông bắc xuống tây nam Bắc Kạn, tìm liên lạc với Cứu quốc quân Bắc tiến từ Định Hóa lên. Theo hướng ấy sẽ phải từ bắc Ngân sơn qua đông nam Chợ rã, tây bắc Bạch thông rồi xuống Chợ đôn.

Trong đội Trần Phú chúng tôi cũng có sự phân công cụ thể. Anh Thơ và tôi đi trước tuyên truyền, tổ chức kết nạp hội viên ; anh Hiền đi sau thành lập các tiểu tổ, tổ và ban chấp hành Việt minh các cấp.

Tại tổng Bằng đức (Ngân sơn), người Dao cư trú rải rác, xen kẽ với người Tày, đồng bào sống rất khổ cực nên khi được tuyên truyền cách mạng ai nấy đều hăng hái, nhiệt tình. Sau tết thanh minh năm Quý mùi (1943), được anh Bàn Văn Xích giới thiệu, tôi vào tới chỗ anh Triệu Văn Thọ ở Khuổi ngoài. Anh là người Dao Đại bản, cuộc sống du canh du cư như một ngọn gió quái xô đây anh qua nhiều nơi, nhưng cái chế độ thực dân phong kiến không có chỗ cho những người như anh có được cuộc sống no đủ, nên được tuyên truyền chương trình, điều lệ Việt Minh, anh sốt sắng xin vào Hội. Anh Thọ được đặt tên bí mật là đồng chí Việt Minh. Đồng chí Việt Minh là hội viên Việt Minh đầu tiên của người Dao Đại bản ở Bắc Cạn. Từ anh Thọ mọc nổi ra, phong trào lan rộng trong đồng bào Dao Đại bản vùng Đông pàù, xã Thiều quan.

Khoảng tháng ba năm 1943 tôi xuống đến chỗ anh Bàn Văn Hoan ở Lũng cháng, xã Hà hiệu (Chợ rã). Anh Hoan còn trẻ, trước đó mấy năm anh lên gửi rẫy ở Tát rịa, xã Cốc đán (Ngân sơn). Vì phải ở đó những hai năm nên quen biết nhiều. Những anh em ở Tát rịa mến và tin anh Hoan nên sau khi vào Hội đã giới thiệu anh Hoan với tôi. Nhờ thế từ Tát rịa tôi xuống được Lũng cháng. Ở Lũng cháng người Dao Tiểu bản sống thành nhiều xóm nhỏ, trừ đôi gia đình có ăn, phần lớn đều nghèo khổ. Bản thân anh Hoan cũng thế, từ nhỏ đã theo gia đình du canh qua nhiều nơi, không được học hành gì, tuy vậy thực tế cuộc sống sớm làm anh phải suy tư. Dường như trong tâm trạng, anh đã sẵn khát khao những chuyện mà chương trình, điều lệ Việt minh đề cập tới. Bởi thế, sau khi nghe tuyên truyền, anh đã sốt sắng xin vào Hội. Người hội viên Việt minh đầu tiên ở Lũng cháng trước hết tuyên truyền, giác ngộ cho những người thân của mình: mẹ, vợ, em trai. Mọi người đều sớm giác ngộ và lần lượt được kết nạp vào Hội. Đó là một gia đình "hoàn toàn" đầu tiên ở Lũng cháng. Sau này được cán bộ đi lại giúp đỡ thêm, được đồng chí Hoan truyền thụ những điều cách mạng đã giác ngộ mình, gia đình anh Hoan thực sự trở thành một cơ sở vững chắc của những cán bộ Nam tiến chúng tôi.

Thông qua anh Hoan, phong trào nhanh chóng lan ra khắp Lũng cháng. Khoảng ba tháng sau, từ Lũng cháng phong trào lan rộng hầu khắp vùng người Dao ở tổng Hà hiệu. Người Dao Tiểu bản vào Hội, người Dao Đại bản cũng vào Hội. Ở xã Phúc lộc có anh Triệu Nguyên Tài hồi đó được coi là người có trình độ văn hóa, khi được tuyên truyền cũng sốt sắng xin vào Hội và hoạt động tích cực. Chính là nhờ anh Nguyên Tài và anh con rể ông Triệu Hữu Phú ở Lũng cam mà từ Hà hiệu tôi xuống được tận phja bjóc (dãy núi chạy dài từ tây nam huyện Chợ rã xuống tây bắc huyện Bạch thông và phía đông huyện Chợ đôn).

Khoảng tháng sáu năm 1943 vùng người Dao trên đường chúng tôi đi qua từ Khau Dáng tới Phúc Lộc đều đã có phong trào, mấy chục chòm, xóm người Dao hai bên vùng địa giới giữa Ngân sơn và Chợ rã đã có hàng trăm người được kết nạp vào Hội Việt Minh. Nhiệm vụ của những người đi trước

của đội Trần Phú ở vùng này như vậy là đã hoàn thành. Tôi ngỏ ý với các anh ở Hà hiệu muốn đi tiếp xuống phía nam. Các anh cho biết ở Phja bjóc có hai cơ sở có thể xuống là anh Quang và Triệu Hữu Phú, cả hai đều là người Dao Đại bản. Anh Quang là anh em của anh Nguyên Tài còn Triệu Hữu Phú thì có con rể ở Lũng cam là người Dao Đại bản thứ hai ở Bắc Cạn được kết nạp vào Hội Việt Minh. Công tác điều tra được tổ chức ngay. Anh Quang ở Khuổi nặm, còn ông Phú thì ở Nặm tót. Nghe tuyên truyền cả hai người đều đồng ý vào Hội. Ông Triệu Hữu Phú nói:

- Nếu Hội tốt thế này thì nên vào; mời cán bộ xuống đây.

Thế là, ý nguyện hai bên gặp nhau. Chúng tôi muốn đi nhanh về phía nam, quần chúng dưới đó cũng mong cán bộ xuống. Do đó, ngày đi được ấn định.

Trước khi chúng tôi lên đường, anh Hoan bắn được một con nai. Đã mấy hôm, anh vẫn vác súng lên rừng, chắc là muốn kiếm con gì để liên hoan chia tay. Ở anh Hoan tính ít nói hình như không phù hợp với tính anh em, đồng chí dạt dào luôn được biểu hiện bằng hành động cụ thể.

Trao đổi với các anh ở Hà hiệu, thấy rằng nên đến Khuổi nặm trước vì tiện đường. Việc đi được chuẩn bị kỹ. Đường từ Lũng cháng đến Khuổi nặm phải qua vùng đồng bào Tày chưa có cơ sở, trong đó một số làng sẽ đi qua có bọn hào lý phản động. Gia đình anh Hoan giữ ăn tết tháng bảy. Chúng tôi tính toán vào dịp tết việc đi lại ít bị chú ý, hơn thế lợi dụng trăng rằm đi cho dễ. Theo lời hẹn, dưới Phja bjóc cho bốn người lên đón, còn ở trên này thì anh Nguyên Tài cùng đi. Ăn tết xong, hôm sau chúng tôi lên đường. Các anh chuẩn bị cho tôi một bộ quần áo Dao Đại bản, mặc vào cũng giống các anh đến đón. Nhờ chuẩn bị kỹ nên chuyến đi thuận lợi. Đi thâu đêm, lên gần đỉnh Phja bjóc trời vừa sáng thì cũng tới Khuổi nặm.

Khuổi nặm tiếng Tày có nghĩa là Suối nước. Đúng là có suối, có nước, nhưng đây là ngọn nguồn của suối. Lên Khuổi nặm đã có thể gọi là tới đỉnh Phja bjóc rồi. Nghe nói ngọn núi cao tới gần 1.600 mét. Giữa trưa, trời quang mây tạnh, bản làng vùng Tày dưới thấp trải ra, trông xa như một bức tranh

thủy mặc, nhưng sáng và chiều thì tầm mắt bị mây mù chặn lại. Sương dăng dăng trông như mưa bụi. Có lẽ vì thế mà người Tày có câu:

Phja dạ bầu lia moóc

Phja bjóc bầu lia phân

Nghĩa là

Mây không rời Phja dạ

Mưa không rời Phja bjóc.

Nhà anh Quang ở gần suối, nuôi được nhiều gà vịt. Vừa lên nhà anh đã đặt nồi luộc cho mỗi người bốn, năm quả trứng. Ăn xong, anh ép chúng tôi vào buồng nghỉ. Nhưng chớp mắt một lúc anh đã mời dậy ăn cơm. Thì ra khi chúng tôi nằm nghỉ anh đã bắt gà làm cơm. Sợ chúng tôi đói nên bữa ăn được chuẩn bị chu đáo mà gọn.

Khuổi nặm tuy hẻo lánh nhưng để đề phòng bọn chức dịch có thể mò tới, chiều hôm đó anh Quang đưa tôi lên lều nương nghỉ. Gọi là lều nương nhưng thực ra đó là cơ sở thứ hai của anh, mùa màng thu hoạch xong để cả ở lều nương, sử dụng đến đâu mang về đến đó. Nhận thấy địa điểm thuận lợi, tôi quyết định tổ chức luôn lớp huấn luyện ở đây. Học viên là những người ở Khuổi nặm, phần lớn có họ hoặc là bạn bè của anh Nguyên Tài.

Xây dựng xong các cơ sở chỗ anh Quang, chúng tôi đi dọc đỉnh Phja bjóc xuống Nặm tốc, kết nạp hội viên, mở lớp huấn luyện rồi lại lên đường đi Nà Đông (xã Chu Hương), Phiêng phàng, Vằng kheo (xã Mỹ phương, huyện Chợ rã). Khoảng đầu tháng tám tôi xuống tới Pích cáy. Nhận thấy đi đã xa, cơ sở đã rộng nhưng chưa được củng cố vì thiếu cán bộ nên tôi quyết định dừng ở đây để về báo cáo.

Được biết phong trào đã phát triển rộng, hơn thế nhận thấy vùng Phja bjóc có thể xây dựng thành nơi đứng chân mới để đi tiếp xuống phía nam nên anh Văn rất vui. Chuyến đi của tôi đã góp phần giúp các anh rút ra nhận xét: việc xây dựng phong trào cách mạng trong các dân tộc thiểu số không nhất thiết tuần tự từ xóm này qua xóm khác, mà theo quan hệ dòng họ, bạn bè ở cơ sở cũ, có thể vượt qua một chặng đường dài đến xây dựng ở một nơi mới. Với

nhận xét này một phương pháp mới gọi là "cóc nhảy", "bước nhảy", hay "nhảy dù" được phổ biến cho các đội Nam tiến để vận dụng. Anh Văn cũng đề nghị đặt tên bí mật cho Phja bjóc là núi Cứu quốc.

Lúc đó núi Cứu quốc là điểm xa nhất về phía nam của các mũi Nam tiến, nhưng ở cả Bắc Kạn thì sôi nổi, rầm rộ vẫn là phong trào Ngân Sơn.

Ở vùng cao, đến tháng tư bộ phận củng cố đã lãnh đạo đồng bào Dao ở Nam Nguyên bình, Tây Thạch an và tổng Thượng quan (Ngân sơn) thành lập xong Ban chấp hành Việt minh tổng Phan Đình Phùng. Tại tổng Bằng Đức và Hạ quan, Ban chấp hành Việt minh các xã Hàm tử, Tự do, Giải phóng, Hồng quân, Chương dương, Thăng long đã được thành lập. Bộ phận lãnh đạo đang làm việc để chuẩn bị cho Ban chấp hành Việt minh tổng Đội Cung ra mắt nhân dân.

Tại vùng thấp, các xã Thượng ân, Cốc đán, Tô Khê, Đức vân, Vân tùng, Thuận mang đã lập xong Ban chấp hành Việt minh. Tự vệ và tự vệ chiến đấu được thành lập và sôi nổi luyện tập. Các lớp huấn luyện cho cán bộ và tự vệ về tình hình thế giới, trong nước và năm bước công tác (điều tra - tuyên truyền - tổ chức - huấn luyện - đấu tranh) được tổ chức khắp nơi. Đội viên tự vệ tự sắm lấy vũ khí, các tiểu đội, trung đội tự vệ ra đời đã đảm nhiệm tốt vai trò bảo vệ cơ sở và đưa đón cán bộ. Các đội "thanh niên xung phong phát triển" gồm những hội viên trung kiên, hăng hái, nhiệt tình được thành lập đã hỗ trợ đắc lực cho các đội Nam tiến.

Cũng vào quãng thời gian này, một phong trào tình nguyện thoát ly gia đình vào các đội Nam tiến của nam nữ thanh niên rất sôi nổi, rầm rộ. Trong số đó, hàng chục đồng chí từ Cao Bằng được chỉ định xuống tăng cường cho phong trào Bắc Kạn. Cán bộ Nam tiến có đồng chí là đảng viên, có đồng chí chưa tham gia Đảng; có đồng chí là người địa phương, có đồng chí là người nơi khác đến; tuổi đời, tuổi Đảng...tuy khác nhau nhưng tất cả đều hăng hái, nhiệt tình, thương yêu nhau như anh em ruột thịt, giúp nhau hoàn thành nhiệm vụ.

Phong trào cách mạng, không khí náo nức của quần chúng các nơi tác động trở lại anh em cán bộ chúng tôi. Sau khi đề nghị anh Văn cử người xuống củng cố, khoảng trung tuần tháng tám tôi lại lên đường. Nếu lần trước con đường chỉ là ước định thì lần này từ Bắc ngấn sơn xuống núi Cứu quốc, con đường quần chúng - con đường cách mạng qua vùng người Dao - đã rộng mở. Để tranh thủ thời gian, tôi thẳng xuống Khuổi hạ, đi qua Văng kheo. Trước đây thường ngày nghỉ đêm đi, giờ qua những vùng có cơ sở có thể đi ban ngày. Ở Văng kheo, tôi mở một lớp huấn luyện cho số hội viên mới được kết nạp. Lớp vừa xong thì bên Khau ngỏa, xã Quảng Khê đã cho người sang mời. Vừa đến Quảng Khê người dưới Hoàng Trĩ đã lên. Anh ta cho biết chánh mán Khèn ở Hoàng Trĩ cũng muốn xin vào Hội. Rõ ràng phong trào phát triển đã lôi cuốn tầng lớp trên có liên hệ với quần chúng. Dừng lại ở Quảng Khê ít ngày, kết nạp hội viên, mở lớp huấn luyện, rồi lại đi tiếp xuống phía nam. Qua điều tra thấy anh Khèn là người tốt, làm chánh mán nhưng vẫn sống bằng sức lao động của mình, được tuyên truyền về Hội Việt minh đánh Tây, đuổi Nhật, anh hưởng ứng ngay nên tôi quyết định kết nạp anh vào Hội. Lễ ăn thề để anh vào Hội được tổ chức chu đáo.

Móc nối cơ sở từ Hoàng Trĩ, ngày 3 tháng 10 năm 1943 nhằm vùng núi cao mà đồng bào địa phương gọi là Phja khao, tôi thẳng xuống Lũng tăng thuộc tây bắc Chợ đôn. Trước đó, cơ sở trên Hoàng Trĩ xuống tuyên truyền anh Viên, anh Man, và anh Trìu ở xóm Cốc vường cách mỏ Bản thi sáu ki lô mét, các anh đã đồng ý vào Hội nên khi xuống các anh đón chu đáo. Gia đình anh Trìu tuy về mặt kinh tế cũng bình thường nhưng vì anh đã làm phó quản chiểu, họ hàng, bạn bè đông nên việc anh vào Hội có gây được ít nhiều ảnh hưởng tích cực, hầu hết người Dao ở đây đã vào Hội. Từ thực tế này chúng tôi rút ra một kinh nghiệm mà hồi đó gọi là "qua trên nắm dưới"; nghĩa là thông qua tầng lớp trên có liên hệ với quần chúng để nắm lấy quần chúng, tổ chức quần chúng; đồng thời sử dụng vai trò của tổ chức quần chúng kiểm chế, tranh thủ và lôi cuốn tầng lớp trên.

Càng đi xuống phía nam càng cảm thấy sốt ruột, Thái Nguyên đã ở trước mặt, nhưng làm sao đi nhanh xuống đó?

Hồi giữa năm 1941 tôi đã có dịp xuống Định Hóa (Thái Nguyên). Lần ấy anh Hiếu lên báo cáo công tác chỗ Bác; được Bác giao cho một cái thư, yêu cầu chuyển bằng giao thông bí mật xuống chỗ anh Hai Cao ở Quán vuông (Định Hóa). Chi bộ quyết định để tôi cùng với anh Trương Phi đi làm nhiệm vụ. Khoảng hai mươi ba, hai mươi bốn tháng năm, hai chúng tôi quần trắng áo the, mỗi người thủ một cuốn sổ dày những bài hát lượn, lên đường từ Nguyên bình. Kế hoạch là khi xuống sẽ đi bộ nên ban, bốn hôm sau mới tới Quán vuông. Vào phố chưa kịp đến địa điểm qui định đã nghe dân phố bàn tán việc Tây đến bắt Hai Cao hai hôm trước đó. Tôi và Trương Phi lặng lẽ đưa mắt nhìn nhau. Biết rằng có đến chỗ hẹn để bắt liên lạc cũng vô ích, thậm chí có thể nguy hiểm, chúng tôi vào làng nghỉ, hôm sau ra xe khách, mang thư về báo cáo. Từ đó đến nay hơn hai mươi năm đã qua, nghe nói phong trào Định hóa đã phát triển khá; lực lượng Cứu quốc quân từ biên giới rút về đang từ dưới đó đưa phong trào lên phía bắc.

Ở Quảng bạch (Chợ đôn) một hội viên giới thiệu một cơ sở bên Thanh tương thuộc Nà hang (tuyên quang). Có thể sang Thanh tương rồi theo vành đai người Dao vùng địa giới giữa Bắc Kạn và Thái Nguyên với Tuyên Quang để đi xuống. Nhưng, dù sao đó cũng là con đường vòng. Biết tôi đang băn khoăn, anh Trìu nói:

- Ở dưới Nghĩa tá tôi có người quen.

Tính toán thấy rằng đi thẳng xuống Nghĩa tá, có phần mạo hiểm nhưng đó là con đường ngắn nhất nên tôi cho điều tra, bắt mối ngay. Sau này được biết khi tôi xuống phía bắc Chợ đôn thì các anh bên Bắc tiến đã đến xây dựng cơ sở vùng Nghĩa tá thuộc Nam Chợ đôn. Biết tin anh Trìu đã vào Hội nhưng chưa biết là Hội gì, anh Nhuận cho người lên mời tôi xuống. Thực ra lúc đầu có nghĩ về anh Nhuận rất nhiều. Anh đang làm chánh quản chiêu, liệu có thể tin được không. Tôi quyết định đi một con đường mới. Từ chỗ anh Trìu chúng tôi đi Khuổi tầu, qua bản Cậu, xuống Khuôn rĩa (Yên Thịnh), Khau tầm, xã

Đài quang (nay là xã Kiên dã, huyện Chiêm hóa, tỉnh Hà Tuyên); sau đó đi ngược lên Tùm tó (xã Bằng lãng). Đi theo con đường này tôi sẽ được hai mục đích, vừa xây dựng được cơ sở vùng địa giới giữa Tuyên quang và tây nam Bắc Cạn, vừa làm được công tác điều tra nơi định tới. Con đường vòng vèo, có lúc gặp mạo hiểm. Hôm ở quảng khô đi, anh giao thông dẫn theo đường mòn, thọc ngay vào đặng sau nhà máy điện Bản thi, cũng may đường vắng vẻ, không một ai qua lại, hai con nai rất to gặm cỏ cạnh lối đi, thấy người đến cách năm, bảy mét còn ngơ ngác nhìn rồi mới phá chạy. Từ bản Cậ xuống Khuôn rĩa lại phải qua gần đồn Yên Thịnh. Tuy vậy do rất cảnh giác nên chuyển đi dọc địa giới hai tỉnh đã thắng lợi. Khoảng hạ tuần tháng chín năm 1943 từ xóm người Dao Tiểu bản bên Khau tằm tôi sang đến nhà anh Bường ở Tùm tó, thông qua anh Bường, tôi đi thẳng xuống chỗ anh Nhuận. Ở đây, mặc dầu biết rõ đúng là đã có phong trào, tôi vẫn tổ chức ăn thề rất chu đáo để kết nạp anh Nhuận vào Hội, rồi lánh lên rừng nằm chờ. Rất may là cùng lúc ấy anh Hoàng Thượng lên tới nơi. Chúng tôi viết thư cho nhau, khi biết đích xác là người của mình, tôi xuống gặp anh Thượng ở bản Bằng. Hôm đó là một ngày đầu tháng mười năm 1943, một ngày mùa thu của năm Quý mùi - năm phong trào cách mạng Bắc Kạn phát triển rầm rộ.

Với việc gặp anh Thượng, nhiệm vụ bước đầu của công tác Nam tiến trên hướng tôi đi coi như đã hoàn thành. Tuy chưa xuống tới Thái Nguyên, nhưng cũng không cần đi nữa, gặp các anh Cứu quốc quân từ dưới đó lên có nghĩa là một hành lang được định trước theo hướng từ đông bắc xuống tây nam của quốc lộ số ba đã được đánh thông. Con đường liên lạc giữa các trung tâm cách mạng ở Việt bắc xây dựng trên cơ sở của một hệ thống tiếp nối những cơ sở cách mạng đã có thể coi là hoàn thành.

Ở lại chỗ nhà anh Dương Bản Bằng ít hôm, tôi lại lên đường về cơ quan. Nghĩ rằng đường đi xuống tuy an toàn nhưng vòng vèo nên khi lên tôi nảy ý định sẽ đi một lối khác để tiếp tục mở rộng cơ sở, đồng thời rút ngắn độ đường. Lần theo quan hệ dòng họ và bạn bè của các đồng chí hội viên, tôi qua phong huân, Đại sảo, Đông viên thuộc Chợ đồn, sau đó tới các xóm Khuổi

tẩu, Khuổi my, Nặm cật, Nà lỏm thuộc Đôn phong (Bạch Thông). Đến Nà lỏm được biết anh Thành Công cũng đã xuống tới đây, nhưng không đi tiếp được phải quay về. Tôi vào nhà anh Hội viên, ở đó ít ngày rồi đề nghị anh đưa lên Pích cáy, anh Hội viên nói:

- Có thể đi được nhưng khó lắm.

Tôi nói:

- Miễn là tới được, khó mấy cũng cứ đi.

Thực ra từ Nà lỏm lên Pích cáy không có đường. Trước đó nhân đi săn mà anh lên Pích cáy, vì thế chuyên đi quả là vất vả. Sớm tinh mơ hai anh em từ Nà lỏm ra đi, suốt ngày luồn rừng, sau đó băng qua đỉnh Phja bjóc, gà vào chuồng mới tới được Pích cáy, Hôm sau để anh Hội Viên trở về Nà lỏm, tôi đi tiếp lên cơ quan báo cáo anh Văn.

Các cơ sở đã xây dựng, những hội viên được kết nạp, mỗi nơi một đặc điểm, mỗi người một tính tình nhưng chung lại là vùng người Dao mà tôi đã đi qua, đồng bào đều thiết tha được đổi đời. Hơn tám mươi chòm, xóm có phong trào, mấy trăm người được kết nạp vào Hội là công sức của nhiều người, trong đó có cả phần đóng góp của những hội viên vừa được kết nạp. Bất cứ nơi nào khi có phong trào thì có cán bộ. Con đường tôi đi chính là các đồng chí người Dao góp công lớn mở lối và bảo vệ.

Nghe tôi nói đi xuống phía nam không phải vòng qua phía tây như trước đây đã dự định nữa mà có thể theo con đường tắt hơn, qua Mỹ phương (Chợ rã), Đôn phong (Bạch thông), xuống Nghĩa tá (Chợ đôn), anh Văn rất hoan nghênh. Trên báo Việt nam độc lập (cơ quan tuyên truyền của Việt minh Cao - Bắc - Lạng) số 187 ra ngày 30 tháng 1 năm 1944, các anh đã giành cho đội Trần Phú chúng tôi lời khen ngợi: "trong hơn một tháng tiến gần một trăm cây số và tổ chức tám mươi làng vào Hội".

Sau khi thành lập khu Quang Trung¹ anh Văn đi xuống gặp anh Tân Hồng². Các cơ sở trên con đường Nam tiến đã đưa đón các anh qua mỗi chặng đường.

Khoảng trung tuần tháng 12 năm 1943, khi tôi đang chuẩn bị thành lập Ban chấp hành Việt minh khu vực Bản thi thì anh Văn lên. An báo tin trong cuộc gặp gỡ các đồng chí lãnh đạo Cứu quốc quân, để kỷ niệm việc gặp nhau của hai đoàn Nam - Bắc tiến, các anh đã quyết định đặt tên bí mật cho xã Nghĩa tá là xã Thắng lợi.

Anh Văn dừng lại xã Thắng lợi một thời gian, sau này được biết, trong cuộc gặp gỡ, anh Tân Hồng báo tin Cứu quốc quân đã bắt liên lạc được với Trung ương ở miền xuôi nên anh Văn dừng lại xã thắng lợi có ý chờ liên lạc của Trung ương lên. Nhưng chờ đến nửa tháng vẫn chưa có tin tức gì nên chúng tôi rút về cơ quan chuẩn bị tổng kết Nam tiến. Đường lên lại qua các cơ sở thuộc Chợ đồn, sau đó đến Nà lôm (Đôn phong). Buổi trưa vào ăn cơm ở chỗ anh Hội Viên thì được tin ở Hà vĩ anh Đức Xuân vừa bị địch ám hại. Đêm mồng tám rạng ngày chín tháng một năm 1944, quân giặc đã man dã bắn lên, sau đó cắt đầu anh mang về bêu giữa thị xã.

Tôi chưa trực tiếp cùng anh Đức Xuân hoạt động nhưng theo anh em nói lại thì anh Đức Xuân là một trong số những đồng chí có tài vận động quần chúng của lực lượng Nam tiến. Quê anh Đức Xuân ở bản Vạn, xã Bé Triều, huyện Hòa an (Cao bằng) ; tên thật là Nông Văn Đàn. Khi liên tỉnh phát động phong trào đi Nam tiến thì anh là một trong số những người hăng hái xung phong. Vào Bắc Kạn, anh là đội trưởng một đội tuyên truyền xung phong Nam tiến, hoạt động rất hăng hái, nhiệt tình, được anh em mến. Anh mất đi là một tổn thất cho phong trào chung và lực lượng Nam tiến.

Do tình hình Bắc Kạn đã khá căng thẳng nên đoàn chúng tôi rút nhanh về Kim mã, bàn kế hoạch chống địch và chuẩn bị tổng kết Nam tiến.

¹ Khu Quang Trung thành lập ngày 7 tháng 11 năm 1943, Ban chấp hành do các đồng chí Lý Văn Thượng làm chủ nhiệm, Bàn Văn Hoan làm phó chủ nhiệm.

² Đồng chí Chu Văn Tấn.

Tình hình những ngày cuối tháng một, đầu tháng hai rất căng thẳng. Cuộc khủng bố của địch lan rộng khắp vùng Phủ Thông, Chợ Rã, Ngân Sơn và Nguyên Bình. Tuy vậy, ngày 20 tháng 1 năm 1944, hội nghị tổng kết Nam tiến vẫn được khai mạc tại Khuổi Riêng, xã Hoa Thám (Nguyên Bình). Khoảng năm mươi người gồm đại diện Liên tỉnh ủy Cao - Bắc - Lạng, đại diện Tổng bộ Việt Minh và hầu hết cán bộ của lực lượng Nam Tiến đã về dự hội nghị. Đồng bào địa phương lo cho chúng tôi từ cái chảo vạc để nấu cơm cho tới lon gạo ; ngoài ra, bà con còn đem úy lạo rất nhiều quà ngày tết như bánh, mứt, kẹo.

Thay mặt Ban lãnh đạo Nam Tiến, anh Văn đọc báo cáo tổng kết Nam Tiến đợt một và phương hướng Nam Tiến đợt hai. Trong báo cáo, đội Trần Phú chúng tôi được biểu dương là đội có nhiều thành tích vận động quần chúng, mở rộng cơ sở và đánh thông đường liên lạc với Cứu quốc quân. Hội nghị nhất trí suy tôn đội Trần Phú là đội "xung phong anh hùng". Thay mặt anh em đội Trần Phú, tôi lên nhận lá cờ thi đua "xung phong thắng lợi" do Tổng bộ Việt Minh tặng. Có thể nói, sau gần mười năm giác ngộ rồi đi hoạt động cách mạng, đây là lần thứ hai sung sướng và xúc động hòa làm một tràn ngập tâm hồn tôi. Đưa tay đón lá cờ đỏ sao vàng có tua kim tuyến, tôi phải cố nén xúc động mới đọc được mấy lời thề hay cũng chính là nỗi lòng của chúng tôi với Đảng. Trong giờ phút thiêng liêng, tôi bỗng nhớ đến bao đồng bào, đồng chí chung phần vinh dự trong lá cờ này.

Hội nghị bế mạc thì cũng đã giáp tết nguyên đán, đó là tết Giáp thân. Tết sắp đến, nhưng cả một dải rừng núi phía bắc này chắc chắn không khí ngày tết sẽ không đến. Kẻ thù đang mở rộng diện khủng bố. Địch bắt người, đồn làng, gây nên tình hình ngày càng căng thẳng. Sắp sang xuân, đáng lẽ đã được nghe tiếng pháo của các em nhỏ thì ngược lại chỉ nghe tiếng mõ từ các điểm canh và tiếng súng khủng bố của kẻ thù. Tổ quốc còn nô lệ thì không thể có mùa xuân. Lời tuyên thệ dưới cờ trước giờ bế mạc, hội nghị tổng kết Nam tiến như càng thêm cháy bỏng, giục dã. "Chúng tôi, những chiến sĩ xung phong dưới ngọn cờ đỏ sao vàng năm cánh, xin thề hy sinh tất cả hạnh phúc cá nhân, gia

đình, tính mệnh, liều thân xung phong vì nước, một mực tiến tới, mặc dầu gian lao nguy hiểm, khủng bố không bao giờ lùi, cho đến ngày giải phóng của tổ quốc..."Và, thế là không vì ngày tết cổ truyền trên quê hương, chúng tôi vội lên đường để Nam tiến đợt hai, đặng góp phần giành cho được một mùa xuân vĩnh cửu.

HÀ PHỤNG **ghi**

NIỀM VUI Ở BẢN MÈO

GIÀNG HỒNG SỰ

Cuộc sống du canh, du cư đưa đẩy bà con người Mèo chúng tôi nay khe suối này, mai triền núi nọ. Rừng núi bao la, chúng tôi ở thừa ra để nuôi con lợn, con gà cho dễ; vả lại, cuộc sống nương rẫy và cái thế núi trên cao thường không cho phép ở thành bản lớn. Vì thế bản Mèo ít nhộn nhịp đông vui. Nhưng nỗi buồn khổ không phải ở đó. Đói nghèo mới thực sự là điều đáng sợ.

Mùa màng thất bát, đói nghèo, rách rưới...người già bảo: "tại trời". Dân tộc chúng tôi đặc biệt kính trọng người cao tuổi nên nghe các cụ nói vậy, rất tin. Đã nhiều lớp con cháu tuy rất sợ ông trời mà cũng rất oán ông trời.

Năm Nhâm ngọc (1942) tôi vừa mười tám tuổi. Tuy không học hành gì nên suy nghĩ còn nông cạn, nhưng luân quản trong vòng đói nghèo cũng đã thấy oán ông trời. Mùa màng kém, tết năm ấy như chậm đếm. Trên triền núi cao gió rừng lạnh buốt, giáp tết vẫn ngồi quanh bếp, ngọn lửa như không ấm mà chỉ gợi nhớ đói nghèo.

Sau tết tôi lên Cao lù, xã Ca thành, huyện Nguyên Bình (Cao Bằng) thăm ông Giàng A Man. Ông là chú của tôi. Do cuộc sống du cư nên bà con ruột thịt ở xa nhau trọn ngày đường. Thấy tôi đến ông rất vui, giữ ở chơi khá lâu. Trong câu chuyện ông thường gợi nhiều về những nỗi khổ nghèo. Một hôm sau khi dặn dò kỹ lưỡng, ông nói với tôi về hội Việt Minh đánh Tây, đuổi Nhật. Ông nhìn tôi đăm đăm rồi nói chậm rãi mà rõ ràng.

- Cháu khổ, chú cũng khổ, người Mèo ta nghèo khổ, Vào Hội, đánh Tây, đuổi Nhật, đánh hết bọn quan, dân ta có ruộng làm, đời sẽ hết khổ.

Việt Minh là gì, thằng Tây, thằng Nhật cũng như một lần giáp mặt, nhưng cái khổ thì tôi đã hiểu. Một phần tin ông A Man, một phần do suy nghĩ thấy vào Hội Việt Minh được như vậy thì hội ấy thật là tốt nên tôi đồng ý vào Hội. Thấy tôi sốt sắng ông A Man rất vui. Ông dẫn tôi đi gặp cán bộ của Hội. Hai người tiếp tôi thân mật như anh em; sau này được biết đó là chị Công và

anh Mệnh Lệnh. Các anh, chị cũng nói với tôi những điều tương tự như ông A Man đã nói, khuyến khích tôi vào Hội.

Lần ấy vì đi chơi đã lâu, tôi xin ông A Man trở về và hẹn ngày lên lại. Lòng vui về những điều hiểu biết mới mẻ, khi về Cao Thượng tôi đem câu chuyện kín ấy nói cho một người bạn rất thân là Giàng A Dinh. Đó là người bạn mà tôi tin như tin chính bản thân mình và cũng muốn bạn cùng vào Hội. Nghe kể về Hội kín, mắt A Dinh ánh lên niềm vui và niềm tin. Anh sốt sắng nhận lời sẽ cùng tôi lên Ca thành. Lúc đầu định sau mùa rẫy sẽ đi, nhưng lòng vui không đợi lâu được. Tháng hai ta, A Dinh và tôi lại rời núi rừng Cao Thượng lên chỗ ông A Man. Tại đây, cán bộ tổ chức chặt đầu gà để chúng tôi ăn thề vào Hội theo như tục lệ ở vùng cao. Sau đó, đặt tên bí mật cho từng người. Giàng A Dinh gọi là Giàng Tả Cao, còn tôi đặt là Giàng Hồng Sli. Chúng tôi tập gọi nhau bằng đồng chí. Đã là hội viên rồi các đồng chí cho chúng tôi dự một lớp huấn luyện hơn mười ngày. Lần đầu tiên chúng tôi được nghe nói kỹ khổ là do đâu, muốn hết khổ phải làm gì. Các đồng chí chỉ dẫn cặn kẽ về hương pháp tuyên truyền, tổ chức quần chúng vào Hội, cách thành lập và hướng dẫn tự vệ luyện tập.

Vì nguyên tắc bí mật tôi không dám hỏi ông A Man xem cả vùng Cao lù đã vào Hội hết chưa nhưng phong trào trên ấy thật là rầm rộ. Tôi được nghe nói lại là phong trào cách mạng ở đây có tương đối sớm. Năm năm trước đó hơn bốn trăm người Mèo ở cả Nguyên Bình đã điếm chỉ vào một lá đơn chung của người Mèo khắp Cao Bằng đòi bỏ phu, bỏ thuế và góp tiền cho đại biểu cũng là người Mèo về tận Hà Nội vào gặp thẳng quan to nhất ở đấy để đưa đơn kiện. Việc này kết quả đến đâu tôi không được biết, nhưng có lẽ phong trào có sớm như thế nên Hội Việt Minh phát triển mạnh. Những ngày chúng tôi có mặt ở đấy để dự lớp huấn luyện, cảm thấy không khí cách mạng phá vỡ cái thâm lặng thường ngày của bản làng và của từng người, trào dâng sôi động.

Chúng tôi ở trên ấy khoảng nửa tháng. Ngày vui rất ngắn. Vì trình độ thấp nên những điều học được không nhiều nhưng vẫn thấy lòng rất vui. Hội

Việt Minh không khí cách mạng vùng cao lù đã tiếp thêm sức mạnh cho chúng tôi.

Ngay sau khi về tới Cao Thượng, anh Cao và tôi đem những nhiệm vụ mà các đồng chí cán bộ giao ra bàn. Chúng tôi quyết định trước hết phát triển Hội vào số bạn bè như Vũ Thị Giây, Lý Tá, Lý Lỡ, Lý Thán. Sau khi thăm dò, một hôm hai chúng tôi sang nhà ba anh em họ Lý chơi. Tuy chưa có kinh nghiệm tuyên truyền nhưng nhờ nhập tâm những điều cán bộ đã chỉ dẫn, sau buổi nói chuyện ấy, ba anh em họ Lý đồng ý vào Hội Việt Minh. Chúng tôi tổ chức kết nạp các anh ấy. Trong đợt này, chị Vũ Thị Giây cũng được tổ chức vào Hội. Đó là người nữ hội viên Việt Minh đầu tiên của tổng Cao thượng. Sau này, khi phong trào phát triển rầm rộ cũng như lúc bị địch khủng bố, chị vẫn vững vàng, xứng đáng là người bạn đời của anh Cao - người hội viên Việt Minh đầu tiên ở đây.

Người Mèo chúng tôi vốn sẵn lòng tin, là anh em, bà con ruột thịt thường không sợ phản bội nên mặc dù coi trọng nguyên tắc bí mật, vẫn không thể không tuyên truyền ngày càng rộng ra trong số anh em, bà con cùng nghèo khổ như nhau về Hội cách mạng mà ở đó họ thấy rõ những hứa hẹn tốt đẹp. Nhiều người xin vào Hội. Số hội viên phát triển khá nhanh. Làm theo những điều đã học, chúng tôi chia hội viên thành các tổ ba người một, nam riêng, nữ riêng, và cử một người làm tổ trưởng.

Phong trào phát triển thuận lợi. Đến cuối năm 1942, đầu năm 1943 cả vùng Mèo thuộc tổng Cao thượng đã có nhiều tổ Việt minh. Chúng tôi báo cáo kết quả này lên Nguyên Bình. Được tin, trên ấy liền cử cán bộ xuống.

Bấy giờ người Mèo thuộc tổng Cao thượng cư trú trên một vùng núi non rất rộng. Để tiện cho việc phát triển phong trào, chúng tôi phân công nhau mỗi người phụ trách một số xóm. Trong đó, anh Cao và tôi phụ trách Chẻ vèng, Nặm đăm; Hồng An phụ trách Lũng nghe, Thắm củ, Khưa dây; Giàng Lỡ phụ trách Nà Lài; còn Lý Lỡ thì gây cơ sở ở Mảy sào, Pụp nhùng, Thắm táo.

Không nhớ hết các tổ, vả lại do nguyên tắc bí mật nên không nắm được hết, nhưng phong trào phát triển thật là rầm rộ. Thanh niên nam nữ vào Hội, người già và em nhỏ cũng vào Hội. Phong trào lan sang người Dao. Một số anh em người Dao được tổ chức vào Hội. Khoảng giữa năm 1943 số hội viên kể tới hàng trăm. Hội phát triển, công việc đầu tiên đưa hội viên vào hoạt động là tổ chức các lớp học văn hóa. Đối với dân tộc chúng tôi, đây là một công việc khó khăn. Các cụ kể lại rằng ngày xưa người Mèo cũng có chữ, nhưng do du canh, du cư, mang sách đi theo khó khăn nên bàn cách đốt sách lấy tro đó uống. Cái chữ vào bụng, người Mèo không học chữ nữa. Nghĩ kỹ lại đó là câu chuyện nhiều buồn tủi. Tuy vậy, không phải ai cũng dễ dàng nhận ra điều ấy. Lúc đầu vận động mọi người đi học rất khó, sau bảo phải học chữ mới làm được cách mạng, mọi người mới chịu. Khi phong trào lên, cả xóm đi học văn hóa.

Phong trào phát triển, những hội viên là nam nữ thanh niên được tập hợp lại để thành lập các đội tự vệ. Lớp học quân sự đầu tiên có khoảng năm mươi người dự. Lúc đầu tổ chức ở Chè vèng, sau nghe nói chánh mán Cao biết, sợ địch lên úp, phải chuyển về Nà lài. Lớp này kéo dài hơn mười ngày.

Sau lớp trên, cán bộ về mở một lớp khác ở Púp nhùng. Đây là lớp đông nhất, số người tham dự lên tới hơn một trăm. Số học viên sau khi dự các lớp huấn luyện đầu tiên được giao nhiệm vụ xuống các xóm huấn luyện rộng hơn cho các hội viên cứu quốc.

Bên cạnh các lớp chính trị, quân sự, cán bộ ở trên về còn tổ chức các lớp chính trị, hướng dẫn học chương trình, điều lệ Việt Minh, cách bảo vệ, đưa đường cán bộ, phương pháp xây dựng cơ sở và vấn đề tích trữ lương thực...Đối tượng học rất rộng rãi, trẻ em, người già lão đều đến dự, ai cũng ngồi nghe chăm chú.

Nhờ cách mạng, bản Mèo Cao thượng không buồn tẻ nữa. Đêm trăng sáng. Thay cho lời ca thảm thiết, âu sầu cũ, bài hát cách mạng rộn ràng, vui tươi như đem cho bản Mèo màu áo mới. Bài ca Việt Minh ¹ bằng tiếng Mèo

¹ Việt Minh ngũ tự kinh do đồng chí Võ Nguyên Giáp soạn và dịch từ tiếng Kinh ra tiếng Tày, Dao, Mèo.

được mọi người ưa thích. Những người luống tuổi thả lòng mơ ước cho hai câu nhớ sâu sắc:

Dân quê có ruộng, bò,
Được miễn trừ sưu thuế...

Càng nghĩ về tương lai, mọi người càng hăng hái hoạt động. Cách mạng đúng là ngày hội, là mùa vui. Phong trào lên, để tiện lãnh đạo, cán bộ đặt tên cách mạng cho khu vực vùng cao thuộc Cao thượng là xã Cao minh.

Đang vui vì phong trào lên cao thì giữa năm 1943 tôi sa vào tay giặc. Lần ấy tôi được cử mang tiền nguyệt phí lên Tổng nộp, khi quay về thì bị bắt. Chúng đưa tôi lên đò bang tá Pác nặm; bọn này giam một hôm rồi giải về Chợ Tho. Ở đây, có lẽ đã đánh hơi biết phong trào cách mạng ở vùng cao Cao thượng nên bọn chúng tra khảo hòng bắt tôi khai ra cơ sở và cán bộ. Bị đánh đau nhưng trước sau tôi chỉ trả lời không biết.

Nghe tin tôi bị bắt, ở nhà rất lo. Lý Lở là cán bộ cơ sở nhưng bề ngoài vẫn làm chánh tổng, được anh em cử mang mười con gà thiến xuống chợ Tho cúng châu Hồ, xin nó tha cho tôi. Không có chứng cứ gì, lại tối mắt trước những con gà thiến béo, chúng đã thả tôi ra. Bị bắt mấy ngày, bị đánh đau nhưng cũng là một dịp hiểu thêm tình anh em, đồng chí. Chỉ có cách mạng mới quý nhau đến thế, mang ơn cách mạng nên sau khi được thả ra tôi lại tiếp tục hoạt động. Tháng 10 năm 1943, tôi xuống Lũng nghề mở tiếp một lớp huấn luyện quân sự bảy ngày cho mấy chục học viên; trong lớp này có cả những anh em người Dao tham dự.

Phong trào phát triển rộng, việc giữ bí mật ngày càng khó khăn. Lớp huấn luyện ở Pụp nhùng là một lớp đông quá. Địa điểm bị lộ. Một lần nữa bọn chó săn đánh hơi biết phong trào cách mạng trên vùng cao. Đặc biệt, do một số thiếu sót của một cán bộ cơ sở, cuối năm 1943, bọn địch biết rõ chúng tôi " làm cộng sản". Khoảng trung tuần tháng 11, tên tri châu mang một số lính lên Nặm nhĩ và cho người lên đòi Lý Lở xuống. Biết việc chẳng lành, anh em bàn không để Lý Lở đi. Bữa đi ít hôm, ngày 22 tháng 11 năm 1943, châu Hồ mang một số lính, bất ngờ ập vào bản. bọn chúng bắt đi mười bốn người,

THỨNG NGÀY

SÔI
NỔI



BAN NGHIÊN CỨU LỊCH SỬ ĐẢNG
TY VĂN HÓA THÔNG TIN BẮC THÁI

trong đó có bốn bố con Lý Lữ; ngoài ra, chúng lấy mất một số tài liệu và mấy khẩu súng.

Những người bị bắt bị giải về thị xã Bắc Kạn. Địch tra khảo dã man, nhưng không ai chịu khai ra những điều chúng muốn biết. Vì không có chứng cứ, hầu hết những người bị bắt được thả, riêng Lý Lữ và Lý Tả do có tài liệu trong nhà nên bị đưa ra tòa và bị kết án tù. Hơn một năm sau, nhân Nhật đảo chính Pháp các anh mới ra được.

Bị khủng bố, phong trào lắng đi. Một số hoang mang. Giữa lúc khó khăn ấy, cấp trên lại cử cán bộ về. Niềm tin được sưởi ấm. Các cơ sở dần dần được phục hồi.

Năm 1944, phong trào không rầm rộ. Cán bộ về cơ sở ổn định tư tưởng, hàn gắn những vết sẹo trong cuộc khủng bố cuối năm 1943 của địch. Nhân dịp này những thiếu sót cũ của phong trào được uốn nắn. Từ bề mặt phong trào dần dần phát triển về bề sâu. Công tác giáo dục tư tưởng được đẩy mạnh, đồng thời súc tiến chuẩn bị súng ống, đạn dược và lương thực. Do đó, ngay sau khi được tin Nhật đảo chính Pháp, có cán bộ hướng dẫn, quân chúng lại nhất tề đứng lên, kéo xuống chiếm đồn bang tác Pác nặm, đánh đổ bộ máy thống trị của địch, góp phần giành chính quyền cách mạng ở các xã vùng núi phía bắc Chợ rã.

Trong Cách mạng tháng Tám, bản Mèo chúng tôi đã chuyển mình tương đối nhanh trong sự chuyển mình của non sông đất nước.

NÔNG QUỐC PHÒNG và
THỦY MINH ghi

DIỆT "ĐỒNG MINH GIẢ"

ĐẶNG DŨNG

Ngày 9-3-1945, Nhật đảo chính Pháp. Phong trào cách mạng nhiều nơi sôi nổi nhưng một số thanh niên chúng tôi ở vùng Bá vân, Tân cương... còn lúng túng, chưa biết phải làm gì.

Vùng chúng tôi có "Căng" Bá vân - nơi bọn thực dân phản động Pháp "an trí" tù chính trị - chúng tôi được các chiến sĩ Cộng sản ở Căng tuyên truyền cách mạng từ những năm 1942 – 1943. Xứ ủy cũng đã cử nữ đồng chí Trịnh Thị Tâm, đóng vai buôn cá khô, mắm, muối từ Thị xã Thái Nguyên vào khu vực Bá vân để liên lạc với "Căng" và tổ chức cho chúng tôi hoạt động.

Tháng 8-1944, thi hành lệnh Xứ ủy, 8 đảng viên "Căng" Bá vân ra ngoài hoạt động; đồng chí Tâm cũng rời địa phương về Xứ công tác. Những ngày tiếp theo là những ngày phong trào bị địch khủng bố. Vài thanh niên trong vùng bị địch bắt. Bọn tay sai địch, trước đây e sợ những người hoạt động cách mạng thì nay trở mặt, dọa dẫm những gia đình có con em hoạt động tích cực ở làng, xã. Việc đó cũng đã có đôi chút ảnh hưởng; vài thanh niên sinh lòng chùng, vài cụ già ngăn cản con cháu hoạt động xã hội...

Hàng ngày, thanh niên chúng tôi cố gắng gặp nhau nhưng không có phương hướng hoạt động.

Đương lúng túng thì có tin chị Tâm lại trở về huyện hoạt động. Chúng tôi mừng rỡ đi đón chị và yêu cầu chị giao ngay công việc. không vội vã, chị Tâm đi thăm lại một số gia đình, nắm được tình hình xóm, xã rồi, chị chọn ra một số thanh niên còn hăng say công tác, họp riêng với chị. Chị không nói nhiều về tình hình thế giới, trong nước, chị giao ngay cho một số thanh niên phát triển cơ sở quần chúng dọc con đường từ Phúc Thuận (phổ Yên), qua một số xã như Niệm công, Phi đơn, Cải đàn, Phúc xuân, Bá vân, Tân cương sang đến giáp Cát nên, Ký phú thuộc huyện Đại từ.

Được giao việc, chúng tôi mừng lắm, hăm hở đi ngay các ngã hoạt động.

Lúc này, bộ máy đàn áp của Pháp đã chuyển sang tay Nhật. Bọn tay chân của Pháp cũ lại đánh hơi, hằm hè, mong tiêu diệt Việt minh, tăng công với chủ mới. Lợi dụng những nơi chưa có phong trào Việt minh hay phong trào nơi đó còn quá yếu, bọn lưu manh nổi lên cướp bóc nhân dân.

Đáng chú ý nhất có bọn cướp do đội Đồi, lý Mười... cầm đầu. Đồi là đội khổ xanh, đào ngũ từ ngày Nhật đảo chính Pháp. Hắn quê ở Yên lãng (Vĩnh phú ngày nay), nơi giáp giới với huyện Phổ yên. Đồi tự xưng là chánh nguyên soái, phong cho một người quen với tôi tên là Lân làm phó nguyên soái; một người nữa là Lý Mười, đứng đầu dân tộc thiểu số vùng Đồng muôn (xã Phúc thuận) cũng được phong làm phó nguyên soái. Đi "thăm đất" hay đi đánh nơi nào là công việc của Đồi và Lân, lý Mười chỉ có nhiệm vụ giao dịch với địa phương mình cai quản, bắt ép dân làng đi theo đội Đồi. Bọn cướp lấy cớ tế thần của làng, cắt đuôi heo đi rồi viết lên giữa cờ hai chữ nho "Đồng Minh" để mọi người tin rằng chúng hoạt động cho chính nghĩa. Muốn tập hợp quân dưới cờ, Đồi hạ lệnh: tất cả những ai có súng muôn được giữ súng, phải đi theo chúng, ai trái lệnh thì súng bị tịch thu, người có súng sẽ bị giết. Có lý Mười đốc thúc thêm nên khi nào cần, đội Đồi có thể huy động được từ hai đến ba chục người.

Hoạt động đầu tiên của đội Đồi là dẫn quân đi cướp phá các đồn điền Phúc thuận, Sơn cốt. Chúng đốt nhà, cướp trâu bò, phá máy móc của đồn điền.

Do có bọn cướp hoành hành nên đường giao thông của ta từ xuôi lên ngược bị tắc nghẽn. Đồng chí Tâm lo lắng hỏi tôi xem có biết gì về bọn "Đồng minh"? Tôi báo cáo có quen một tên chỉ huy. Chị Tâm giao tôi đến xem xét bọn họ, nên thuyết phục, cố gắng lôi kéo họ làm việc vì dân, vì nước.

Qua thăm hỏi nhân dân quanh vùng Phúc thuận, nhiều người sợ nhưng rất ghét bọn Đồi. Dân không công nhận bọn Đồi là Đồng minh vì trương cờ Đồng minh để ăn cướp là không chính nghĩa, do đó quần chúng gọi bọn Đồi là "Đồng minh giả". Biết được như vậy, tôi đi tìm gặp Lân. Tôi báo cho Lân rõ, tôi là người của Việt minh cử đến để nói chuyện với những người cầm đầu

“Đồng minh”. Lân đưa tôi đến gặp đội Đồi, lý Mười. Họ tiếp đón tôi rất niềm nở, nói là từ lâu vẫn có cảm tình với Việt Minh, nay được “thượng cấp” cử người đến, sẽ xin cải tà quy chính. Lý Mười hứa sau lễ hạ điền mừng 6 tháng 6 âm lịch (14-7-1945) để bà con xuống ruộng cấy rồi tất cả sẽ đi theo Việt minh. Từ nay đến ngày đó sẽ không đi ăn cướp nữa.

Tôi yên trí việc mình làm đã thành công, bèn trở về báo cáo kết quả. Thì ra bọn “Đồng minh giả” nói vậy nhưng khi bọn Nhật về Phúc thuận điều tra vụ cướp thì chính tên Lân đã đứng ra giao dịch với Nhật. Lân cho giết lợn, mời quan và lính Nhật ăn cơm, trước khi bọn Nhật trở về tỉnh lỵ.

Đường giao thông qua Phúc thuận của chúng tôi luôn luôn bế tắc. Cứ vài hôm, bọn “Đồng minh giả” lại giữ một giao thông viên của chúng tôi. Chị Tâm họp chúng tôi lại, bàn cách khai thông con đường giao thông huyết mạch kéo cấp trên phê bình. Nhìn vào lực lượng tự vệ của ta lúc đó có rất ít súng, chị giao anh Tây và tôi đến vùng Ba gò thuộc Đại từ, bắt liên lạc với nhóm Việt minh “Sơn”. Nhóm này gồm một số người yêu nước, tự bỏ tiền mua súng, lập thành một đơn vị vài chục người mà ai cũng có tên là “Sơn” như Trường Sơn, Thạch Sơn, Tam Sơn, Thái Sơn... Họ tình nguyện theo anh Tân Hồng (Chu Văn Tấn) và đã có thành tích diệt Nhật ở Tam đảo, thu được một số súng, giải thoát cho bọn Pháp bị Nhật giam ở đó. Nếu gặp bộ đội “Sơn”, chúng tôi sẽ đề nghị các đồng chí phối hợp với tự vệ địa phương diệt “Đồng minh giả”.

Lần theo đường rừng, chúng tôi đến xã Bình dân (Đại từ). Anh Tây vào chùa bắt liên lạc. Mọi khi gõ chuông chùa là có người ra đón; lần này gõ mấy hồi mà chung quanh vẫn vắng lặng đến rợn người. Chúng tôi phân vân, không dám đi tiếp vì chưa có lệnh. Cả bọn quay về nơi xuất phát.

Chị Tâm đón chúng tôi với thái độ bồn chồn. Nghe báo cáo tình hình, chị giục chúng tôi quay trở lại xã Bình dân. Nếu không thấy ai đón thì lần đến Ba gò, chả lẽ cả mấy xã không còn ai để hỏi han sao? Chị cho biết là càng ngày bọn “Đồng minh giả” càng hoành hành. Mới đây, nữ đồng chí Thái Bảo, cán bộ Xứ ủy đến tận Thác nhái gặp đội Đồi và buộc bọn chúng phải ngừng ngay

hành động cướp bóc, cấm không được tước súng, bắt lợn, gà của dân. Bọn chúng cũng vâng, dạ xin hứa theo nghe nhưng rồi vẫn chúng nào tặc ấy. Vì vậy, nếu không diệt được bọn “Đồng minh giả” thì không giữ được thông suốt con đường mà cấp trên giao cho là không được để tặc.

Chúng tôi lại sửa soạn đi ngay. Ở chùa Bình dân vẫn không có ai ra đón. Cảnh vật vẫn hoang vắng nặng nề. Chúng tôi chờ anh Tây ở cánh đồng Lục ba. Anh đi liên lạc đã lâu quá rồi, vẫn chưa thấy quay về. Sợ anh Tây gặp điều gì bất trắc, mấy chúng tôi bàn nhau rẽ vào một quả đồi có nhiều bụi sim, mua, để có chỗ nấp kín và còn có thể bao quát được một vùng rộng. Tôi lách vào một bụi cây. Thấy rằng còn chưa kín, tôi lúi sâu vào trong. Bỗng nhiên, tôi giật nảy mình vì...chạm phải đầu một người. Tôi hoảng hốt, trống ngực đập thình thình, cổ trần tĩnh nhưng vẫn vừa run vừa quát khẽ “Ai...i”. Một tiếng run không kém, trả lời: “Tôi”. Thì ra đó là trưởng bạ xã Cát nê, chạy Nhật khủng bố. Qua lời anh kể lại, chúng tôi được biết hôm vừa rồi có hai sĩ quan Nhật đi cùng một phiên dịch từ Đại từ, tiến thẳng vào xã Ký phú. Các đồng chí Trung Đình, Nhị Quý - những đồng chí lãnh đạo cách mạng ở khu vực này - đã cho liên lạc đến khuyên bọn chúng quay lại. Bọn Nhật cố tình đi sâu vào vùng căn cứ ta nên buộc lòng bộ đội phải nổ súng. Thế là bọn Nhật kéo đến khủng bố mấy ngày liền, suốt từ vùng Cát nê đến Ba gò.

Anh trưởng bạ về nhà và một lúc sau, anh cùng một cụ già đem cơm và thức ăn cho chúng tôi vì biết rằng chúng tôi đã đói ngấu. Cụ già là bố vợ anh trương ba. Vì sợ con rể bị Nhật bắt nên ông bắt anh ta lên đồi nằm cho đến sẩm tối mới được về nhà. Vậy mà khi nghe chúng tôi muốn đi tìm bộ đội “Son”, cụ vui vẻ không lấy tiền cơm chúng tôi, lại còn sai con rể đưa chúng tôi đi tìm bằng được chỗ ở của bộ đội “Son”. Mặc dầu lúc này, có thể vẫn có tay sai địch cài lại quanh vùng để dò la, anh trưởng bạ vẫn len lỏi và chúng tôi đã gặp được đồng chí Thọ Sơn. Biết được tình hình khá nghiêm trọng, đồng chí Thọ Sơn kéo chúng tôi về Đá đen (thuộc đất Tâm đảo) để thảo luận chi tiết với Ban chỉ huy bộ đội “Son”.

Phong trào Việt minh ngày càng loang rộng khiến bọn đội Đồi cũng thấy được công việc “làm ăn” của chúng trở nên khó khăn. Tự vệ các xã ngày đêm tuần phòng, bảo vệ tài sản, tính mệnh nhân dân và rất nghiêm khắc đối với trộm, cướp nên nhiều tên thấy chán nản. Đội Đồi thu vén của cải do bọn y cướp được, rồi bỏ trốn về quê, Y đã bị phục kích và chết ở gần đèo Nhe. Thấy Đồi chết, lý Mười sợ, không dám hoạt động nữa. Chỉ huy “Đồng minh giả” lúc này là tên Lân, với số quân chỉ còn hơn 10 tên.

Trong khi chờ đợi bộ đội “Son” đem lực lượng tới, chúng tôi chia nhau về xã Phúc thuận làm gấp mấy việc, để có thể ít đổ máu mà vẫn diệt gọn được tên Lân:

- Một là lôi kéo những người theo Lân rời bỏ hàng ngũ “Đồng minh giả”. Họ không được bắn bộ đội ta, khi nào sào huyệt họ bị bao vây.

- Hai là cài người của ta vào hàng ngũ những người thân tín của Lân, chờ thời cơ hành động.

Chúng tôi làm việc rất khẩn trương. Chỉ sau mấy ngày, các tổ báo về là đã có nhiều người không đến ngủ tập trung chỗ Lân. Mấy người của ta đã được Lân tin dùng vào việc nấu ăn hay bảo vệ v.v... Trung đội “Son” do đồng chí Thanh sơn chỉ huy, đã bí mật đóng quân sát Phúc thuận, đang chờ phối hợp hành động.

Trình sát của chúng tôi đi dò xét, về báo lại là Lân đã rời sào huyệt ở xóm Đồng muốn ra Phúc thuận; vì vậy một số người thuộc dân tộc ít người không chịu ra theo. Bọn Lân sống tập trung trên, dưới mười tên, canh gác lỏng lẻo; khi nào muốn đi cướp đâu, Lân sẽ huy động dân ở Đồng muốn đi theo.

Chúng tôi thực hiện kế hoạch xâm nhập hang ổ “Đồng minh giả” được nhanh gọn, nhờ có trận mưa buổi chiều. Vì trời mưa, một người trong bọn Lân nêu ý kiến nên nghỉ một đêm cho khỏe. Chẳng lẽ lại nghỉ sưng nên Lân đồng ý cho “nhà bếp” giết lợn. Thế là có thịt thường phải có rượu đi kèm. Cả bọn ăn no uống say rồi bỏ cả bát đĩa đó, mỗi người tìm một nơi ngủ, Lân cũng chuệnh choạng đứng lên. Hấn lão đảo vịn vào một đầu võng. Một người

do ta bố trí, đã nhẹ nhàng đỡ lấy người Lâm, đặt y nằm lên võng rồi nhẹ nhàng đung đưa... Khi Lâm và đồng bọn, nhiều người đã ngáy đều, một tín hiệu được phát ra, trung đội tự vệ phối hợp với trung đội “Sơn” tiến dần vào sào huyệt “Đồng minh giả”.

Tôi đến võng đánh thức tên Lâm. Hấn ú ớ, khẽ mở mắt, định trở mình ngủ lại. Khi thấy lưỡi dao sáng loáng hoa lên, Lâm giật mình, tỉnh ngủ. Hấn vùng dậy, ngơ ngác nhìn quanh và khi thấy không còn lối thoát, Lâm giờ tay chịu trời.

Tất cả những người đi theo “Đồng minh giả” được tập hợp nghe cán bộ ta giải thích: ai muốn theo Việt minh chống nhật cứu nước thì đi luôn, ai muốn trở về gia đình làm ăn lương thiện cũng được.

Tổ chức “Đồng minh giả” bị phá vỡ hoàn toàn Khí thế cách mạng khắp nơi sôi sục. Từ nay, những gia đình đồng bào thuộc khu vực Phúc thuận, Thác nhái... không còn nơm nớp lo bị cướp. Dân đi ngủ không cần đóng cổng ngõ.

Con đường giao thông huyết mạch từ giáp giới Phở yên, xuyên Đồng hỷ, lên Đại từ, sang Sơn dương (Tuyên quang) mà Xứ ủy giao chúng tôi bảo vệ, đã thông suốt. Đây là một trong những con đường quan trọng, đưa đại biểu các miền đất nước về họp hội nghị Tân trào, nơi khai sinh ra nước Việt Nam dân chủ cộng hòa...

CHỈ THỊ CỦA ĐẢNG

*Dựa theo hồi ký các đồng chí
NGÔ THẾ SƠN, HOÀNG MINH CHÍ
và một số tư liệu khác*

Họ lặng lẽ xuyên rừng mà đi và thận trọng xóa hết mọi dấu vết. Khi dừng lại nghỉ, hai người mới nói chuyện, cũng là xoay quanh công tác.

- Tình hình trên đó thế nào ? người cán bộ hỏi.

- Vui lắm ! – anh thanh niên người địa phương hào hứng kể - Mọi người đều kéo lên rừng, đem theo thóc gạo, cùng thổi nấu ăn với nhau. Ta phá cầu Trúc mai, bọn lính Tây phải kéo nhau đến chữa, nhưng ngay sau đó ta lại phá. Anh em còn chặn xe và nổ súng vào tên tuần phủ Cung Đình Vận...

Người cán bộ lại hỏi:

- Sau đây các đồng chí còn làm gì nữa?

Anh thanh niên cười hồn nhiên:

- Làm gì à ! cán bộ bảo làm gì thì làm thôi!

Câu chuyện đến đây họ cùng im lặng. Núi rừng cũng im ắng. Người cán bộ nhìn xa xăm, trong đôi mắt lộ niềm xúc động. “Anh em dũng cảm, rất lạc quan cách mạng và đặc biệt tin ở sự lãnh đạo của Đảng”, ý nghĩ ấy theo anh suốt chặng đường.

Ngày 7 tháng 12 năm 1944, một cuộc hội nghị quan trọng được triệu tập giữa căn cứ Võ nhai nóng bỏng Dự họp có đồng chí Ngô Thế Sơn, ủy viên Ủy ban quân chính Bắc kỳ, vừa được Trung ương cử lên và các đồng chí lãnh đạo phân khu A¹. Hội nghị xoay quanh vấn đề: tiếp tục đánh địch hay tạm thời rút lui, bảo toàn lực lượng chờ thời cơ. Mọi người phát biểu sôi nổi. Không khí quyết đánh bao gồm hội nghị.

¹ Năm 1944, Ủy ban quân chính Bắc kỳ phân chia những địa phương đã có phong trào thành nhiều chiến khu để chuẩn bị cho cuộc đấu tranh vũ trang của Đảng. Chiến khu Hoàng Hoa Thám (còn gọi là chiến khu hai), vì địa bàn quá rộng khó chỉ đạo nên đã lấy sông Cầu làm ranh giới để chia thành hai phân khu. Phân khu A gồm: Bắc sơn, Bình gia (Lạng sơn); Yên thế, Hữu lũng (Bắc giang); một phần huyện Đông hỷ và Võ nhai (Thái nguyên). Phân khu B gồm: tỉnh Tuyên quang; Lập thạch (Vĩnh phú); Nam Bắc Kạn; Phú lương, Định hóa, Đại từ và phần còn lại của Đông hỷ (Thái Nguyên).

...Hồi giữa năm (1944) cả vùng Lâu thượng, Phú thượng, Tràng xá - vùng quê của tám tháng hoạt động du kích nổi tiếng - lại đi vào một cao trào mới. Từ nòng cốt cũ, chi bộ Đảng, đơn vị Cứu quốc quân, các đoàn thể quần chúng trong Mặt trận Việt minh như nhi đồng, thanh niên, phụ nữ, phụ lão, được củng cố và thành lập mới. Núi rừng Lâu - Phú thượng, Tràng xá, kinh qua cuộc khủng bố năm 1941 của kẻ thù còn mang nặng thương đau lại bùng lên sôi động. Tự vệ huấn luyện quân sự, các đoàn thể sinh hoạt, mít tinh quần chúng kỷ niệm khởi nghĩa Bắc sơn, cách mạng Tháng Mười Nga...sôi nổi, rầm rộ. Lòng căm thù đế quốc phong kiến của quần chúng một lần nữa được khơi cháy thành ngọn lửa cách mạng.

Phong trào phát triển, kẻ thù lại nhòm ngó. Trong số hàng trăm quần chúng dự các cuộc mít tinh, mật thám trà trộn, dò la. Và, bọn chúng đã nắm được một danh sách những cán bộ, đảng viên. Địch chuẩn bị khủng bố. Trong tình hình ấy, tháng chín và tháng mười lại liên tiếp xảy ra một số sự kiện ở Phú bình như đồng chí Trương Công Lệnh sa vào tay giặc, ta nổ súng trừng trị tên đội Vinh...Sở mật thám Pháp cho rằng vụ ám sát đội Vinh là do du kích Đình Cả gây nên. Vì thế, chúng hướng cuộc khủng bố lên Võ Nhai. Bọn hào lý các nơi được lệnh bắt dân nộp súng kíp lên châu. Địch tập trung binh lực về thị xã để chuẩn bị cuộc đàn áp. Ngoài ra, còn có tin lan truyền: trong cuộc khủng bố, bao nhiêu thanh niên sẽ bị địch bắt hết. Tin này tuy không chính thức nhưng cũng làm cho nhiều thanh niên sôi sục căm thù.

Để đối phó với tình hình mới, Ban lãnh đạo phân khu A đã họp bàn cách chống địch. Cuộc họp thống nhất những chủ trương quan trọng như theo dõi chặt chẽ bọn mật thám, chỉ điểm, đề phòng địch bắt bớ, cất giấu lương thực, cử người liên lạc với Bắc Sơn...Ngay sau hội nghị, cán bộ tỏa xuống cơ sở ổn định tư tưởng và hướng dẫn quần chúng cách đối phó với địch.

Những ngày đầu tháng 11 năm 1944, tình hình diễn biến mau lẹ và phức tạp. Sau khi phá cơ sở liên lạc của ta ở Cây thị (Đồng hỷ), địch hướng cuộc khủng bố vào trung tâm căn cứ Võ nhai. Trong vòng vài ba ngày, một số cán

bộ cơ sở đã bị địch bắt. Lính khố xanh, khố đỏ và mật thám thuộc “đơn vị cảnh sát đặc biệt” kéo vào Võ Nhai.

Sau vụ địch bắt hai hội viên Việt Minh ở Ngọc Mỹ, hầu hết thanh niên Trảng Xá đều rút lên rừng. Anh em đề nghị được đánh địch để giữ phong trào. Trước tình hình đó, Ngày 10 tháng 11 năm 1944, Ban lãnh đạo phân khu A triệu tập cuộc hội nghị mở rộng tại nghề Đồng mó (Phú thượng). Sau khi phân tích tình hình đang diễn biến phức tạp, đồng chí Hà Châm - chỉ huy trưởng đồng thời là bí thư chi bộ đơn vị Cứu quốc quân - kết luận:

- Cứ đà này, nếu chỉ chống địch bằng chính trị thì ngày một, ngày hai địch sẽ phá hết cơ sở của ta. Đã đến lúc cần phải dùng lực lượng vũ trang chống lại cuộc khủng bố của địch, giữ cơ sở, duy trì phong trào. Tình hình hiện nay đã khác thời kỳ năm 1941. Cuộc chiến đấu nếu có phải kéo dài thì cũng chỉ bằng thời kỳ tám tháng ⁽¹⁾ là cùng.

Đồng chí Thái Long - thành viên của Ban lãnh đạo phân khu - nói:

- Rút kinh nghiệm thời kỳ tám tháng, cần phải thực hiện vườn không đồng vắng để cắt đứt nguồn lương thực, thực phẩm tại chỗ mà kẻ địch có thể lợi dụng. Cần phải “chặt” hết mật thám để xóa tai mắt địch: phải phá cầu, phá đường chặn giặc và cần thiết thì diệt đồn lấy vũ khí mà trang bị.

Sau khi thảo luận, cuộc họp đi đến quyết nghị: cho thanh niên ngủ tập trung để khi cần thì thoát lên núi; làm vườn không nhà trồng; cất giấu lương thực; lập các Ban chiến đấu, trinh sát, địch vận...

Sau hội nghị trên, không khí háo hức diệt giặc trả thù nhà đền nợ nước sôi sục chưa từng có. Ngay trong ngày 11 tháng 11, nhiều tên mật thám bị trừng trị; một số cầu trên đường về thị xã bị phá; bột Quang thái bị vây. Bộ phận binh vận do đồng chí Thái Long phụ trách tung ra hàng loạt truyền đơn, áp phích, trong đó nhấn mạnh “thời cơ đã đến, anh em binh lính hãy quay súng lại”. Cán bộ và chiến sĩ đều muốn chiếm ngay các đồn, bột để lấy vũ khí trang bị. Một kế hoạch đánh đồn Đình Cả và Trảng xá được vạch ra.

⁽¹⁾ Tám tháng hoạt động du kích (7-1941- 2-1942)

Trước sự phát triển của phong trào cách mạng, địch hoảng hốt đối phó. Viên công sứ Thái Nguyên ra lệnh:

- a) Tăng cường lực lượng ở đồn khố xanh Đình cả và đồn bang tá Trảng xá...
- b) Đóng lại các đồn ở vùng giáp giới tỉnh Lạng sơn.
- c) Cử đi công cán dài hạn...viên thanh tra và hai nhân viên mật thám.

“Thành lập một đạo quân đàn áp do viên tiểu đoàn trưởng Mille chỉ huy, gồm có tiểu đoàn hai thuộc trung đoàn bộ binh thuộc địa thứ 9 (9^e RIC) và các trung đội lính khố xanh...” “Lập tại chỗ một chi nhánh mật thám gồm một viên cầm và năm viên thanh tra...”

Ngày 13 tháng 11 năm 1944, hai đại đội khố đỏ từ thị xã kéo lên Võ nhai. Quân địch từ Bắc giang và Lạng sơn cũng được lệnh kéo vào phối hợp. Một lần nữa, địch âm mưu dim phong trào cách mạng tại trung tâm căn cứ Võ Nhai trong máu lửa.

Trước tình hình mới, thiên hường võ trang chống lại cuộc khủng bố của địch càng trở thành tình cảm thiêng liêng của mọi cán bộ, chiến sĩ Cứu quốc quân và tự vệ. Hầu hết thanh niên đã rút vào rừng xin tham gia Cứu quốc quân. Quần chúng tự động phá bỏ nhà cửa, thực hiện triệt để khẩu hiệu vườn không đồng vắng và chạy hết lên núi.

Cứu quốc quân và tự vệ luôn luôn bám sát mọi hoạt động của địch và chống trả linh hoạt. Mờ sáng ngày 13 tháng 11, từ Đình cả, địch đưa một tiểu đội đi giải vây bột Quang Thái. Cứu quốc quân tổ chức đón đánh địch ở Mỏ gà, buộc bọn này phải chạy trở lại Đình cả. Tại cầu Trúc mai, Cứu quốc quân phục kích hai đại đội khố đỏ tăng viện từ Thái Nguyên lên. Hai mươi chiến sĩ chiến đấu kiên cường, loại khỏi vòng chiến đấu hàng chục tên, làm chậm cuộc hành quân của địch.

Trong chiến đấu, Cứu quốc quân được bổ sung cả về số lượng và chất lượng. Thanh niên hăng hái ra nhập bộ đội. Lực lượng của cả ba trung đội lên tới hơn 200 người.

Về phía địch, từ chỗ chỉ hơn 70 tên đóng ở Đình cả, Trảng xá, La hiên và Quang thái, đã nhanh chóng tăng lên tới hơn 1.000 tên, gồm cả khố xanh, khố đỏ, lê dương, trong đó có những đơn vị kỵ binh và mô tô.

Tương quan lực lượng giữa ta và địch rất chênh lệch. Tuy vậy Cứu quốc quân vẫn chiến đấu kiên cường. Tính từ ngày 13 đến ngày 30 tháng 11, quân ta chủ động phục kích địch trên hai mươi trận. Ngày 16 tháng 11 Cứu quốc quân phục kích địch ở Na hóa, làm tên trưởng đồn Đình cả phải bỏ ô tô tháo chạy, ta thu 8.000 viên đạn và một số quân trang quân dụng. Dựa vào địa thế hiểm trở, vận dụng nhiều cách đánh rất linh hoạt, sáng tạo, quân và dân ta đã làm thất bại nhiều cuộc càn quét của địch, bảo vệ tính mạng và tài sản của nhân dân, bảo vệ căn cứ. Ngày 23 tháng 11, địch càn vào Lân han. Dựa vào các hang đá rất kiên cố, ta đánh địch từ sáng đến chiều. Buổi sáng giặc đưa lính khố xanh và khố đỏ đến. Ta vừa đánh vừa làm công tác binh vận. Bị thiệt hại, lại được nghe tuyên truyền lính khố xanh, khố đỏ hoang mang. Buổi chiều, giặc Pháp phải rút bọn này đi và điều Âu - Phi đến. Quân giặc bắn như đổ đạn, nhưng núi đá Lân han rất hiểm trở lại công sự chắc chắn của Cứu quốc quân; đợt bọn chúng vào hấn trong ngách hang ta mới nổ súng; những tên liều mạng đều phải đền tội. Trong trận này ta diệt gần chục tên, thu vũ khí. Tiếp đó, ngày 27 tháng 11 năm 1944, 100 lính lê dương và khố đỏ đánh vào hang Mỏ gà. Lợi dụng thế núi, ta làm nhiều sào đá đợi địch. Chờ chúng tới gần, chiến sĩ phụ trách các sào đá rút chốt an toàn, để những tảng đá lớn lăn từ đỉnh núi xuống, nhiều tên bị đá đè chết ngay tại chỗ, có tên bị đá hất xuống tận chân núi. Chỉ huy địch báo cáo với quan thầy: “bọn chúng ở những chiến lũy nhỏ lăn đá xuống binh lính, gây một số tổn thất cho chúng ta”.

Cứu quốc quân đánh địch rất dũng cảm, mưu trí. Tuy vậy, cuộc chiến đấu ngày càng gặp nhiều khó khăn. Kẻ địch hung hăng, liên tiếp tăng viện, liên tục mở các cuộc càn quét. Trong khi đó, Cứu quốc quân vừa phải lo đánh giặc, vừa phải lo tổ chức đời sống và bảo vệ hàng nghìn dân. Sau gần một tháng chiến đấu, cả phong trào tại trung tâm căn cứ nổi tiếng đứng trước một hoàn cảnh rất hiểm nghèo: thóc lúa dự trữ đã cạn, một số lại bị địch càn quét

cướp đi, sắp tới lấy gì nuôi hàng nghìn miệng ăn? Vũ khí rất thiếu, làm sao tiếp tục cuộc chiến đấu bảo vệ quần chúng giữa vòng vây trùng điệp của kẻ địch đông hơn gấp bội và được trang bị mạnh?

Tất cả những cán bộ lãnh đạo phân khu A đều là những người từng trải, hơn thế những khó khăn phải giải quyết làm họ dễ dàng nhận rõ triển vọng của những diễn biến. Thực tiễn cuộc chiến đấu đã xóa đi mọi phân tích mơ hồ và thiếu căn cứ. Trong mỗi con người rất bất khuất, kiên cường chỉ còn cuộc đấu tranh từ nội tâm chưa phân giải: tình cảm cách mạng và tình cảm quê hương. Trong hoàn cảnh và tình hình cụ thể, nhưng điều hiển nhiên cũng cần phải được lý giải. Trong cuộc họp, đồng chí cán bộ được Trung ương cử lên, phân tích tình hình chung và cuộc chiến đấu của Võ nhai; truyền đạt chỉ thị của Đảng về việc tạm rút lui cuộc đấu tranh vũ trang, bảo toàn lực lượng, chờ thời cơ... Qua thảo luận dân chủ, nhiều đồng chí vốn chủ trương “đánh đến cùng” cũng thấy rõ sự sáng suốt trong chỉ thị của Đảng và nhất trí với chủ trương của Trung ương. Một kế hoạch tử mỹ được vạch ra và tổ chức thực hiện. Quần chúng lần lượt trở về làng cũ. Một số cán bộ, đảng viên còn điều kiện sống công khai, được phân công tiếp tục lãnh đạo quần chúng đấu tranh với địch, bảo vệ và đẩy mạnh phong trào khi có điều kiện. Lực lượng chính của Cứu quốc quân đi sang Bắc giang, dựa vào cơ sở bên đó, tiếp tục hoạt động và huấn luyện; số còn lại, một bộ phận lên Bắc sơn, một bộ phận sang Định hóa, Đại từ.

Chỉ thị của Đảng đã đưa phong trào tại trung tâm căn cứ Võ nhai vượt qua khó khăn tưởng chừng không thể giải quyết nổi. Một cuộc chiến đấu mới, dưới hình thức mới, trong điều kiện mới lại bắt đầu, tuy âm thầm mà quyết liệt và hướng về mục tiêu lớn lao hơn.

Sau tết nguyên đán Ất dậu (1945), đồng chí Ngô Thế Sơn Sơn mời các cán bộ lãnh đạo căn cứ Võ nhai về họp. Bộ phận Cứu quốc quân rút sang Bắc giang tuy được cơ sở bên đó và đồng bào hết lòng đùm bọc, nhưng vì quân số đông, dân rất nghèo, kẻ địch lại thường xuyên nhòm ngó nên đời sống vật chất và hoạt động gặp nhiều khó khăn. Hội nghị thảo luận việc rút đơn vị lên

biên giới Việt - Trung để anh em có điều kiện học tập thêm về chính trị và quân sự. Những người dự họp đều nhất trí cần phải ra đi học tập, huấn luyện một thời gian để khi có điều kiện lại trở về tiếp tục cuộc chiến đấu.

Chuẩn bị cho chuyến đi xa, mỗi cán bộ, chiến sĩ dựa vào dân để lo hai mươi tám ngày gạo, trong đó có một số lương khô để phòng dọc đường không có điều kiện thổi nấu.

Thực hiện nghị quyết hội nghị cán bộ, Cứu quốc quân tập trung về Đồng toong biên chế, huấn luyện trước khi lên đường. Việc chuẩn bị được tiến hành khẩn trương và bí mật. Tuy vậy, quần chúng cũng biết con em mình sắp đi xa nên đem các thứ đến úy lạo rất nhiều, có người dắt cả bò đến để Cứu quốc quân liên hoan.

Đang khẩn trương chuẩn bị để ngày 13 lên đường thì ngày 11 tháng 3 (1945), quần chúng cho biết một ô Tô Nhật từ thị xã Thái Nguyên lên, ba thằng Tây ở đồn Đình cả bị bắt mang đi; bọn hào lý ở phố chợ đều nhón nhác lo sợ. Được tin báo, Ban chỉ ủy lập tức hội ý và cử đồng chí Thái Long đi điều tra. Nhận nhiệm vụ, Thái Long cải trang thành một thiếu nữ rồi cắp nón ra phố Đình cả. Các cơ sở ở đây xác nhận tin trên, ngoài ra không hiểu gì thêm. Ban chỉ ủy lại họp. Đồng chí Ngô Thế Sơn nói:

- Có lẽ Nhật - Pháp hắt nhau thật Tôi và anh Kim⁽¹⁾ về xuôi xem tình hình thế nào, nếu đúng là hai con chó cắn nhau thì ta ở lại.

Ngày giữa xuân. Trời xanh trong, vời vợi. Rừng căn cứ rộn rã tiếng chim ca. Lòng người rạo rức, háo hức. Sự nhậy bén của những chiến sĩ từng thử lửa như một giác quan đặc biệt trước điều mới mẻ, nên ai cũng mở lòng đón đợi và háo hức được góp sức làm nên biến đổi lớn lao.

Sau bữa cơm chiều, hai người cán bộ rời căn cứ lên đường. Từ Đồng toong, họ đi tắt sang La hiên rồi rẽ vào đường Vân hán - Phả lý. Đến Phả lý, họ đi ban ngày, đường hoàng như những khách bộ hành khác. Dân ven lộ thấy hai người còn trẻ, một người diện quần trắng, áo the, một người nón dứa và

⁽¹⁾ Đồng chí Hoàng Minh Chí.

bộ cánh nâu, đang trên đường về xuôi. Đường vắng, tới quãng Bảo lý họ mới gặp một anh hớt hải đạp xe từ phía Kha sơn lên, đến gần, hấn dừng xe, hỏi:

- Các bác về đâu?

Đồng chí Sơn - người diện quần trắng, áo the - trả lời:

- Hai anh em tôi lên Trại cau, Trại cả làm ấp, nay về xuôi giỗ cụ. Người đi xe đạp nói;

- Các bác đi đường nào thì đi chứ đừng qua Kha sơn, dưới đó giặc nổi lên ghê lắm. Tôi lên báo quan về bắt chúng đây. Nói xong, tên này vội vã đạp xe đi.

Hai người cán bộ Võ nhai qua khỏi Bảo lý thì nghe tiếng trống vọng lại. Càng đi, tiếng trống càng rõ, hình như cả một vùng nổi trống. Phải chăng tên đi xe đạp hốt hoảng vì những tiếng trống kia? Tiếng trống âm vang, tiếng trống rộn ràng, tiếng trống thúc giục... Vừa đi vừa lắng nghe tiếng trống, người cán bộ chỉ thấy lòng mình phoi phới - tiếng trống gọi nhớ không khí ngày hội mùa xuân.

Đến địa phận Kha sơn, hai người bị giữ lại. Đồng chí Sơn làm bộ ngờ ngác hỏi:

- Có sự gì thế hở các bác? Một anh trong bọn trả lời khá gay gắt:

- Sự gì cũng không được hỏi! Đồng chí sơn nài nỉ:

- Hai anh em tôi lên Trại cau, Trại cả làm ấp, nay nhà ở xuôi đến kỳ giỗ, hai chúng tôi về, mong các bác cho đi. Mọi người nghe họ trình bày nhưng vẫn không cho đi. Cuối cùng đồng chí Sơn xin gặp anh Thăng.

Vùng Kha sơn thuộc “An toàn khu” (gọi tắt là ATK) của xứ. Đồng chí Sơn đã từng hoạt động ở đây nên khi gặp đồng chí Thăng, hai người cán bộ Võ nhai được coi như người nhà. Các đồng chí ở Kha sơn cho biết Nhật đã đảo chính Pháp; Trung ương Đảng có chỉ thị “ Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta”; thực hiện chỉ thị của Đảng, nhiều nơi đã nổi dậy thành lập chính quyền cách mạng. Ở Kha sơn, dưới sự lãnh đạo của chi bộ Đảng, quần chúng đã nổi dậy mạnh mẽ.

Sống giữa không khí sục sôi cách mạng của Kha sơn, người cán bộ Võ nhai như được sống lại những ngày tháng 11 năm 1944 trên quê hương mình, vì thế tuy đi đường mệt, các đồng chí vẫn hăng hái lao vào những hoạt động rầm rộ của địa phương như diệt bảo an, xử án bọn phản động...

Ở Xứ ủy, đồng chí Sơn có việc phải lưu lại nên mình đồng chí Kim mang chỉ thị của Đảng về cho Võ nhai.

Nhận được chỉ thị của Trung ương, Ban chỉ ủy chi bộ Cứu quốc quân đã họp và quyết định: diệt các đồn bốt giặc, xóa bỏ chính quyền thực dân, giành chính quyền cách mạng cho Võ nhai. Hội nghị phân công các đồng chí: Quốc Hưng, Trần A, Quốc Vinh dẫn một trung đội bao vây Đình cả; các đồng chí: Cương, Vinh, Bình, Thái Long, Kim đem một trung đội, gồm Cứu quốc quân và tự vệ, đánh chiếm châu lỵ Võ nhai.

So với các đồn bốt khác. La hiên không phải là vị trí mạnh, tuy vậy, vì nó là châu lỵ, hơn thế lại nằm giữa một vùng phong trào cách mạng luôn sôi động nên cũng là nơi có tường lũy chắc chắn. Trong đồn có một tiểu đội lính cơ, lực lượng đồng của châu Võ nhai, một số mật thám và bốn tên khố xanh từ Thái Nguyên lên để truy lùng anh em tù vượt ngục ngày 10 tháng 3 ⁽¹⁾

Kế hoạch đánh châu lỵ được chuẩn bị chu đáo. Người mang thang để vượt tường, người đem búa tạ để phá cổng, riêng Thái Long mang theo một cái loa bằng giấy. Khoảng 22 giờ (ngày 20 tháng 3), Cứu quốc quân bố trí xong lực lượng quanh đồn. Biết bọn này như rắn mất đầu, đang rất hoang mang nên Ban lãnh đạo chủ trương: bức hàng là chính, trường hợp không thuyết phục được mới nổ súng.

Cứu quốc quân triển khai xong lực lượng mà bọn trong đồn vẫn không hay biết gì. “Công đường” đèn nền vẫn sáng choang, quan và lính say đắm sát phạt nhau quanh mấy cỗ tổ tôm. Giữa lúc đó, Thái Long giơ loa giấy lên. Sau khi nói vắn tắt tình hình chung, đồng chí nêu hai điều kiện: một là hợp tác với cách mạng chống Nhật; hai là giao vũ khí cho Cứu quốc quân, cách mạng bảo toàn tính mạng và tài sản. Tuy quân ta chưa nổ súng nhưng tiếng loa vang lên

⁽¹⁾ Ngày 10 tháng 3, Nhật kéo lên Thái Nguyên. Pháp bỏ chạy. Nhân dịp này, những người bị tù đã vượt ngục.

cũng đủ làm cho bọn trong đồn hoảng loạn. Sau đó, khi đã trấn tĩnh, viên tri châu rụt rè lên tiếng:

- Chúng tôi sẽ giao đồn, nhưng bây giờ đêm tối thế này, hẹn các ông đến sáng.

Biết địch dùng kế hoãn binh, giọng Thái long như đánh lại:

- Không được! Phải giao ngay lập tức. Cách mạng chỉ thu tài sản để quốc còn tính mạng và tài sản các anh, chúng tôi không đụng đến. Sau đó, đồng chí còn tiếp tục thuyết phục, nhưng địch vẫn không chịu mở công. Ban chỉ huy Cứu quốc quân quyết định dùng thang vượt tường và dùng búa đập công. Vào đồn quân ta nhanh chóng chiếm các vị trí xung yếu. Quân giặc hoảng mang đồn về một phía, bản thân tên châu đoàn bộ hung hăng cũng không dám chống cự. Cứu quốc quân thu toàn bộ súng ống, đạn dược. Tù binh được tập trung lại để nghe giải thích tình hình và chính sách của cách mạng.

Tin chiến thắng La hiên làm nức lòng cán bộ, chiến sĩ Cứu quốc quân và nhân dân Võ nhai. Liên lạc tỏa đi các nơi mời quân chúng tập trung về châu ly dự mít tinh. Thời gian gấp, không kịp báo đi những nơi xa, nhưng buổi sáng hàng trăm người đã tập trung về châu ly. Dưới bóng cờ đỏ sao vàng trong ngày giải phóng, nụ cười rạng rỡ như xóa đi nỗi khắc khổ trên những khuôn mặt từng chịu bao lần khủng bố quyết liệt và o ép liên tiếp của kẻ thù từ năm 1941 đến nay.

Cuộc mít tinh trang nghiêm, nhưng hồ hởi, phấn khởi. Mọi người lắng nghe đồng chí đại diện Cứu quốc quân diễn thuyết.

Là nơi sớm có phong trào, lại được Đảng lãnh đạo sát xao. Võ nhai đã bao lần đứng lên, đối mặt với kẻ thù hung bạo. Quê hương đã hiến dâng cho cách mạng những người con ưu tú. Nhiều đồng bào, đồng chí đã ngã xuống trong cuộc đấu tranh. Bao gia đình tan nát. Nhưng chung lại đã hun đúc nên truyền thống bất khuất, kiên cường để đi đến thắng lợi có ý nghĩa lịch sử: đi đầu trong việc xóa bỏ chính quyền địch ở cấp châu.

Trong cuộc mít tinh, Ủy ban dân tộc giải phóng lâm thời châu ra mắt nhân dân, đánh dấu bước phát triển mới của cách mạng. Ngày đó là ngày 21 tháng 3 năm 1945.

Cuộc mít tinh chưa xong thì một tin vui mới đã tới, buổi sáng, quân và dân ta đã chiếm xong đồn bang tá Tràng xá - một đồn binh vào loại mạnh ở Võ Nhai. Thế là cả hệ thống đồn bốt giặc lâu nay khủng bố, kìm kẹp phong trào cách mạng Võ nhai chỉ còn đồn Đình cả trợ trợ, cô lập. Được quần chúng nhiệt liệt hưởng ứng, cuộc mít tinh mừng chính quyền cách mạng ra mắt biến thành cuộc diễu hành thị uy tiến về Đình cả.

So với La hiên và Tràng xá, Đình cả là vị trí kiên cố và được trang bị mạnh hơn nhiều. Ở đây, địch có hai trung đội khố xanh do một tên quân và sáu tên đội chỉ huy. Bọn này được trang bị bốn súng máy, tám mươi súng trường; riêng đạn các loại có đến hai mươi hòm. Trong hoàn cảnh rất thiếu súng ống, đạn dược, nguồn vũ khí ấy thật hấp dẫn. Do đó, Ban chỉ huy Cứu quốc quân quyết định cố gắng qui hàng địch để tước vũ khí.

Nghe gọi hàng, bọn chỉ huy địch kéo xuống phố gặp đại diện Cứu quốc quân. Địch hoang mang, nhưng do dò biết lực lượng của ta nên một mặt chúng cho người về thị xã cầu viện, mặt khác kéo dài cuộc thương thuyết. Lần gặp tại đồn điền Boóc-đi-ê, chúng hứa 11 giờ ngày 25 tháng 3 sẽ giao đồn, nhưng sắp đến hẹn lại cho người xuống mời Ban chỉ huy Cứu quốc quân lên đồn bàn tiếp. Sáng ngày 26 tháng 3, một cuộc hội nghị cán bộ của Cứu quốc quân được triệu tập. Cuộc họp xoay quanh vấn đề có nên cử đại diện lên đồn giặc hay không. Có kiến cho rằng qua mấy lần điều đình, nhận rồi không thực hiện, chúng tỏ địch xảo trá, có gặp nữa thì ra ngoài, không nên đi vào chỗ tường cao hào sâu của chúng. Có ý kiến dựa trên cơ sở phân tích cái thế của cách mạng cho rằng có thể đi. Hội nghị kéo dài, không đi đến quyết nghị thống nhất. Cuối cùng, Thái Long nói:

- Kế này đúng là kế hoãn binh, để chậm nếu Nhật lên thì mất. Ta có thể đánh đồn, nhưng đây là vị trí mạnh, chắc chắn phải trả bằng một giá đắt, lại

không chiếm được nguồn vũ khí mà cách mạng rất cần Cứ để tôi đi, trường hợp tôi chết, các đồng chí trả thù, ta không phải loại tham sinh úy tử.

Trong lúc Ban chỉ huy họp, Nhật Sơn đứng gác ở ngoài. Biết tin Thái Long lên đồn thuyết hàng địch, Nhật Sơn nói:

- Tôi hiểu đời sống trong quân ngũ, anh cho tôi đi theo.

Trước đó, Nhật Sơn là một cơ sở binh vận của ta. Rời hàng ngũ địch, anh xin tham gia Cứu quốc quân. Thấy một chiến sĩ xin theo vào chỗ nguy hiểm, Thái Long rất cảm động. Buổi trưa, sau khi giao lại vũ khí, chiếc đồng hồ và một ít tiền, Thái Long dặn một đồng chí trong Ban chỉ huy đơn vị:

- Ở nhà anh xem xét công việc nhé; bây giờ là 11 giờ, tôi đi, khoảng một giờ chiều tôi về, nếu một giờ chiều chưa về thì sẽ có thư.

Bọn chỉ huy địch một mặt rất lo bị Cứu quốc quân tiêu diệt, mặt khác lại hy vọng quan thầy mới là giặc Nhật sẽ lên cứu nên tìm cách trì hoãn việc giao đồn. Cuộc điều đình kéo dài, nhưng Thái Long không nản. Một giờ chiều, biết đơn vị mong, đồng chí viết mấy chữ đưa cho liên lạc: “công việc chưa xong, hai giờ chiều tôi về”. Ngồi lại thêm một tiếng, Thái Long hy vọng có thể làm cho lũ giặc nhận ra con đường sống để chúng chịu giao vũ khí cho cách mạng. anh nói hăng hái, nhiệt tình, nhưng đến phút cuối cùng, bọn ngoan cố vẫn không chịu nghe theo lẽ phải. Hai giờ chiều, Thái Long đứng dậy ra về. Khi hai người đang bước qua sân thì từ trong đồn, quân giặc hèn nhát nổ súng theo sau, sát hại những người đến thương nghị, Thái Long và Nhật Sơn ngã xuống hi ngày chiến thắng đã đến gần.

Sau khi ám sát Thái Long, quân giặc bắn súng máy xuống phố Đình cả. Vừa bắn, chúng vừa chõ loa xuống: “tướng cộng sản là Nông Văn cún đã bị giết, dân hàng phố hãy chạy lên đồn, nếu không, quân trên đồn sẽ kéo xuống làm cỏ...”.

Bọn hào lý hoảng sợ, vội đem vợ con chạy lên đồn Quân giặc vẫn nổ súng xuống phố.

Trong đơn vị Cứu quốc quân, cái chết của Thái Long gây một niềm xúc động mạnh, nhiều anh em trước khó khăn đến hiểm nghèo vẫn lạc quan cũng

không cảm nổi nước mắt. Bình sinh Thái Long là người từng làm kẻ thù khiếp sợ. Năm 1939, trong lần lên Lạng sơn công tác, đồng chí bị Pháp bắt. Giặc đánh đồng chí rất dã man nhưng không moi được một lời khai. Trước tòa án, bọn chúng muốn Thái Long từ bỏ lý tưởng đang theo đuổi. Đồng chí trả lời dứt khoát:

- Tôi hiểu...và tán thành chủ nghĩa ấy (chủ nghĩa cộng sản). Thực dân Pháp kết án Thái Long vì “tội tuyên truyền cộng sản”. Khi Nhật đánh vào Lạng sơn đồng chí vượt ngục về tham gia lãnh đạo khởi nghĩa Bắc sơn. Năm 1941, Thái Long bị bắt lần thứ hai tại Võ Nhai. Bọn chúng thỏa thuận giao đồng chí về Lạng sơn. Trên đường bị giải từ Võ nhai lên Bắc sơn, đồng chí lừa địch rồi thoát vào rừng tham gia Cứu quốc quân.

Khi lọt vào tay giặc là một người kiên gan chịu đòn thù; khi xong pha trận mạc là một chiến sĩ dũng cảm mưu trí; khi ở cơ quan, đơn vị, Thái Long là một cán bộ luôn lạc quan, yêu đời. Những ngày khó khăn, bị địch vây lùng ráo riết, thiếu thốn mọi thứ, nhưng khi dừng lại trú quân, chỉ một loáng đồng chí đã cắm cây xuống đất, căng dây, làm xong một nhạc cụ đơn giản rồi vừa đàn vừa hát. Thái Long thuộc các làn điệu dân ca Tày - Nùng và hát được nhiều làn điệu dân ca miền xuôi. Cuộc sống luôn vui nhộn và tiếng đàn, tiếng hát của đồng chí thực tế đã cổ vũ người chiến sĩ. Vì thế, Thái Long hy sinh làm cả đơn vị xúc động. Kẻ thù xảo trá là điều ai cũng rõ, nhưng trước mỗi hành động xảo trá của chúng thì tất cả những người có lương tri đều sục sôi căm thù.

Quyết tâm tiêu diệt địch trong đơn vị Cứu quốc quân lên cao. Tuy vậy, đồn Đình cả kiên cố, bọn địch lại cố cùng và có hỏa lực mạnh nên không thể mạo hiểm. Ban chỉ huy đơn vị quyết định bố trí khóa các đường liên lạc từ Võ Nhai với bên ngoài; xiết chặt vòng vây quanh trại giặc và phân công những tay súng giỏi không chế sân đồn, nguồn nước. Bị vây chặt, thiếu nước uống, chỉ huy địch lừa lính ra, nhưng tất cả bọn liều mạng đều phải đền tội. Không chịu nổi tình trạng căng thẳng kéo dài, rạng sáng ngày 10 tháng 4, địch thiêu hủy đồn bốt, rồi mở đường máu tháo chạy. Kéo theo bọn hào lý làm bia đỡ

đạn, quân giặc vừa nổ súng bừa bãi ra xung quanh, vừa cắt đôi xuống giữa cánh đồng rồi tắt sang cầu Rắn. Lên đường cái, địch bò theo hai vệ, vừa bò vừa bắn như đổ đạn vào các lùm cây, ngọn cỏ cạnh đường.

Đề phòng địch rút chạy, Ban chỉ huy cứu quốc quân đã cho các tiểu đội phục kích dọc đường. Tuy vậy, vì không bố trí tiếp cận, súng đạn lại ít nên nhiều lần nổ súng mà hiệu quả thấp. Khoảng 12 giờ trưa quân giặc về tới đèo Khế. Đi cách đình cả đã xa, nhưng khi bọn chúng tưởng có thể thoát được về Thái Nguyên để tiếp tục làm bia đỡ đạn cho quan thầy mới là giặc Nhật thì cũng là lúc chúng rơi vào trận địa phục kích mạnh của ta. Từ bên đường, quân ta nổ súng quyết liệt vào đội hình giặc, nhiều tên gục xuống ngay từ loạt đạn đầu. Cùng lúc, bộ phận truy kích cũng đến nơi. Quân ta xung phong lên mặt đường, dùng lưỡi lê, dao, kiếm diệt địch. Bọn giặc bị bất ngờ nhưng như lũ chó cùng dậu cắn càn, đã chống trả quyết liệt. Súng các loại thi nhau nổ, đạn địch bay loạn xạ. Bất chấp nguy hiểm, quân ta vẫn dũng mãnh sục tới.

Trận đèo Khế, Cứu quốc quân thắng to. Phần lớn số lính khố xanh ở đồn Đình cả phải đền tội. Ta thu hai súng máy, mười chín súng trường và nhiều đạn dược, quân trang.

Với chiến thắng đèo Khế, toàn bộ Võ nhai được giải phóng. Ước mơ của bao cán bộ, chiến sĩ và nhân dân, kể cả những người đã ngã xuống trong cuộc đấu tranh bền bỉ, liên tục từ thời kỳ tám tháng hoạt động du kích nổi tiếng đến những ngày tháng 11 năm 1944 lịch sử đã trở thành hiện thực.

Trong niềm vui chiến thắng, có một người chiến sĩ bỗng nghĩ về cội nguồn thắng lợi: “như một chuyện thần thoại, chỉ thị của Đảng đến, đưa phong trào vượt qua phút hiểm nguy và cũng là làm theo chỉ thị của Đảng, cách mạng đã thành công”.

HÀ PHỤNG ghi

NHỮNG NGÀY SÔI NỔI

NHỊ QUÝ

Tháng 7 năm 1943, anh em tù chính trị chúng tôi có khoảng 80 người, bị đế quốc Pháp chuyển từ nhà tù Sơn la về nhà tù Chợ chu. Trước đó, ở nhà tù này chúng đã thả hoặc chuyển đi nơi khác những đồng bào, đồng chí đã tham gia phong trào du kích Võ nhai và những tù thường khác. Nhà tù đã được xây dựng lại kiên cố hơn để đón tù chính trị chúng tôi.

Lúc này, ở Chợ chu có một tên đồn trưởng thành Pháp chỉ huy đồn lính khổ xanh và kiêm cả nhiệm vụ coi giữ nhà tù. Mỗi buổi đi làm, tên đồn trưởng mở khóa nhà tù, điểm danh, cắt phiên tù đi làm và lính đi coi tù. Cứ bốn người tù khổ sai thì một người lính; nếu nhiều tù thì có cai, đội đi theo.

Ngoài lao động khổ sai, với kinh nghiệm nhiều năm sống ở nhà tù Sơn la, được Đảng giáo dục, bồi dưỡng, anh em chúng tôi cũng tích lũy được ít nhiều kinh nghiệm tổ chức đời sống kinh tế, chính trị trong nhà tù. Ở đây, anh em chúng tôi lại tổ chức nhau lại thành các tổ chăn nuôi, làm vườn, đan lát, làm đồ gỗ và các đồ mỹ nghệ khác, để bán lấy tiền gây quỹ tập thể và chuyển ra cho Đảng góp phần làm kinh phí hoạt động cách mạng.

Trong số tù chính trị chúng tôi có trên 20 đảng viên cộng sản như các đồng chí Tô Quang Đầu, Phạm Ngọc Mậu, Lê Hiến Mai, Tạ Xuân Thu, Nguyễn Cao tức Lý, Trần Tùng, Chu Nhữ, Phạm Ngọc Bổng tức Chì v.v... Bí thư chi bộ đầu tiên là đồng chí Trần Danh Tuyên, sau là đồng chí Song Hào, chi ủy viên gồm có đồng chí Lê Trung Đình, tôi và một số đồng chí khác. Lợi dụng mọi hoàn cảnh, chúng tôi vẫn tổ chức sinh hoạt đều đặn.

Ở đâu cũng vậy, những người cộng sản phải bằng mọi cách để liên hệ với quần chúng, giác ngộ và tổ chức quần chúng đấu tranh cách mạng. Chúng tôi bàn cách gây cơ sở bên ngoài nhà tù để tìm đường liên hệ với Xứ ủy và Trung ương, cho nên mỗi khi đi làm, vào nhà dân nghỉ, xin nước uống, mua bán v.v...anh em chúng tôi, phải bằng mọi cử chỉ, hành động, gây cảm tình với quần chúng, tỏ ra cho quần chúng biết anh em tù là những người đứng

đán, có hiểu biết rộng có phẩm chất cao quý. Qua một thời gian, tôi được biết chị La Thị Tàn là người Tày ở Trảng xá (Võ nhai) bị Pháp bắt hồi “Tám tháng du kích Võ Nhai” đem về giam ở đây. Sau khi được thả, chị lấy chồng là anh Liêu Văn Đặng. Nhà chị ở gần nhà tù chúng tôi. Gia đình chị nghèo túng, đông anh em và thường vào rừng kiếm củi bán. Vốn là những người nghèo, chị đã từng hiểu cách mạng, tham gia cách mạng, bị đi tù, dù biết việc làm nguy hiểm, chị vẫn hăng hái làm liên lạc cho chúng tôi. Sau này, chồng, cô em chồng và cả gia đình chị đều là người tốt, là gia đình cơ sở liên lạc của chúng tôi. Nhờ chị mà chúng tôi liên hệ được với các anh Chu văn Tấn, Lê Dục Tôn và chuyên được báo cáo lên Xứ ủy. Đã có lần anh Nguyễn Văn Trân (Xứ ủy) lên Chợ chu gặp chúng tôi. Từ đó, chúng tôi có khá đầy đủ sách báo để học tập.

Anh em thảo luận rất sôi nổi về các Nghị quyết 7 và Nghị quyết 8 của Trung ương và cả “Chính sách mới” của Đảng tức là chính sách Mặt trận Việt minh.

Xứ ủy chỉ thị cho chúng tôi chuẩn bị cho một số anh em vượt ngục để bổ sung cán bộ phong trào. Do đó, lợi dụng lúc tập trung ở trong tù, chúng tôi tranh thủ học tập cho nhanh những vấn đề cần thiết cho việc chuẩn bị giành chính quyền; học tập công tác tuyên truyền tổ chức quần chúng, xây dựng Đảng; học tập tài liệu về xây dựng lực lượng và tổ chức đánh du kích của Bác Hồ và anh Văn (Võ Nguyên Giáp) soạn thảo; trao đổi về Ba - lê Công xã, Cách mạng Tân hợi Trung quốc, Cách mạng tháng Mười Nga; học tập kinh nghiệm các cuộc khởi nghĩa Đô lương, Nam kỳ, Bắc sơn và đấu tranh du kích ở Võ nhai. Nhờ vậy, mà anh em chúng tôi được trang bị tương đối khá cả về lý luận cách mạng và phương pháp tiến hành cách mạng để giành chính quyền. Vấn đề mà sau này chúng tôi càng thấm thía là: chuẩn bị lực lượng quần chúng, lực lượng vũ trang, nắm thời cơ giành chính quyền. Cho nên khi đã vượt tù rồi, mỗi người hoạt động một nơi, rất khó liên hệ bàn bạc với nhau, có đâu được phương tiện thông tin liên lạc như ngày nay. Ai nấy cứ lấy lý luận đã học được ở các Nghị quyết, các bài học kinh nghiệm để soi vào công

tác của mình vào tình hình cụ thể lúc đó mà củng cố cơ sở, phát triển phong trào một cách mạnh mẽ, vững chắc, không để xảy ra tình trạng manh động; khi thời cơ đến thì nhất loạt nổi lên giành chính quyền ở nhiều nơi, góp phần vào việc xây dựng chiến khu sáu tỉnh: Cao, Bắc, Lạng, Hà, Tuyên, Thái.

Những ngày tháng ở trong tù, ngoài công tác nội bộ như đã nói trên, chúng tôi còn làm công tác binh vận. Bằng những cử chỉ, hành động với những hiểu biết rộng, ý thức tổ chức kỷ luật cao của anh em tù, ít nhiều có cảm hóa được một số lính. Từ đó, từng bước, chúng tôi tuyên truyền cho họ thấy cái nhục mất nước của người Việt Nam, thấy thế thua của bọn phát xít Đức, Ý, Nhật, thế thắng của Đồng minh và cách mạng Việt Nam. Qua một đường dây bí mật, chúng tôi được biết anh Đoàn Như Giá⁽¹⁾, mang số lính 1439 là đảng viên cộng sản cùng với hai quân chúng tốt nữa làm một tổ trong binh lính địch. Anh Giá và chúng tôi chỉ liên hệ với nhau những vấn đề cần thiết như thông báo tình hình. Chúng tôi không cùng sinh hoạt chi bộ. Anh hoạt động có phần hạn chế, còn chúng tôi là tù chính trị cho nên cứ tuyên truyền công khai cho chủ nghĩa cộng sản của mình. Binh lính bị cảm hóa và tin phục chúng tôi, cho nên mỗi buổi đi làm, cứ ra khỏi nhà tù thì lính đi chơi đàng lính, chúng tôi tự quản nhau làm việc, hết giờ thì tập trung về, lính chờ sẵn ở một nhà gần đó, dẫn chúng tôi vào nhà tù. Lợi dụng những thuận lợi ấy, chúng tôi thường gặp gỡ những người dân ở quanh vùng để tuyên truyền cách mạng. Vào dịp Tết dương lịch, Tết nguyên đán, chúng tôi đòi tên đồn trưởng người Pháp cho anh em tù tổ chức vui chơi như: diễn kịch, ca hát....Chúng tôi lợi dụng những dịp này để ngâm thơ cách mạng, nói chuyện thời sự về thế tất thắng của Liên xô và phe Đồng minh của Việt Nam, thế bại của bọn phát xít Đức, Ý, Nhật. Có cả binh lính, cai, đội, giáo viên và quân chúng tới trại xem rất đông. Họ càng hiểu biết hơn về anh em tù chính trị. Nhiều người ở quanh vùng này như các anh Ma Đình Tương, Trần Đình Nghị, Nguyễn Văn Sạch...dạy học ở đây cũng chịu ảnh hưởng cách mạng. Sau này, các anh là

⁽¹⁾ Hiện nay anh Giá là tỉnh ủy viên. Trưởng ban Kiểm tra Đảng của tỉnh Nghĩa lộ.

những người hoạt động tích cực trong việc xây dựng chính quyền ở Định Hóa và Thái Nguyên sau 9-3-1945 và sau Cách mạng tháng Tám 1945.

Khi nhận được chỉ thị của Xứ ủy bố trí cho 12 đồng chí vượt ngục thì chi ủy nhà tù họp để cử đồng chí nào đi ra, đồng chí nào ở lại giữ tổ chức, lãnh đạo anh em trong tù. Chúng tôi báo riêng cho từng đồng chí được quyết định cho vượt ngục biết. Đêm hôm ấy chúng tôi chỉ báo cho một số đồng chí ở lại biết để lãnh đạo anh em chống khủng bố sau khi các đồng chí đã vượt ngục.

Sáng 25 tháng Tám năm Giáp Thân, tức là ngày 11 tháng 10 năm 1944, người tù và kẻ coi tù dẫn nhau đi làm việc như thường ngày. Lính lại đi chơi, tù lại đi làm. Đến trưa, lính chờ mãi cũng không thấy tù trở lại để dẫn vào trại như mọi ngày. Khi ấy chúng tôi đã luôn rùng đi xa rồi. Đến chỗ hẹn ở trong rừng xã Phúc chu, cách nhà tù khoảng 10 cây số, sau khi làm đúng mật hiệu đã quy định, thì thấy anh Lê Dục Tôn và Lục Văn Tư đến gặp chúng tôi và dẫn đi. Đi mãi tới gần nửa đêm thì đến vùng sông Phó đáy (Tuyên quang). Thấy ánh lửa người soi đóm bắt cá dưới sông, chúng tôi dừng lại và cho người đi dò xét. Té ra người soi đóm bắt cá đó là anh Đặng Hồng Hải. Anh chờ chúng tôi đã lâu không thấy đến nên xuống sông soi đóm bắt cá. Anh Hồng Hải đưa chúng tôi vào nhà cơ sở ở Bản Mương ăn cơm. Sau đó đi đêm và gần sáng thì đến vùng Bản Pài thuộc xã Trung minh (Tuyên Quang). Chúng tôi lên lều nương nghỉ, anh Hồng Hải đi lấy dưa ở nương đồng bào Dao cho chúng tôi ăn. Rất nhiều dưa, ăn trừ bữa. Cơ sở ở đây nấu cơm tiếp tế.

Tối hôm đó chúng tôi vào nghỉ ở nhà đồng bào Dao xóm Bản Pài. Ở đây chúng tôi gặp đoàn “Nam tiến”, trong đó có anh Nông Văn Quang. Hai hôm sau rời về vùng Thành cốc định xuôi về Đại từ, nhưng tắc đường. Vì sau khi có tin từ Chợ chu vượt ngục, bọn Pháp đã huy động lính đồng đi chặn các ngã đường. Chúng tôi đi vào rừng, nằm ở dưới các mái đá vùng Khuổi tấu, vào nương lấy ngô của đồng bào ăn và nhờ sự tiếp tế của đồng bào Dao. Mấy hôm sau, có cơ sở dẫn đường, chúng tôi luôn rùng vượt lưới bủa vây của địch, theo cánh rừng rậm rạp của núi Hồng, xuôi về Đại từ.

Vượt qua một chặng đường vất vả, đoàn chúng tôi đến nhà anh Trung Y, Trung Lập, xã Phú xuyên và gặp anh Chu Văn Tấn đang chờ ở đây. Thế là sau một thời gian dài chuẩn bị, chúng tôi đã thoát khỏi tù ngục Chợ Chu.

Chúng tôi họp nhau ở xóm Khuôn nhanh, xã Văn Lãng để nghe các đồng chí báo cáo về tình hình phong trào ở các nơi và ở Đại Từ, rồi phân công nhau đi các địa phương tham gia lãnh đạo phong trào.

Lúc này, khu vực Đại từ nằm trong Phân khu B (tức là Chiến khu Nguyễn Huệ). Anh Song Hào được chỉ định làm bí thư, anh Lê Hiến Mai làm ủy viên phân khu này. Anh Lê Trung Đình phụ trách khu vực phía nam Đại từ, liên hệ với chị Trịnh Thị Tâm thông đường về thị xã, về xuôi. Tôi và anh Nhất quý phụ trách tổng Đội Cán gồm các xã Hoàng nông, La bằng, xóm La phát, xã Khôi kỳ và tổng Văn minh gồm các xã Tiên lên, An lạc. Phía Phú xuyên, Văn lãng do anh Song Hào trực tiếp phụ trách. Sau khi anh Song Hào chuyển sang Tuyên quang để xây dựng và củng cố phong trào, mở các lớp huấn luyện quân sự tạo điều kiện thuận lợi cho việc lập Khu giải phóng sau này thì tôi phụ trách thêm các xã Phú xuyên, Văn lãng và toàn huyện Đại từ.

Đã nhiều năm trong tù, lại được bồi dưỡng chính trị, ra tù, chúng tôi hoạt động rất hăng say. Riêng tôi và đồng chí Nhất Quý, hai anh em công tác với nhau, đi đâu, làm gì cũng có nhau. Anh Nhất quý thông thạo tình hình địa phương, nắm được cơ sở, nhưng không biết chữ, ít được huấn luyện; vì thế hai người chúng tôi cùng công tác với nhau, hỗ trợ nhau, trở thành toàn diện và phát huy tác dụng tốt. Đây là sự phân công, sử dụng cán bộ tốt, hợp lý của các đồng chí Chu Văn Tấn và Song Hào.

Cũng từ đây, những đảng viên chúng tôi mỗi người hoạt động một nơi, tình hình khẩn cấp, ngày đêm lo việc phát triển tổ chức quần chúng, xây dựng lực lượng tự vệ cứu quốc, cho nên không họp được chi bộ, thời gian tìm hiểu và bồi dưỡng, thử thách quần chúng tích cực chưa nhiều, vì vậy cũng chưa phát triển Đảng được. Tất cả mọi hoạt động đều lấy danh nghĩa Việt minh, cán bộ Việt minh lãnh đạo. Đến sau Tổng khởi nghĩa, chúng tôi mới xem xét

hoạt động của anh em trong những ngày sôi nổi ấy để phát triển đảng viên mới, thành lập các chi bộ Đảng, thành lập các huyện ủy lâm thời.

Hoạt động chủ yếu lúc bấy giờ là tuyên truyền giác ngộ cách mạng cho quần chúng, tổ chức quần chúng vào Việt minh. Ở vùng dân tộc thiểu số, khi vào Hội Việt minh - lúc đó còn quen gọi là Hội Việt minh - thì tổ chức cắt máu ăn thề. Đây là một phong tục của đồng bào. Khi đã cắt máu ăn thề, đồng bào tuyệt đối trung thành với lời thề đó. Việt minh phát triển Hội cũng cẩn thận lắm, phải xem xét họ là người tốt, từ trước tới nay là ăn thật thà, không là tay sai cho đế quốc, phong kiến, hăng hái theo cách mạng hoặc là những người thân tín trong họ hàng. Những người đã vào Việt Minh thì đặt bí danh để tránh sự truy lùng của địch. Vào Việt Minh rồi mới tổ chức ra Thanh niên cứu quốc, Phụ nữ cứu quốc, Tự vệ cứu quốc.

Chúng tôi rất quan tâm đến việc tổ chức lực lượng tự vệ cứu quốc. Trang bị của tự vệ lúc này vẫn còn là ai có thứ vũ khí gì thì dùng thứ ấy và chủ yếu mới có súng kíp, dao găm; có người còn dùng cả kiếm của thầy cúng trừ tà. Để có vũ khí, các hội viên Việt minh đã vận động quần chúng cùng thu thập lấy gang, sắt, để rèn dao, súng, mua diêm sinh làm thuốc súng. Anh Trần Thế Môn (hiện nay là Thiếu tướng Quân đội nhân dân Việt Nam) đã chỉ huy công việc rèn đúc súng đó.

Hồi cuối năm 1944 và đầu năm 1945, cơ sở cách mạng của ta đã rải khắp huyện. Chúng tôi còn tổ chức một đội võ trang tuyên truyền có các anh triệu Khánh Phương, Tạ Xuân Thu, Phương Cương điều khiển, đi đến đâu các anh dựng cờ đỏ sao vàng khai hội, treo tranh ảnh, sách báo để tuyên truyền mục đích của Mặt trận Việt minh, khẳng định rằng phát xít Đức, Ý, Nhật sẽ thua, Đồng minh sẽ thắng; Nhất định lật đổ Pháp và cách mạng Việt Nam nhất định thành công. Dù sao phong trào Việt minh lúc này cũng chưa mạnh lắm. Chính quyền địch vẫn tồn tại. Những nơi phong trào khá, ta đã lợi dụng chính quyền đấu tranh để khát thuê, chống phu; cao hơn là không bán thóc, không bán lợn, không đi lính không trồng đay cho Nhật. Quần chúng giúp ta điều tra những

tên mật thám, phản động và giám sát các hoạt động của chúng, tiến hành phân hóa bọn này.

Ngày 9-3, có tin Nhật Pháp bắn nhau, rồi có tin Nhật đã lập Pháp. Đúng như dự đoán của Trung ương Đảng, trong Nghị quyết Trung ương lần thứ 8 có nói chuẩn bị lực lượng để đón thời cơ, võ trang khởi nghĩa, thì lúc này là lúc thời cơ đến. Từ nhà anh Bảo Loan ở Na mao, anh Nhất Quý và tôi đi vội sang nhà anh Lý Thanh để bàn với anh Chu Văn Tấn về việc quyết định võ trang khởi nghĩa, thành lập chiến khu kháng Nhật.

Trước và sau khi bị Nhật lật đổ, quân Pháp đổ dồn về Đại từ. Với danh nghĩa là đồng minh đánh Nhật, đế quốc Mỹ đã cho máy bay thả vũ khí xuống cho Pháp. Nhiều dù đã rơi rải rác xuống rừng núi. Sợ Việt minh đánh, quân Pháp không dám đi lòng tìm các dù vũ khí đó. Chúng tôi vận động quần chúng đi thu nhặt các hòm vũ khí đó đem về mây mò tự lắp lấy vũ khí, vì mỗi bộ phận để rời trong các hòm. Thế là chúng tôi có được súng trường, lựu đạn Mỹ, súng Sit - ten, trung liên FM và có cả máy vô tuyến điện. Chúng tôi lại thu súng của lính đồng ở Sơn dương (Tuyên quang), phục kích tàn quân Pháp đi qua đèo Khế lấy được nhiều vũ khí. Cho nên, ngoài súng trường, nhiều tiểu đội Quân giải phóng đã được trang bị súng trung liên. Súng moóc - chi - ê và súng đại liên, chúng tôi cất giấu, chưa dùng đến.

Ở bên Tuyên quang, anh Song Hào đã tập trung được một đại đội Quân giải phóng. Chúng tôi và các anh Song Hào, Trần Thế Môn, Chu Văn Tấn, Triệu Khánh Phương, Nguyễn Cao (tức Lý), Lê hiến Mai họp ở làng Trâm bên kia đèo Khế, bàn việc thành lập Khu giải phóng và kế hoạch giải phóng các châu, gấp rút chuẩn bị khởi nghĩa, giành chính quyền. Sau đó các anh đi đánh chiếm châu lỵ Sơn dương, vượt đèo Muồng sang giải phóng Chợ chu (Định hóa). Chúng tôi quay về chuẩn bị lực lượng đánh chiếm Đại từ.

Sau khi tiến hành thu súng của lính đồng thì hôm sau, tức là 27-3-1945, tôi chỉ huy một đại đội quân giải phóng và 3 đại đội tự vệ cứu quốc ở các xã, tiến vào bao vây huyện lỵ Đại từ. Anh Chu Văn Tấn chỉ huy một lực lượng lớn đi phía sau yểm hộ. Trước đó chúng tôi cũng đã liên hệ tuyên truyền binh

lính và thông qua anh y tá người Tày ở huyện lỵ để thuyết phục viên tri huyện. Cho nên, khi chúng tôi mới nổ súng pháo hiệu và trung liên ta bắn áp đảo cho quân ta xung phong vào huyện thì binh lính hò reo ủng hộ, nhưng rồi họ lại bỏ súng tháo chạy. Tên tri huyện và bọn nha lại cũng bỏ trốn. Ta cũng không cần bắt họ. Lực lượng tự vệ khuân súng ống đạn dược về căn cứ. Sáng hôm sau, trong cuộc mít tinh có đông đảo quần chúng dự, chúng tôi tuyên bố giải tán chính quyền địch. Anh Chu Văn Tấn đã nói chuyện với đồng bào dự mít tinh, sau đó lại họp với phụ lão ở đình Hùng sơn. Ta tịch thu các kho ở huyện, chuyển một số gạo, muối, diêm về chiến khu để chuẩn bị đánh Nhật sau này. Chúng tôi cử người đến đồn điền Ga-ri mở kho thóc và phá một số kho khác chia thóc cho dân đói. Mấy hôm sau, tại xã Thắng lợi, anh Song Hào về chủ trì họp bàn việc thành lập Ủy ban dân tộc giải phóng huyện Đại từ. Ủy ban này có các anh: Nguyễn Trung Thành là dân tộc Nùng làm chủ tịch, Nguyễn Bảo Loan, dân tộc Tày làm phó chủ tịch; Nguyễn Việt Hưng, dân tộc Kinh và các anh Nam Sơn, dân tộc Sán chí, giáo Khanh, dân tộc Dao làm ủy viên. Đồng thời với việc thành lập Ủy ban Nhân dân lâm thời thì Huyện bộ Việt minh cũng được thành lập. Lúc này, tôi thay mặt Đảng, phụ trách chung cả chính quyền, Mặt trận và kiêm chính trị viên đại đội giải phóng, do anh Nguyễn Cao tức Lý làm đại đội trưởng. Sau này anh Vi là cán bộ Giải phóng quân ở Cao bằng xuống tăng cường làm đại đội trưởng, anh Hồng An làm trung đội trưởng thì anh Cao được chỉ định sang công tác ở Tuyên quang. Từ đó và suốt trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp, anh Nguyễn Cao tức Lý là một trong những người bảo vệ Bác Hồ và được Bác đặt tên là Kháng¹ cho nên anh em quen gọi là Lý tức Kháng.

Nhận xét về phong trào toàn huyện thì phong trào ở phía Nam còn yếu, có cơ sở của bọn phản động, cho nên các anh phụ trách vùng này, với sự giúp đỡ của cấp trên, đã tích cực củng cố phong trào, đấu tranh và diệt bọn phản động. Mặc dầu cả huyện Đại từ lúc này số đảng viên không có bao nhiêu nhưng ta có chính sách đúng đắn, phong trào Việt minh phát triển mạnh và

¹ 8 anh được Bác đặt tên là: Trường, Kỳ, Kháng, chiến, Nhất, Định, Thắng, Lợi.

độc quyền lãnh đạo, quân chúng hết sức tin tưởng; vì từ trước ngày Nhật đảo chính Pháp, ta đã tuyên truyền phân tích cho quân chúng thấy rằng: Nhật nhất định sẽ lật Pháp, nhưng rồi Nhật nhất định thua, Việt minh sẽ thắng. Nay việc đó đã và đang diễn ra, làm cho quân chúng càng thêm tin tưởng. Bọn Quốc dân đảng ở Vĩnh yên, chỉ cách ta có quả núi nhưng không gây ảnh hưởng sang được. Bọn Đại Việt cố len lỏi lên Đại từ để tuyên truyền, đã bị phát hiện và diệt ngay. Thuyết Đại Đông Á của Nhật cũng hoàn toàn thất bại.

Ở vùng An Mỹ, Quân Chu, có các anh Trường Sơn, Bảo Sơn, Dịch Sơn, Thạch Sơn, Tam Sơn...tập hợp lực lượng, mua sắm vũ khí, tổ chức thành đội ngũ, cùng nhân dân xây dựng căn cứ kháng Nhật. Các anh đã tổ chức bắt bọn phản động ở trong Trảng lang, đánh Nhật ở đồn Tam đảo để lấy súng, nhờ vậy mà bọn tù binh Pháp, trong đó có công sứ tỉnh Vĩnh yên cũng thoát trại giam của Nhật. Khi chúng tôi đưa một đơn vị Quân giải phóng xuống đón anh Văn, anh Chu Văn Tấn đi dự Hội nghị Trung ương mở rộng và Hội nghị quân sự miền Bắc Đông dương về Tân trào, đoàn các anh Trường Sơn còn tổ chức mít tinh ở đình Ký phú. Anh Văn đã nói chuyện và kêu gọi đồng bào đoàn kết đánh đuổi phát xít Nhật. Để chuẩn bị cho tổng khởi nghĩa, anh Văn có chỉ thị cho anh Trung Đình giúp đỡ vùng này, liên hệ với chị Tâm, lúc đó phụ trách ở Đồng hỷ, để gây cơ sở, điều tra địch ở thị xã. Anh Lê Văn Mưu tức Mô, sau khi ra khỏi Căng Nghĩa lộ, được trên điều về tăng cường cho vùng này. Anh Vũ Tuân, sau khi ra khỏi nhà tù Hỏa lò (Hà nội) cũng về công tác vùng này cùng với anh Trung Đình và anh Mô.

Ngoài việc tăng cường cán bộ bảo đảm xây dựng đường hành lang về xuôi, huyện Đại từ lại được Trung ương bổ sung: anh Ứng, trước bị giam ở Căng Bá vân; anh Hoài, trước bị Pháp bắt ở Thái Bình, bị đày đi Côn đảo được anh Nguyễn Lương Bằng giới thiệu lên công tác và tôi phân công các đồng chí này phụ trách các xã quanh huyện lỵ Đại từ.

Với sự quan tâm chỉ đạo của Trung ương, Xứ ủy và các đồng chí, phong trào ngày một mạnh, bước vào một cao trào kháng Nhật. Đồng chí Chu Văn Tấn, đồng chí Hoàng Quốc Việt thỉnh thoảng về qua giúp đỡ chúng tôi.

Chúng tôi đã tổ chức đánh Nhật nhiều trận, gây cho chúng nhiều thiệt hại. Ngày 9-4, hai sĩ quan Nhật, có tên viết gian Nguyễn Thiện Giám dẫn đường, đi vào vùng Cát nê, Ký phú để tuyên truyền cho Nhật và thăm dò lực lượng ta, đã bị lực lượng ta do đồng chí Lê Trung Đình chỉ huy, các đồng chí Bảo Sơn, Tam Sơn tước súng, tiêu diệt bọn này. Trận Vai cày do anh Nguyễn Cao chỉ huy, đã bắn chết tên quan hai Nhật. Trận Hoàng nông, địch xung phong vào trận địa ta đánh giáp lá cà, ta có địa hình tốt, lại có mấy tiểu liên quạt mạnh nên chúng phải rút lui. Vào tháng 6-1945, bọn Nhật định vượt Núi Hồng sang Tân trào, ta đã chặn đánh chúng ở Phú cường. Hồi ấy súng đạn ta tương đối khá, có địa hình tốt, đánh suốt ngày, địch bị thương vong và phải lợi dụng đêm tối, trời mưa, rút chạy. Ta phá tan kế hoạch tấn công vào Tân trào của quân Nhật.

Bọn địch chỉ co cụm đóng quân ở châu lỵ Đại Từ; cả vùng nông thôn rộng lớn, suốt từ Bắc xuống Nam của huyện này được giải phóng. Đường liên lạc từ Sơn dương qua Đại từ, về Đồng hỷ, Phú bình về xuôi được thông suốt. Trước đây, chúng tôi đã góp phần bảo vệ cho những đoàn cán bộ qua đây đi học trường Quân chính ở Tân trào những ngày đầu tháng tám năm 1945, lại được bảo vệ và đưa đường các đồng chí Hoàng Quốc Việt, Lê Thanh Nghị, Trần Quốc Hoàn và nhiều đồng chí, nhiều đại biểu đi dự Đại hội Quốc dân ở Tân Trào được an toàn. Như vậy, chúng tôi đã làm đúng chủ trương của Trung ương là: bảo vệ căn cứ địa ở Tân trào, giữ vững liên lạc với miền xuôi, bảo vệ an toàn cho các đại biểu đi họp ở Tân trào.

Sau khi Nhật đầu hàng Đồng minh, chúng tôi nhận được lệnh chuẩn bị cho đại quân tiến về giành chính quyền ở thị xã Thái Nguyên, mở đầu cho Tổng khởi nghĩa.

Ngày 12-8-1945, chúng tôi được đón tiếp đồng chí Văn (Võ Nguyên Giáp) về trực tiếp lãnh đạo khởi nghĩa các anh Địch Sơn, Bảo Sơn đã đi trình sát đồn Đại từ, chúng tôi ở Yên lãng kéo quân về Bản Ngoại, định đánh chiếm Đại từ. Sau khi nghiên cứu tình hình địch, đồng chí Văn đã chỉ thị là không đánh đồn Đại từ mà chỉ bao vây không cho địch chạy thoát; viết thư kêu gọi

bọn lính bảo an và tri phủ Đại từ ra hàng. Lực lượng Quân giải phóng tiến thẳng về thị xã Thái Nguyên. Đồng chí Văn, Trung Đình và một số đồng chí khác lãnh đạo đoàn quân đi trước, tôi đưa lực lượng súng lớn đi sau, qua đường Quân chu, Tân cương ra Kép le, tiến vào vị trí bao vây quân Nhật ở thị xã.

Trong khi còn nổ súng bao vây quân Nhật ở các vị trí của chúng thì Ủy ban nhân dân Cách mạng lâm thời tỉnh Thái Nguyên được thành lập. Ủy ban này do đồng chí Lê Trung Đình làm chủ tịch, ủy viên có các đồng chí Chu Quốc Hưng, Ma Đình tương, Nguyễn Văn Sạch; tôi làm ủy viên thư ký. Tại cuộc mít tinh lớn của nhân dân thị xã và vùng lân cận, đại biểu Việt minh tuyên bố xóa bỏ chính quyền Nhật, Pháp và công bố danh sách các thành viên của Ủy ban Nhân dân lâm thời tỉnh Thái Nguyên. Quân Nhật đương bị giải phóng tiến về Hà nội. Lực lượng quân đội ở lại đặt dưới sự chỉ huy của đồng chí Phương Cương và Triệu Khánh Phương. Anh Trung Đình và tôi, đại diện cho chính quyền cách mạng vào tòa Công sứ Pháp trước đây, gặp bọn sĩ quan Nhật, tiếp nhận sự đầu hàng của chúng. Sau đó anh Sạch và tôi đi Đại từ, Giang tiên, Đuôm, Kè Đá Gân tiếp nhận sự đầu hàng của các đồn này và cho chúng rút quân tập trung về thị xã; đồng thời Ủy ban chúng tôi tiến hành giải quyết nhiều công tác cấp bách khác trong những ngày đầu mới giành được chính quyền.

Ít ngày sau, trên đường Tân trào về Hà Nội, đồng chí Trần Đăng Ninh đã đưa Bác Hồ từ căn cứ xã Hợp thành (Phú lương) về nghỉ ở thị xã Thái Nguyên. Anh Trung Đình, Anh Hoàng Thế Thiện và tôi đã được vinh dự gặp và nhận chỉ thị của Bác ở ngay thị xã vừa mới được giải phóng.

Để tập trung sự lãnh đạo của Đảng và chuẩn bị thành lập Tỉnh ủy Thái Nguyên mà trước đó Xứ ủy đã chỉ định đồng chí Hoàng Bá Sơn phụ trách công việc Tỉnh ủy, đến tháng 10 năm 1945, đồng chí Trần Quốc Hoàn thay mặt Ban Thường vụ Xứ ủy Bắc kỳ ký Nghị quyết thành lập Tỉnh ủy lâm thời tỉnh Thái nguyên và chỉ định tôi làm bí thư, các đồng chí Lê Trung Đình,

Hoàng Thế Thiện, Đào An Thái là ủy viên thường vụ, các chị Thái Bảo, Tâm, Ngọc là tỉnh ủy viên v.v...

Từ đây, dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy, hệ thống Đảng, hệ thống Mặt trận Việt minh và các đoàn thể quần chúng, hệ thống chính quyền được củng cố từng bước. Phong trào các mặt của Thái Nguyên phát triển vững vàng, đáp ứng yêu cầu chuẩn bị kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược và chuẩn bị xây dựng căn cứ kháng chiến đầu não của Trung ương.

**HÀ VĂN VIỄN và
NGUYỄN THANH ghi**

NHỮNG NGÀY ĐẦU GIỮ CHÍNH QUYỀN

Ghi theo lời kể của một số đồng chí trong Ủy ban nhân dân lâm thời tỉnh Thái nguyên cũ

Sau khi Nhật đầu hàng ủy ban nhân dân lâm thời chúng tôi vào tiếp quản các kho tàng công sở ở thị xã và cử đại diện đi cùng với sĩ quan Nhật để đảm bảo an toàn cho chúng rút quân ở các nơi về thị xã.

Ta thu một kho súng có hơn 400 khẩu, hầu hết là xuống của Pháp, mảy hòm đạn và một kho quần áo lính Nhật. Kho bạc chỉ còn hơn một vạn rưỡi mà phần nhiều là tiền giấy rách; tiền “xanh căng”, tiền kẽm. Ta vẫn chưa tước súng đạn của Nhật. Các đồng chí Chu Quốc Hưng, Khánh Phương cho chuyển súng đạn, quần áo lên vùng Võ Nhai để trang bị cho quân ta.

Ngày 26 tháng 8 năm 1945 phái viên của bộ tư lệnh quân đội Nhật và đại diện của ta từ Hà Nội lên, cho phép bọn Nhật rút quân. Bọn Nhật xin ta cho lương thực và phương tiện để chúng rút quân. Ủy ban nhân dân lâm thời mới thành lập, trong tay không tiền; không có lương thực và cả phương tiện vận tải cũng không có. Vì vậy, Ủy ban đã phải ký giấy tạm vay thóc gạo của các nhà buôn ở thị xã, huy động thuyền của dân để chở quân Nhật xuôi theo sông Máng đi lối Phú Bình sang Bắc Giang về Hà Nội.

Trong khi quân Nhật đang rút, thì nhận được chỉ thị của trên báo cho biết: quân Tưởng Giới Thạch sắp đi qua Thái Nguyên để về Hà Nội giải pháp quân đội Nhật theo lệnh của Đồng minh phải chuẩn bị chu đáo đề phòng bọn quân Tưởng và tay sai của chúng chống phá chính quyền cách mạng. Chúng tôi gấp rút tổ chức và củng cố các tổ chức quần chúng và lực lượng vũ trang, tổ chức trị an thị xã, sơ tán một số cơ quan ra ngoài thị xã. Lúc này ở thị xã còn xuất hiện một số thanh niên Nhật, con cái địa chủ tư sản do một tên thừa phái ở dinh tỉnh trưởng cũ cầm đầu, chúng công khai viết khẩu hiệu nói xấu chính quyền ta, dò xét lực lượng quân sự của ta. Chính quyền cách mạng đã bắt tên đầu sỏ trừng trị nghiêm khắc, những tên khác ta gọi đến cảnh cáo và tha cho về.

Quân Nhật rút được 3, 4 ngày thì quân Tưởng kéo vào Thái Nguyên. Đầu tiên là Sư đoàn Trương Công Vũ từ Hà Giang xuống Tuyên Quang, qua Đại Từ kéo vào thị xã. Bọn Tưởng đi từng đoàn trung đoàn, nghỉ lại Thái Nguyên khoảng 1 tuần rồi đi Hà Nội. Đơn vị này đi thì đơn vị khác đến, cứ như vậy kéo dài hơn một tháng mới hết quân Tưởng.

Khi bộ chỉ huy sư đoàn cùng đơn vị đầu tiên của quân Tưởng vào đến thị xã, thì anh nguyên Văn Sạch lúc bấy giờ là ủy viên ủy ban, đại diện cho chính quyền cùng một số quân chúng ra đón có tính chất ngoại giao. Lúc này đại bộ phận chính quyền, đoàn thể ta đã rút ra ngoài thị xã để tránh va chạm, làm thất bại âm mưu của quân Tưởng định bao vây, giải tán chính quyền ta, Ủy ban nhân dân lâm thời chỉ cử một ủy viên ở lại trụ sở để giao dịch hàng ngày với quân Tưởng.

Như trên đã nói, chính quyền ta mới thành lập với hai bàn tay trắng, tiền bạc, lương thực chưa có, thuế chưa thu, vậy mà quân Tưởng luôn luôn yêu sách ta hết gạo lại thịt. Thế lực và sức mạnh của chính quyền ta lúc đó là lòng dân, quân chúng tin tưởng và ủng hộ chính quyền vượt qua mọi khó khăn. Ta ra lệnh tịch thu số thóc còn lại ở các đồn điền thực dân Pháp ở Gia Sàng, Kép le, Cầu mây, tịch thu hơn 80 con trâu bò còn đồn điền Kép le, hàng ngày huy động hàng 100 người đi vận chuyển lương thực, thực phẩm và xay giã gạo cung cấp cho quân Tưởng.

Một hôm, bọn chỉ huy quân Tưởng đến đề nghị anh Vũ Ngọc Huệ đại diện của chính quyền ta cho chúng 30 chiếc thuyền để chúng vận chuyển lương thực theo sông Máng đi Bắc giang và một ô tô cho bộ chỉ huy của chúng. Chiều hôm ấy ta không huy động được đủ các phương tiện đó, chúng kéo đến hành hung và bắt giữ anh Huệ.

Trước thái độ láo xược của quân Tưởng, ta lập tức tổ chức biểu tình, quần chúng kéo đến nhà Ké Yên là chỉ huy sở của chúng để phản đối, đại biểu ta can thiệp, bắt chúng phải thả anh Huệ. Sau vụ này, để đề phòng mọi bất chắc có thể xảy ra, Ủy ban nhân dân lâm thời chủ trương cho người già, trẻ

em và phụ nữ ra khỏi thị xã, chỉ để lại lực lượng thanh niên, tự vệ khỏe mạnh sẵn sàng đối phó với chúng.

Trong quan hệ mua bán hàng hóa, bọn Tưởng giờ thủ đoạn bắt ép ta tiêu tiền quan kim của chính phủ Tưởng Giới Thạch, lấy lý do là tiền của một nước Đồng minh thắng trận. Chính quyền ta cương quyết bác bỏ. Chúng trắng trợn chiếm các quán chợ, nhà dân và định chiếm cả trụ sở của Ban tiếp tế để đóng quân, chúng mua hàng của dân không trả tiền hoặc trả tiền quan kim, mượn đồ dùng của dân như nồi chảo không trả, ra đường phố thì trêu ghẹo phụ nữ, giữa bọn chúng cũng thường ẩu đả lẫn nhau, thậm chí dùng lưỡi lê đâm nhau bị thương. Trên dọc đường hành quân, chúng ngang nhiên cắt lúa cho ngựa ăn v.v...ngoài việc rắc rối do quân Tưởng trực tiếp gây ra, bọn chúng còn liên hệ, sui giục tổ chức “Nam dương hoa kiều liên hiệp hội” và bọn thân Nhật treo cờ Tưởng Giới Thạch, hoạt động âm ỷ và chống lại chính quyền ta, gây chia rẽ giữa người Việt nam và người Hoa, thậm chí chúng đòi hỏi thành lập một hệ thống chính quyền song song với chính quyền ta. Nhiều người và nhất là thanh niên thấy không thể chịu đựng được những hành động ngang ngược đã đến xin chính quyền ta cho diệt quân Tưởng. Chính quyền ta đã giải thích và yêu cầu đồng bào cố gắng hạn chế những việc rắc rối. nếu đánh lại chúng tức là mắc mưu, chúng sẽ có cơ để gây khó khăn không có lợi cho ta trong lúc này. Tuy vậy cũng đã có một số đồng bào ta đánh lại những tên mà đồng bào gọi là “Tàu phù” có hành động ngang ngược, thái độ hống hách đối với đồng bào ta. Do những chuyện rắc rối xảy ra như trên, chính quyền ta lập tức vận động nhân dân và các cửa hiệu không cho chúng mượn đồ đạc; cất giấu các mặt hàng, của cải quý; bán hàng không lấy tiền quan kim v.v...khiến cho bọn Tưởng bị cô lập. Mặt khác, chính quyền ta can thiệp buộc bộ chỉ huy sư đoàn phải hạ lệnh cho quân lính chấm dứt những tình trạng không hay đã xảy ra hàng ngày đó. Trước thái độ cứng rắn của ta, quân Tưởng đi đến đâu phải ra lệnh giới nghiêm, tập trung quân ở những nơi nhất định do ta cho phép, canh phòng cẩn mật, ra lệnh bắn chết 2 tên lính đi chơi quá giờ và cắt lúa của dân cho ngựa ăn.

Nhờ có chủ trương đúng đắn, các biện pháp giải quyết linh hoạt của Ủy ban, có lực lượng quần chúng sẵn sàng ủng hộ và bảo vệ chính quyền cách mạng, cho nên chúng ta đã đối phó kịp thời, tránh né được những âm mưu thâm độc của bọn Tàu tướng mang danh nghĩa là một nước bạn đồng minh thắng Nhật.

Cuối tháng 10 -1945, quân Tướng rút hết về Hà nội, tính ra đã tiếp tế cho họ 49 tấn gạo, 31 tấn củi đun, hơn 100 con bò và hàng chục tấn thịt lợn và thực phẩm khác.

Quân Tướng rút đi thì hoạt động chống phá Nam dương Hoa Kiều liên hiệp hội và bọn phản động khác cũng co vòi lại, nằm im, chờ thời. Đó là số kiếp của bọn làm tay sai.

Song song với việc tiếp tế hàng ngày cho bọn Tàu Tướng và khôn khéo trong việc giao dịch, giải quyết những rắc rối do chúng gây ra, chống lại những hoạt động chống phá chính quyền ta của bọn phản động, Ủy ban chúng tôi đã giải quyết một cách khẩn cấp nạn đói còn đang hoành hành nhất là ở thị xã. Vì mất mùa và tệ thu thóc tạ của Nhật, nên đồng bào nghèo ở miền xuôi như các tỉnh Thái Bình, Nam Định kéo lên Thái Nguyên rất đông, xin ăn trên khắp các dọc đường nằm la liệt ở vỉa hè, quán chợ. Nhiều người đói kiệt sức, nhất là các cụ già và trẻ em. Ủy ban đã lấy một phần số thóc tịch thu ở các đồn điền Pháp và theo chủ trương của Hồ Chủ tịch, hô hào đồng bào, cán bộ, bộ đội mỗi tuần nhịn ăn một bữa để dùng gạo cứu đói. Số thóc gạo đó giao cho Ban cứu tế. Hàng ngày Ban cứu tế cử người nấu cháo cho hàng trăm đồng bào ăn cầm hơi và cấp một số gạo để họ ăn đường, đi vào nông thôn tìm việc làm. Dân đói mới đến cũng tiếp tục được ăn cháo cứu tế và phát gạo như vậy. Nhiều người hiện nay còn sống, đã có công ăn việc làm, gia đình khá giả. Họ vẫn nhắc đến công ơn cách mạng đã cứu sống họ.

Cũng vào tháng 9 năm 1945, theo chủ trương của trên, ủy ban đã tổ chức một đợt nhân dân ủng hộ vàng, bạc, gọi là “ tuần lễ vàng” để Nhà nước tăng thêm vốn hoạt động kiến thiết quốc gia, xây dựng quân đội, bảo vệ chính quyền cách mạng. Lúc này những tiếng “ ủng hộ cách mạng”, “ bảo vệ chính

quyền cách mạng” là tiếng gọi thiêng liêng, có một sức mạnh rất lớn đối với mỗi người dân và cũng là niềm tự hào của đồng bào ta được làm nhiệm vụ đó. Ta tổ chức các trạm quyền góp ở nơi tập trung, các phiên chợ. Bà con ủng hộ rất sôi nổi. Có người tháo cả nhẫn cưới, hoa tai vàng, bạc để giúp nước. Bà Nhung, một người buôn bán ở thị xã, đã ủng hộ một lạng tám lai vàng. Sau “tuần lễ vàng”, thái nguyên là một trong những tỉnh có thành tích lạc quyền được nhiều vàng nhất. Sau đó, ta còn tổ chức các đợt lạc quyền tiền, gạo...nhờ vậy mà từng bước, tỉnh ta vượt qua những khó khăn về kinh tế trong những ngày đầu của chính quyền cách mạng.

Nhưng, vấn đề cơ bản làm cho nước mạnh, dân giàu là việc tổ chức phát triển kinh tế, nâng cao trình độ văn hóa cho nhân dân, tổ chức công cuộc phòng vệ đất nước. Do đó, tuân theo lời Hồ Chủ tịch hô hào: chống giặc đói, chống giặc dốt, chống giặc ngoại xâm, Ủy ban chúng tôi đã chấp hành nghiêm chỉnh. Nhất là sau khi chấn chỉnh tổ chức: Tỉnh ủy lâm thời được thành lập (tháng 10-1945), do đồng chí Nhị Quý làm bí thư; trong Ủy ban cũng có sự thay đổi. Tỉnh ủy, Ủy ban đề ra nhiều biện pháp như: phát động phong trào tăng gia sản xuất, phát động phong trào học và dạy bình dân học vụ, tổ chức và củng cố bộ máy quân sự từ cấp tỉnh đến huyện, xã, luyện tập dân quân du kích, bổ sung quân đội thường trực, tổ chức việc thu thuế môn bài v.v... Riêng việc bảo vệ trị an, bổ sung và luyện tập bộ đội thường trực lúc đó do các anh Phương Cương, Triệu Khánh Phương chỉ huy, đã được thực hiện khẩn cấp, vì lúc đó ta mới giành được chính quyền, tình hình còn nhiều phức tạp (nước ta lúc đó có quân Nhật đầu hàng, có hàng chục vạn quân Tưởng, Anh, Ấn với danh nghĩa Đồng minh vào giải pháp quân Nhật, lại còn có hàng vạn quân Pháp và các lực lượng phản động khác). Ở Nam bộ, quân Pháp đã gây hấn xâm lược nước ta một lần nữa. Nhờ bổ sung và luyện tập bộ đội được nhanh chóng, cho nên mấy tháng sau, chúng ta đã kịp thời gửi những đơn vị bộ đội, con em các dân tộc Thái Nguyên, theo đoàn quân “Nam tiến” vào Nam bộ cùng đồng bào chống thực dân Pháp xâm lược.

Sang đầu năm 1946, lần đầu tiên trong lịch sử, nhân dân các dân tộc nô nức tham gia tổng tuyển cử, bầu Quốc hội nước Việt Nam dân chủ cộng hòa khóa 1, bầu Hội đồng nhân dân tỉnh khóa 1. Chính quyền ta từng bước, từng bước được củng cố để giữ vững thành quả cách mạng.

Nhìn lại những khó khăn tưởng chừng không thể vượt qua được trong những ngày đầu của chính quyền cách mạng, chúng ta càng thấy đường lối sáng suốt, các biện pháp khéo léo chèo chống của Đảng ta, Nhà nước ta, do Hồ Chủ tịch đứng đầu; càng thấy rõ sức mạnh vô cùng to lớn của nhân dân đối với Nhà nước Việt nam dân chủ cộng hòa - niềm tự hào của nhân dân các dân tộc.

N.C.T ghi

CĂNG BÁ VÂN

*(Ghi theo lời kể của một số đồng chí
đảng viên cộng sản, bị Pháp bắt
« an trí ở Bá vân những năm 1943, 1944)*

Từ khi nổ ra cuộc ra cuộc chiến tranh thế giới thứ hai, bọn phản động Pháp thi hành các chính sách phát xít của chúng, trong đó có việc giải tán các Đảng cộng sản ở chính quốc và thuộc địa.

Ở Đông dương, bọn phản động Pháp đã hủy bỏ mọi quyền tự do dân chủ mà nhân dân ta đã gian khổ giành được trong thời kỳ Mặt trận Nhân dân Pháp lên cầm quyền (1936-1939). Chúng còn lợi dụng chiến tranh để bắt phu, xung công lương thực, chiếm đoạt công điền, sa thải thợ thuyền, tăng giờ làm, tăng sưu thuế, bắt nhân dân ta đi lính làm bia đỡ đạn, bắt lại tất cả những người hoạt động chính trị đã mãn hạn tù hoặc trước đây đã được ân xá; thậm chí chúng còn bắt giữ cả những người mới chỉ là tình nghi dính líu hoạt động cộng sản.

Năm 1941, phản động Pháp đã cho tập trung trên dưới 200 người mà chúng cho là nguy hiểm, ở nhiều tỉnh, vào xã Bá vân (nay gọi là Bá xuyên) thuộc huyện Đồng Hỷ, lập thành trại tập trung, gọi là “Căng” Bá vân.

Bá vân hồi đó là nơi hẻo lánh, xa đường cái và có tiếng là “nước độc”. Nhân dân ở đây, hầu hết là đồng bào miền xuôi, vì bị địa chủ bóc lột thậm tệ, không thể sống được, phải bỏ làng xóm quê hương, đến đây vỡ rậm, phá hoang, làm ăn sinh sống.

Vừa tới “Căng” những người cộng sản đã đấu tranh với bọn giám thị để anh em tổ chức “Căng” như một xã hội nhỏ: tự cai quản và tự cải thiện đời sống tù đày. Trong Căng tổ chức thành nhiều ngành nghề như rèn sắt, làm đồ gỗ, đan lát, làm vườn; sau này còn tổ chức buôn vải, nấu rượu bán cho gác ngục...nhằm mục đích kiếm tiền gửi cho Xứ ủy, góp phần làm kinh phí cho Đảng hoạt động. Anh em đặt ra các ban như: Ban trật tự chăm lo việc ăn, ở, phân công những ai đi chợ, đi lấy củi...Ban y tế chăm nom săn sóc người ốm

đau. Ban Văn nghệ lo tổ chức các tối vui như ngâm thơ, diễn kịch, Ban hòa thực chuyên việc cơm nước cho anh em.

Việc làm của tù chính trị rất hợp lý, hợp pháp, khiến bọn Pháp không có lý do gì để từ chối. Tù chính trị sống có tổ chức cũng khiến bọn chúa ngục đỡ phải “săn sóc” đến anh em. Mỗi khi giám thị cần người đi chợ, đi lấy củi, làm các việc vặt quanh Căng, chúng chỉ việc gặp đại diện của tù chính trị mà anh em gọi là Ban “ngoại giao” là chúng sẽ được như ý. Nếu những đòi hỏi của bọn thống trị quá cao, sẽ bị đại diện tù bác đi và tất cả anh em khác không thi hành. Nếu bọn Pháp dùng bạo lực bắt ép, chúng sẽ bị phản đối bằng đình công, lãn công, thậm chí đến tuyệt thực.

Không phải tất cả những ai an trí ở Căng Bá vân đều là đảng viên và sinh hoạt ở chi bộ của Căng. Có người trước khi bị bắt, dù là đảng viên, nhưng khi vào đây đều phải trải qua thử thách lúc sống chung hay lúc đấu tranh với bọn cai ngục thì rồi chi bộ mới cho sinh hoạt Đảng. Rất có thể, có người khi bị đưa đi an trí, đã giao động, mất tinh thần; cũng có người là do kẻ địch cài vào để theo dõi các hoạt động cộng sản. Vì vậy, chi bộ ở đây đã hết sức cảnh giác, đề phòng địch phá hoại tổ chức cộng sản trong nhà tù.

Từ năm 1942, khi đã ổn định được nơi ăn, ở, các chiến sĩ cộng sản ở Căng họp bàn việc mở rộng phong trào cách mạng ra các vùng lân cận. Phải làm cho nhân dân hiểu và tin tưởng ở cách mạng; mặt khác, phải tìm cách liên hệ cho bằng được với Xứ ủy để hiểu được tình hình chung và thi hành nghiêm chỉnh các chủ trương của Đảng.

Qua nhiều lần đấu tranh, tù cộng sản đã buộc được bọn chúa ngục nhượng bộ, để cha, mẹ, vợ con tù chính trị đến thăm hỏi và đem quà bánh cho anh em. Tù chính trị đã dựng riêng một căn nhà ở vườn rau. Lấy có là để coi vườn, nhưng cũng là để làm nơi lui tới của gia đình đến thăm và cũng là nơi để các đảng viên cộng sản lấy chỗ học tập hay họp bàn chính trị quân sự... Đồng chí Nguyễn Đình Lim đã nhờ vợ khi đến thăm, tìm gặp em trai là đồng chí Nguyễn Trọng tinh đương hoạt động Việt minh ở Hiệp hòa (Bắc giang cũ), rồi qua đó, chi bộ trong Căng bắt được liên lạc với Xứ ủy. Từ đó

các tin tức và chủ trương của Đảng đã lọt được vào Căng. Những dịp đi chợ, đi lấy củi, các chiến sĩ cách mạng còn tuyên truyền đường lối Việt minh cho các gia đình xung quanh Căng. Đồng chí Nguyễn Đình Lim phụ trách tuyên truyền gây cơ sở vùng Bá xuyên, Mỏ chè, Cải đan, các đồng chí Trần Kiên, Trịnh Tam Tinh, Hà Kế Tấn thay nhau gây cơ sở các vùng Bình định, Tân cương, Ô gà, ra đến Phúc triu, Thịnh đán v.v....

Người dân quanh Bá vân, từ chỗ nghe lời tuyên truyền của Pháp, cho cộng sản là ăn cướp, giết người, rất là hung ác, nhưng qua những lần tiếp xúc, đều thấy rằng cộng sản không có gì đáng sợ; đảng viên cộng sản cũng là những người dân quê như họ, có gia đình và rất yêu gia đình, có vợ con và hằng hái đi vận động nhân dân chống Pháp xâm lược và bọn tay sai bán nước, làm cho mọi người có đủ cơm ăn, áo mặc, không ai bị áp bức, bóc lột. Từ đấy đồng bào gọi các chiến sĩ trong Căng bằng một tên rất thân mật: “các bác nhà quê”. Các bác “nhà quê” lại rất được cảm tình với thanh niên thôn, xóm. Hàng ngày thanh niên tìm đủ mọi cách gặp các chiến sĩ cộng sản để hỏi han đủ điều cần thiết, và lần nào ra về, họ cũng rất được mãn nguyện vì sự hiểu biết rộng và sự chỉ dẫn tận tình của các bác “nhà quê”. Thích hơn nữa, là bước đầu, thanh niên còn được các chiến sĩ cộng sản dạy cho vài miếng võ để giữ mình; dần dần họ đòi hỏi được học tập về quân sự. Ngay như ở Căng, các đồng chí cộng sản cũng phải khá gian khổ để thi hành chủ trương của Đảng là luyện tập quân sự để khi thời cơ đến, đấu tranh võ trang với kẻ địch. Sau nhiều ngày, tháng tuyên truyền, các đồng chí giác ngộ được một số binh lính Việt nam canh gác trại giam. Khi vào rừng lấy củi, lính đã cho anh em mượn súng để nghiên cứu từng bộ phận súng đạn, cách tháo lắp, ngắm bắn, cách bóp cò. Nhà coi vườn rau được coi là nơi nghiên cứu học tập các chỉ thị, nghị quyết của Đảng về tổ chức xây dựng lực lượng võ trang và chiến tranh du kích v.v...Có lần, bọn chó săn của địch đã mò đến căn nhà hẻo lánh ở cuối vườn này. Chúng chỉ thấy có mấy bàn cờ tướng, quanh đó có vài anh cười như nắc nẻ, có nhóm cãi vã nhau về nước cờ đi trước, đi sau. Thấy mọi người như

không ai thèm chú ý, tên chó săn đành lủi thủi rút đi. Lập tức bàn cờ lại được dọn đi và các đồng chí lại tiếp tục trao đổi, thảo luận.

Năm 1942 và 1943, phong trào một số nơi bị địch phá nhưng ở các xã quanh Bá vân vẫn phát triển tốt, đường liên lạc giữa Căng với Xứ ủy vẫn giữ được. Báo “Sông Công” của Căng ra đều kỳ, phản ánh sinh hoạt nội bộ và cũng có những bài bàn chuyện thế giới, trong nước. Hiện nay, nhiều người còn thuộc lòng mấy câu thơ mừng báo Sông Công ra đời:

Báo về uống nước bên Sông Công,

Tiếng báo gầm vang dậy núi sông,

Kêu gọi nhân dân đoàn kết lại,

Cùng nhau tranh đấu, diệt thù chung.

Những năm địch khủng bố vùng Bắc sơn (Lạng sơn) và Võ nhai, đồng chí Chu Văn Tấn đã lãnh đạo Cứu quốc quân tạm lánh sang biên giới (từ tháng 3- 1942 đến giữa năm 1943), nay có một bộ phận Cứu quốc quân về hoạt động ở Định hóa, Đại từ, Sơn dương, Chợ đồn...chưa liên lạc được với Xứ ủy. Đồng chí Chu Văn Tấn đã viết thư cho đồng chí Vũ Hưng, Trần Huy Liệu ở Căng Bá vân đề nhờ bắt liên lạc với Xứ ủy. Do có đường dây ở Căng, bộ phận Cứu quốc quân ở Định hóa đã liên hệ được với Xứ ủy. Từ đó, phong trào Thái Nguyên, Bắc cạn được sự chỉ đạo chặt chẽ của Xứ ủy, đã phục hồi và phát triển nhanh chóng.

Thi hành chủ trương chung của Xứ về tổ chức ba ngày hội lớn vào dịp lễ Thiên chúa giáng sinh tức lễ Nô -en năm 1943 để tuyên truyền cách mạng. Anh em ở Căng đã ra công luyện tập các tiết mục chuẩn bị cho ngày hội và đấu tranh với bọn chúa ngục để được tổ chức hội, được biểu diễn các tiết mục vui. Hôm đó, anh em binh lính, nhân dân đến xem rất đông. Có cả chúa ngục, một số người trong bộ máy đàn áp của Pháp như chánh tổng, lý trưởng cũng đến xem. Họ đến với mục đích dò xét hoạt động của cộng sản, nhưng dần dần cũng chính họ bị thuyết phục, và sau này, một số người đã giúp việc tốt cho Đảng ta. Mọi người trầm trồ khen ngợi khi được xem một số mặt hàng do tự tay anh em trong Căng làm ra như: những bộ quần cò đẹo gọt tinh vi; bàn ghế

mộc với đường bào nhẵn bóng, mộng khít như gỗ liền; lại có các loại rổ, rá bằng tre đủ cỡ, đan rất khéo; những con dao bài xinh xinh là thứ được các bà, các chị ưa thích nhất. Có bà con nhờ anh em ở Căng vẽ chân dung mình, hết như ảnh chụp ... Các buổi diễn đã thu hút sự chú ý của tất cả mọi người: có đấu võ, làm trò ảo thuật và nhất là các tiết mục kịch, tuồng, chèo được bà con hoan nghênh nhiệt liệt. Vở chèo “Tây sơn khởi nghĩa” có nội dung lành mạnh, nêu cao lòng yêu nước của nhân dân ta, gắn liền với đấu tranh cách mạng.

Gần một trăm người, cả dân, lính, chức dịch địa phương được anh em trong Căng mời cơm. Thức ăn là những sản phẩm do anh em tự sản xuất và chế biến.

Tan hội ra về, bà con càng hiểu rõ thêm những người cộng sản, thấy anh em tù cũng như mọi người nhưng có phần còn giỏi giang hơn. Họ trầm trồ khen ngợi các bác “nhà quê” giỏi quá, việc gì cũng làm được, Tây phải sợ. Từ đó không ai bảo ai, các gia đình ở quanh Bá vân, lấy có nhà có cúng giỗ để vài ba ngày lại lần lượt mời vài đồng chí ra ăn cơm, mục đích là để các đồng chí kể chuyện cách mạng cho nghe, mặt khác cũng là bồi dưỡng sức khỏe cho các đồng chí.

Sang năm 1944, phong trào cách mạng ở bên ngoài rất sôi nổi, các đồng chí trong Căng cũng tích cực tranh thủ học tập, thảo luận về việc xây dựng lực lượng quần chúng, lực lượng võ trang, về điều kiện khởi nghĩa, bàn việc đẩy mạnh sự giúp đỡ phong trào cách mạng các xã chung quanh.

Tháng 7-1944, chỉ bộ Căng bí mật họp bàn thực hiện nghị quyết của Xứ ủy, trong đó có việc rút một số đồng chí ra khỏi Căng để cung cấp cho phong trào bên ngoài, đương rất thiếu cán bộ lãnh đạo. Cuộc tranh luận khá sôi nổi; ai ở, ai ra ?, cách đánh lạc hướng vây bắt của địch, kế hoạch cho anh em ở lại đấu tranh với bọn cai ngục sau khi nổ ra vụ vượt Căng v.v...

Trước hôm vượt Căng, nữ đồng chí Trịnh Thị Tâm, cán bộ của Xứ ủy, làm nhiệm vụ liên lạc từ ngoài vào Căng, nhận được một gánh rất nặng đem về Phú Bình. Đến đây, đồng chí Tâm theo một đường dây khác về Xứ, còn gánh hàng, lại do người khác chuyển tiếp.

Ngày 21 tháng 8 năm 1944, như thường lệ, các đồng chí ở Căng phân công nhau, người đi chợ, người đi lấy củi...sau đó tám đồng chí ở trong danh sách được vượt Căng nhanh chóng tập hợp lại, gồm các đồng chí : Trần Kiên, Khoát Hồ, Phạm Bá thoan, Hà Kế Tấn, Hoàng Đức Viên tức Bắc Dũng, Nguyễn Danh Đích, Nông Văn Đô và Bùi Văn Hách. Các đồng chí lại chia thành từng nhóm nhỏ, đi xa dần Căng Bá vân.

Ngày 22 tháng 8 năm 1944, bọn chúa ngục mới phát hiện ra có tù trốn. Bọn chúng cuống cuống đánh điện đi khắp nơi truy nã. Thấy các chiến sĩ cộng sản bỏ đi không dấu vết, bọn địch cũng sợ bị khiển trách nặng, chúng cho phá một lỗ hồng lớn ở hàng rào để báo cáo với cấp trên của chúng là tù chính trị trốn ra theo đường ấy.¹ Chúng có biết đâu rằng, tám đồng chí ở Bá vân ra đã qua lối: Ổ gà, Bình định thay quần áo rồi đi hướng huyện Phổ Yên, qua Phố cò, vòng Ba hàng, về Tiên thù, đi đò qua soi Cả thác ở Vân xuyên để chờ đợi Xứ ủy giao công tác.

Mặc dù bị đánh đập, tra hỏi về vụ tù trốn, các đồng chí còn lại trong Căng không ai cung khai. Các đồng chí đã tuyệt thực để phản đối bọn chúa ngục hành hạ dã man anh em tù chính trị.

Bị thất bại đau đớn, bọn Pháp đành phải giải tán “Căng” Bá vân. Chúng cho chuyển số tù còn lại về Hà Nội để phân tán đi các nhà tù Sơn La, nghĩa lộ...

Cuộc chuyển tù từ Bá vân ra thị xã Thái Nguyên về Hà Nội, đã làm náo động cả mấy khu phố và các xã lân cận thị xã. Đoàn tù, từng đôi một, bị xích tay nhưng vẫn hiên ngang ngẩng cao đầu, vừa đi vừa hát các bài ca cách mạng.

Đứng giữa ngã tư thị xã, một đồng chí tươi cười nói chuyện với nhân dân xúm xít gần chỗ tù tập trung. Đồng chí chào bà con ở lại và khuyên đồng bào hết sức ủng hộ cách mạng, ngày giải phóng quê hương, xứ sở không còn xa nữa. Những người lính áp giải tù, lưỡi lê tuốt trần, cũng đứng lặng nghe nói

¹ Vì lý do này cho nên báo cáo của Sở mật thám nói là tối 21 rạng 22 tháng 8 năm 1944 có 8 tù trốn.

chuyện. Tên sĩ quan Pháp xộc đến đám đông, si sồ quát tháo ầm ĩ, lúc đó những người lính mới giật mình, rồi rít giục anh em tù cộng sản lên đường.

Đoàn tù đi đã xa, nhân dân vẫn đứng nhìn dõi theo. Từ xa còn vọng lại bài Quốc tế ca rất hùng tráng, hứa hẹn ngày vùng lên của các dân tộc bị áp bức. Ngày ấy không còn xa nữa...

THANH SẮC ghi

MỤC LỤC

	Trang
LỜI GIỚI THIỆU	2
Thoát một người là có lợi cho Cách mạng Hà Khai Lạc <i>kể</i> Nông Thiêm Phụng và Nguyễn Thanh <i>ghi</i>	3
Cũng là góp sức làm cách mạng Hoàng Thị Tỳ <i>kể</i> Dương Thanh Bình <i>ghi</i>	8
Đi Nam tiến Nông Văn Quang <i>kể</i> Hà Phụng <i>ghi</i>	14
Niềm vui ở bản Mèo Giàng Hồng Sli <i>kể</i> Nông Quốc Phòng và Thủy Minh <i>ghi</i>	31
Diệt “Đồng minh giả” Đặng Dũng	38
Chỉ thị của Đảng Hà Phụng <i>ghi</i>	44
Những ngày sôi nổi Nhị Quý <i>kể</i> Hà Văn Viễn và Nguyễn Thanh <i>ghi</i>	58
Những ngày đầu giữ chính quyền N.C.T <i>ghi</i>	70
Căng Bá Vân Thanh Sắc <i>ghi</i>	76

